

VĂN ĐỀ

GIẢI PHẪM XUÂN CANH TUẤT

Số 30 - 31

Tháng 1-2-1970

Nội dung:

mai thảo	1	hà nội, huế, saigon
nguyễn sỹ tể	9	nền có phải viết về mùa xuân
nguyên đình toàn	12	đêm lãng quên
vũ hoàng chương, đình	24	những bài thơ về hà nội
hùng, nguyên bình, thám		
tâm, bàng bá lân, phạm		
nguyên vũ		
tùy hồng	37	nói với huế
bình nguyên lộc	40	saigon thủ đô bách việt
nguyễn quang hiện	44	saigon nơi tôi đã vui chơi và nhớ lệ
trùng dương	49	ý nghĩ về một thành phố
sơ dạ hương	53	trái tim trong thành phố
mặc đồ	57	saigon của tôi
từ kế hương	62	những ô cửa cũ saigon
nguy ngữ	69	ngày về tìm nhau
phạm công thiện	80	biển xanh trộn lẫn với mặt trời
doãn quốc sỹ	85	mùa xuân nói chuyện thiên
huỳnh phan anh	89	mộng tưởng
du tử lệ	95	con ngõ tràng an
sơn nam	98	một chút lịch sử về saigon
đặng tấn tới	105	cây lá saigon
mang viên long	108	còn một chốn nào
phạm thiên thư	125	thơ nhự
trần lê nguyên, quách		những bài thơ về saigon và huế
thoại, hoàng anh tuần		
thanh tâm tuyên, trần		
dạ từ		
nguyễn xuân hoàng	131	huế, chào buồn
thanh tâm tuyên	145	hư tưởng của một thành phố khác

chủ đề của giải phẩm mùa xuân này là hà nội, huế, saigon, ba thành phố tượng trưng cho ba miền đất nước.

MAI THẢO

hà nội, một ánh lửa đã tắt

Thời kỳ tản cư ra khỏi thủ đô Hà nội, bấy giờ là 46, toàn quốc kháng chiến, trôi dạt suốt ba bốn năm liền ở mấy tỉnh phụ cận với năm cửa ô và ba mươi sáu phố phường là Sơn Tây, Hà Đông, Phủ Lý, tối nào với tôi cũng có một khoảng thời gian nhỏ dành cho nhìn về Hà nội. Đứng dưới một gốc cây, tôi trèo lên cành. Ở giữa một cánh đồng, tôi lên mặt đê. Một bụi tre làm cho khuất lấp? Tôi lần ra khỏi ngõ. Và như thế, đứng cái thế đứng chênh vênh trên một ụ đất, một gò đồng, tôi mê mải ném tầm mắt vào một khoảng trống trải rộng, nhìn về cái phía có một vùng ánh sáng lung linh hư ảo bốc lên. Trời của chiến thời mới khởi dấy hồi đó, đêm nào cũng tối đặc như trời ba mươi tết. Tiêu thổ lướt qua như một bóng rợp khổng lồ, tất cả những thị trấn đã san thành bình địa. Duy Hà nội còn đứng vững với những kiến trúc tiền chiến và tiền khởi nghĩa, duy Hà nội còn ánh sáng cọn mái ngói, còn cửa sổ, hàng hiên và những ngọn điện đường.

Cho nên, giữa một địa hình làng xóm tối đen hoa mắt, bên này một vòng đai trắng, mà đứng ở đâu, tôi cũng quy định phương hướng Hà nội thật dễ dàng, bằng vùng hào quang của Hà nội ở xa xa, vùng hào quang chập chờn, nghỉ ngút, như dấy bốc lên từ một miệng lò vĩ đại. Màu hồng của lửa ném lên khoảng không mịt mù ở một góc trời, đó là cái ấn tượng, cái hình ảnh cuối cùng Hà nội còn gửi đến cho tôi, tôi đã ở xa rồi, đêm tối vây quanh, nhưng tôi còn nhìn thấy lửa của Hà nội, và lửa ấy đã cháy sáng trong hồn tôi thành một tình yêu lớn. Kể thức với đêm giải đến chán ngấy, đợi chờ một ánh nắng bình minh, thấy cái đĩa mặt trời đỏ lửa hiển hiện, niềm vui có lẽ cũng chỉ ngang bằng với niềm vui mừng đầy xúc động của tôi, khi nhìn thấy vùng lửa xa của Hà nội trong đêm. Suốt mấy năm đầu của một lưu động trường kỳ, tôi không rời được mấy khu vực kế cận với Hà nội, tôi quần quanh với những làng xóm Hồng Hà, tôi lưu luyến với những bãi bờ sông Đáy, nguyên nhân tình cảm sâu nặng kín thẳm là ở đó, nơi tôi không rời xa được một ánh lửa đêm, ánh lửa tạo cho tôi cái ảo giác Hà nội còn gần, và phía lửa Hà nội còn kia, tôi còn thể một ngày trở về Hà nội. Lửa của trời Hà nội. Lửa hồng bên trên, Hà nội dưới lửa. Lửa cháy thành năm ngọn, mỗi ngọn một cửa ô. Lửa đỏ ba mươi sáu tầng. Mỗi tầng một phường cũ. Nhìn thấy lửa Hà nội xa xa chập chờn dấy bốc với tượng tượng dẫn đường và hình dung phóng lớn, kết tụ từ một tổng hợp của ánh sáng muôn nghìn hành một vùng lửa lớn, tôi đã thấy được Hà nội, qua từng khu phố, từng con đường. Lửa kia là của những ánh điện thấp thoáng lơ lửng buông rủ bên bờ Hoàn Kiếm, phản chiếu lên từ mặt nước Hồ Gươm. Chỗ sáng rõ nhất của hào quang ném thẳng lên trời kia, không thể khác hơn là khu trung tâm đông chật của Hà Nội, lửa nhiều như vậy là lửa của Hàng Ngang, Hàng Bạc, Hàng Đào. Những đường viền mờ nhạt hơn, lúc có, lúc không, lúc ngời lúc tắt kia là lửa ngoại ô, với những ngọn đèn cao trên đề Yên Phụ, những chụp bóng thấp lổ vào Cổ Ngự, và cái hàng dài như một cánh tay, lan xa thành một mũi tên vàng trong bóng tối kia, là dẫn lửa hai hàng lấp lánh chạy từ phố Huế chạy tới Bạch Mai, giữa leng keng tàu điện Kim Liên rong chuyển cuối cùng về Ô Đống Mác. Lửa Hà Nội nhìn xa như

thế, mê đắm nghìn lần hơn khi Hà Nội nhìn gần. Trời cứ tối đặc ở ba phương. Riêng lửa một phương Hà Nội sáng.

Nhiều đêm, tôi không nhìn thấy vùng lửa ấy của Hà Nội. Đó là những buổi tối có sương mù, có mưa dăng, và trời hậu phương những đêm đó, đã không còn một què hương nào cho tầm mắt nữa.

Rời xa Hà Nội thêm, thêm những cây số đường vào miền trong, thêm những cây số đường lên miền ngược, lửa Hà Nội bỏ lại bên kia những triền núi, và những cánh rừng, tôi không còn nhìn thấy. Nhưng đi xa thuở đó, tôi đã mang lửa Hà Nội lên đường trong, mắt đã nhạt nhòa, mà đêm đêm nhớ về Hà Nội, lửa ba mươi sáu phố phường vẫn cháy sáng, rực rỡ, một vùng trời tri tượng. Hội lửa trong tôi về Hà Nội những năm đó chưa tắt. Còn bập bùng. Còn sáng rõ. Những đêm đứng ở một đầu núi Thanh Hóa, những buổi tối đứng ở một lưng đèo Phú Thọ, xa cách với Hà Nội đã bằng một xa cách nghìn trùng, mà tầm mắt lơ lửng của tôi vẫn còn như sáng mãi vùng lửa ấy của địa hình Hà Nội trên trời Việt Nam đêm. Nói một cách khác, có thể là hết thấy, nhưng tôi vẫn nhìn về, nên Hà Nội vẫn sáng. Nói cho đúng hơn, lửa của Hà Nội đã có thể chỉ còn là thuần túy một ánh sáng tượng tượng, nhưng tình yêu cũng lửa đỏ mà, tôi còn yêu, tôi còn lưu luyến, tôi còn gắn bó, nên giữa tối đen nào, Hà Nội vẫn sáng ngời, vẫn lấp lánh trong tôi. Rồi tôi trở về Hà Nội. Rồi tôi vào Nam. Và một đêm, lửa Hà Nội không còn cháy nữa. Bấy giờ là vào khoảng bốn giờ sáng. Bốn giờ sáng của một ngày tháng bảy của năm Việt Nam mang tên là rời đứt hai miền. Chiếc máy bay bốn động cơ vừa cất cánh từ phi trường Gia Lâm. Nửa đêm về sáng của khối hành kin đặc sương mù. Phi cơ vừa rời khỏi phi đạo, lủ cổ bãi nơi phi trường đã nhạt nhòa thành một biển sương đặc quánh. Chiếc phi cơ lượn vượt qua Hồng Hà, nghiêng cánh từ bên này Gia Lâm hướng về bên kia Ga Nứa, lượn một vòng trên Hà Nội. Trên máy bay ngó xuống, chưa từng bao giờ tôi thấy được lửa Hà Nội dày đặc, trập trùng, muôn vàn như vậy.

Chưa từng bay trên Hà nội ban đêm bao giờ dưới biển sao tháng bảy hằng hà lấp lánh, chưa từng bao giờ cái hội đèn hội lửa của Hà nội lại hiện ra trước mắt tôi lung linh trập trùng

như vậy. Mỗi ánh đèn của Hà nội đêm đó là một điểm lân tinh. Muôn vạn lân tinh của Hà nội đã hóa thân thành biển. Có điều là, cùng với cháy sáng đồng loạt của lửa, mà từ trên cái đường kính của một nghiêng cánh vĩnh biệt, tôi đã đồng thời nhìn thấy trong cái cõi ba mươi sáu phố phường lấp lánh động ảnh phía dưới, từng ánh lân tinh của Hà nội tàn dần. Đêm lên đường, cái hệ thống đèn lửa lơ lơ của Hà nội đang dần dần khép mắt. Từng ngọn một. Từng ngọn một. Từ Yên Phụ tới Kim Liên. Từ Quan Chưởng tới Cầu Rèn. Từ Mã Mây tới Bảy Mẫu. Bay lên khỏi địa hình Hà nội, mỗi đốm lửa Hà nội, trong tâm tưởng đã rời đứt vĩnh viễn với đô cũ ở nơi tôi, là một ánh tinh thể xuất thoát khỏi một tử thi đã lâm chung, đã ngừng thở. Khi người nữ chiêu đãi viên bảo tôi là máy bay đã lên cao, đã bay vào một đường thẳng, đang hướng về những vì sao phương Nam, tôi nhắm mắt lại. Đầu óc tôi phút đó tối đen. Với tôi, đêm đó lửa Hà nội đã tắt. Tắt tới cái điểm le lói cuối cùng của lửa.

mai thảo

VŨ KHẮC KHOAN

sài gòn huế hà nội và tôi

Một thoáng hiện hốt nhiên bất chợt nơi một lối ngoặt, một ngã tư, một hè đường, một chút nắng đan trên mặt lộ, một thoáng hiện như một sự kiện đã xảy ra, như rút về tự một dĩ vãng đâu đây, chỉ có thế, hơn nữa, khởi lên trong giây lát đề rồi tan đi như bọt sà phòng, nhưng bởi đã thắm nhận diện là quen thuộc, nên người trong cuộc — đang sống vội trung tâm sinh hoạt phồn tạp một đô thị vô tình — chợt sống người, chợt nhớ lại, chợt thấy dấy lên tự sâu thẳm kỷ ức, một vài nét kỷ hà đường ngang lối dọc, một vài khối hình lùm cây, nóc phố, đề, từng mảnh vụn chấp nối, một bối cảnh thành hình, một địa danh được gọi lên và một thành phố được khai quật. (Một thành phố rời bỏ đã từ lâu, đã tưởng trọn vẹn vùi lấp trong lòng đất và đá của một vụ chấn động tâm tư nào đó mà sức tàn phá tưởng có ngang sức tàn phá một cơn địa chấn thời hoang vu, cả một lục địa một sớm vụt trở thành rốn bễ.)

Cái hiện tượng bất giác bị đẩy lùi về dĩ vãng đó, tôi vẫn cứ thấy giống như một khai quật nhớ thương hướng về một người. Một người đàn bà.

Một thành phố như vóc giáng một người đàn bà. Cũng thờ ơ, lãnh đạm, vô tình, vô duyên, cũng quyến rũ, yêu, nhớ, đứt

áo ra đi, trở về đột ngột. Sống ở đó, trong đó, là thôi suy nghĩ về đó, là với một người đàn bà, dần thân vào hành trình một cơn đam mê, là dọn mình để chấp nhận tất cả: tiếng động của xe cộ, phiền toái của luật lưu thông đèn xanh đèn đỏ, bụi bặm của một khung trời chật hẹp, rác rưởi của đầu đường xó tu chợ, sinh lây của ngõ hẻm, bất ngờ của điện và nước, và thỉnh thoảng, những buổi sáng sinh động, những buổi trưa tĩnh vật, những buổi chiều tay muốn nắm tay, những đêm xuống thân xác tìm thân xác. Sống ở đó là... sống ở đó. Không đặt vấn đề. Không thăm định giá trị. Cho nên... *Saigon đẹp lắm Saigon ơi* là ngỡ ngàng, là sai lầm. Vì Saigon không thể đẹp, không thể xấu đối với người Saigon. Trước khi yêu, người ta có thể bình tĩnh phân tích, ngắm nghĩa, so sánh. Yêu rồi là thôi tính toán, là chẳng thấy gì, là chuỗi theo, là hết. Hình như tòa building Caravelle có xây nghiêng mấy độ, người Saigon vẫn thản nhiên tản bộ đường Tự do. Saigon bị pháo kích, người Saigon lắm lần lo sợ nhưng nếu có chạy thì cũng vẫn quanh quẩn đường nọ tản cư sang đường kia, khu phố này xê dịch sang khu phố khác. Rút cuộc người Saigon vẫn ở lại Saigon. « Saigon là đất bồi, là bến nước, là bốn mùa luân chuyển trong một ngày, là mưa là nắng dứt khoát hai vụ gió mùa, là đam mê, là sống vội hôm nay, không có hôm qua, bất chấp ngày mai ». Có thể là như vậy. Nhưng đó là Huế, là Cần Thơ, Sóc Trăng, Hà Nội, Phú Lý, đó là những người làm văn làm thơ, những người nghiên cứu địa lý, xã hội... đó là *những người khác* luận về, ca tụng, viết về, bàn tới Saigon. Người Saigon gắn liền định mệnh của riêng mình vào định mệnh chung của Saigon và không có ý kiến về Saigon.

Không biết xa Saigon, người ta có nhớ Saigon, nhưng có những nơi người ta đang định cư, đang lạc nghiệp, chưa hề rời nửa bước ra khỏi đường ranh, mà nhớ nhung vẫn hiện hữu, vẫn giăng mắc đâu đây — ở mọi ngã đường, đầu phố, ngã ba, ngã tư — ngay trong sinh hoạt hàng ngày. Hầu như nhớ nhung ở những nơi đó đã trở thành một thứ hạ tầng cơ sở mà lâu ngang phố dọc, chợ búa, bát úp nhà phường, tàn cây, lối cổ xây

dựng lên trên chỉ là những kiến thiết thượng tầng. Huế chẳng hạn, Huế là dĩ vãng, luôn luôn là cái đã qua đè nặng lên cái bây giờ và dọi bóng âm thầm lên dự phóng những buổi sáng ngày mai. Huế là mối tình phảng phất màu bệnh tật, người đàn bà thường kỵ ánh mặt trời. Huế là mờ mờ nhân ảnh dọc một dãy hành lang Đại Nội, là tinh túy chất đen lầy của một ánh mắt có đuôi chộn với chút lệ ma Hời, là lằng đằng khói sương bên kia bờ con Hương giang có hoa bắp lay lắt từng đợt gió Lào, là thấp thoáng vô tình mà hữu ý bóng ai qua những xen kẽ thừa mau, một bức dậu tre ngăn đôi hai căn nhà cổ rêu mát leo chân tường miền Vĩ dạ. Tự lòng kiến trúc, Huế ôm chặt lấy dĩ vãng của mình bởi những con đường thương mại chạy dọc Hương giang không làm tròn nhiệm vụ hòa giải giữa cung miền triều xưa và những xây dựng nắm mang ý hướng noi theo tiến hóa Tự chất liệu hình thành, tự đất, nước và đá, Huế thỏa mãn, tự kiêu với niềm hoài cổ, nước sông Hương đầy hiện tại ra bề Thái bình, đá núi Ngự sừng sững bề quan tòa cảng. Huế là trăng, sinh hoạt ban đêm, là mối tình è chề, luôn luôn chờ đợi tiếng gà gáy lẻ để nhớ về một mối nhân duyên gán bó « vợ con chuyện nhà », muốn dứt đứt mà những buổi chiều « nắng chia nửa bãi », vẫn thấy ngậm ngùi, chân quen lối cũ, đường cổ xuyên qua nường sắn mòn thêm một lần nữa, một lần nữa... (rời thôi hỉ !)

Tôi hiện đang sống giữa Saigon. Tôi đã hơn một lần dừng chân ở Huế. Nhưng tôi sinh trưởng ở xa hơn nữa, giữa lòng Hà nội. Và giữa lúc này, nghĩ về Hà nội, tôi không biết viết gì ngoài một lá thư. Một lá thư bình dị. Của một đứa con gửi một người mẹ. Một người mẹ đã mất. Và tôi nhận thấy ngay một cần thiết giải thích.

Số là... nghĩ về Hà nội thì trong cái mòng lung rối bời mờ mờ hiện hiện, tôi chỉ còn thấy hiện lên những con đường. Con đường rầy phanh xe lửa rít rợn thần kinh mỗi khi từ từ chuyển bánh để đi vào ga Hà nội. Và — chuyển xe cuối cùng Hải Phòng Hà Nội — đi vào giữa giấc ngủ của tôi tự tấm bé, mang theo tòa ắp căn nhà tôi sinh trưởng, nắm sát một bốp

ghi, hương vị của than tàu, tiếng gọi của còi tàu và ma lực quyến rũ của ý niệm mang mang một rời bỏ, một lên đường. Những lúc đó, sự tĩnh, tôi thường dờn lòng ấm của mẹ tôi, để đi vào những giấc mơ đại dương trời xa và rộng chỉ còn là một con đường cong chấm dứt chân trời. Những giấc mơ đó thường kéo dài vào những giấc mơ lớn khác và thường kết liễu, đột ngột, khi mẹ tôi từ từ ngồi dậy, khí lạnh của đêm tàn lên nhẹ vào chiếc mền nậu, khi giờ tay ra ôm và yên trí là mẹ thì bỗng sững sờ bởi chỉ bất gặp một khoảng không buốt ngắt, một chiếc gối cứng nhắc đượm hơi sương sớm ngoài trời.

Con đường nào cũng đề xa nhà. Nghĩa là xa mẹ. Con đường chạy quanh bãi đá bóng Cột Cờ, đi tự sớm để tranh chỗ tốt, về thật chậm, chân dẫm trên sương của cỏ, bước chân ngần ngừ trước ngưỡng cửa nhà, lòng hoang mang sửa soạn đối phó với ánh mắt đợi chờ bữa cơm chiều của mẹ. Con đường đôi dẫn lên Quan Thánh dẫn đến Trường Bưởi, chuông xe điện lạnh canh, bước chân rộn vội bước theo bước chân của bạn. Con đường Carreau, cây mọc vút lên cao như hi vọng sinh viên, cành cây nhưng nhúc nhúc non như lòng ngực sinh viên đầy đường khi của những ngày mai. Con đường ngoằn ngoèo làng Láng, Voi Phục, Cỏ Ngur, nhịp bước dài và mạnh hơn bước của ai, tay nắm tay ai mà run rẩy như có ử chiêm chiêm chiếc chim non. Con đường... còn rất nhiều con đường. 9-3-1945. 19-8-1945. 19-12-1945. Và... con đường xuyên Việt Hà Nội Huế Saigon 1954.

Con đường nào cũng đề dẫn đi xa. Xa lòng mẹ.

Nhưng tôi lại nghĩ thêm rằng con đường nào nếu đã dẫn được đi xa tất cũng có thể dẫn về, dẫn trở lại. Và cũng bằng những con đường cũ, tôi trở về đề mong ước rất viên vông, để giả tưởng rất hão huyền rằng... nếu mẹ tôi chưa chết... Để được viết một lá thư. Rất bình dị. Lá thư tất nhiên phải kết luận như sau:

Thưa mẹ... con, chúng con xin kính chúc mẹ dồi dào bình an. Còn về phần con, còn về phần chúng con, thì nhờ Trời nhờ Phật... vẫn được như thường. Nay kính thư.

Và ở dưới, dĩ nhiên là phải ký tên. Rất rõ:

vũ khắc khoan

NGUYỄN SỸ TẾ

nếu có phải viết về mùa xuân

Nếu phải viết về mùa xuân, có lẽ điều to lớn hơn cả mà tôi phải nói là « quy ước ». Quy ước cốt yếu về phương diện tình cảm. Đã thành một thói quen cho người ta chờ đợi mùa xuân. Khung cảnh của đất trời cũng gọi người ta làm việc ấy. Cuộc sống gồm nhiều mệt mỏi hơn là dịu dàng. Người ta muốn một dịu dàng chung, một dịu dàng chính thức, một dịu dàng cho thể xác và một dịu dàng cho tâm hồn. Đây chỉ là khoảnh khắc ngưng nghỉ của dòng đời tự nhiên, một hội hè có tổ chức để phá tan cái đều đặn và buồn tẻ của cuộc sống.

Một người đã sống qua nhiều mùa xuân sẽ làm một trung bình số giữa những hình ảnh nặng cảm tinn của những giờ khắc đó với những hệ số khác nhau dành cho mỗi giờ khắc và tùy theo mỗi giờ khắc. Thêm vào đó là những chiếu phóng của ước vọng tương lai trên cái nền hiện tại và quá khứ đó. Tư tưởng bỗng bành thành hình rồi tan biến. Trí óc trở nên lười biếng và cộng tác ý tưởng hóa hay khái niệm hóa chẳng mấy khi có kết quả vững vàng.

Chờ đợi mùa xuân, đi tìm những dịu dàng nhưng rồi cũng có người chỉ bất gặp những khắc khổ. Một hội hè nào rồi cũng có những rủi ro, những tai nạn cho một số người nào đó. Và những khắc khổ này trong giờ khắc dịu dàng kia lại càng trở nên thấm thía.

Tôi nhớ màu hoa đào của miền Bắc, cánh mai vàng miền Nam, những trận mưa phùn, những buổi nắng trong, những con đường lầy lội, những rạch nước quanh co... Tôi nhớ những mùi vị mặn mà, những khói thuốc êm đềm, những hội họp ồn ào, những ngao du lãng đãng... Với mùa xuân, tôi muốn trở lại tuổi ấu thơ, quên đi hết những bồn phận khô khan, những rạn- buộc phiền toái.

Mùa xuân là quý ước tình cảm mà con người chấp nhận đông đảo hơn cả.

Nếu phải viết về thủ đô, có lẽ điều to lớn hơn cả mà tôi phải nói là « lịch sử ». Đó là một thành phố lớn hơn cả, đông hơn cả, chính trị hơn cả và có lẽ cũng văn minh hơn cả. Một tình cờ lịch sử thêm vào cho một thành phố như đất trời thêm cho mùa xuân.

Tình cảm thủ đô bao giờ cũng gắn liền với tình cảm quê hương và tình cảm gia đình. Ở đây người ta cảm thấy có một cái gì yên ổn, một cái gì chắc chắn, một cái khung cho đời sống trong và ngoài của mình.

Hỏi ba người, một sinh trưởng ở thủ đô, một trú ngụ ở thủ đô, và một chưa biết tới thủ đô bao giờ sẽ được những câu trả lời khác biệt. Người sinh trưởng ở thủ đô có cả một quá khứ tình cảm hùng hậu để gắn bó với thủ đô. Ý niệm so sánh giữa các thị trấn sẽ giảm thiểu đến cùng. Hình ảnh thủ đô khiêm nhường và thân thiết hơn. Đối với những người chỉ sống nhờ ở thủ đô, hình ảnh thị trấn đàn anh này có vẻ thu hút hơn, thuận hợp với những tập quán tri tuệ hơn nhưng lại kém phần thẩm thiết. Ngoại giả thủ đô chỉ còn là một niềm kiêu hãnh lịch sử, nghĩa là một kiêu hãnh tượng trưng.

Sự tình cờ lịch sử đã đưa tới sự lên ngôi liên tiếp của ba thủ đô ở nước nhà. Tình cảm thủ đô do đó có phần phân tán. Không kể tới sự đòi hỏi của lịch sử, sự kiện này cũng là một thiệt thòi cho đời sống tình cảm của mỗi người. Sức mạnh thương yêu của con người cũng có giới hạn. Phải có rất nhiều sức mạnh trí tuệ để bù đắp vào đó.

Tôi không có thủ đô sinh trưởng. Tôi chưa bao giờ biết Huế

ngoài sử sách và văn chương. Saigon là một ơn nghĩa và là một thành trì cuối cùng.

Nếu phải viết về văn chương, có lẽ điều to lớn hơn cả mà tôi phải xác nhận là « lãng mạn ». Ý nghĩa miền viễn và vượt thời gian của văn chương là cốt tinh lãng mạn đó. Cổ điển, hiện thực, đấu tranh chỉ là những lũng đoạn nhất thời. Chút ít còn lại của những nhất thời trên cũng nhờ cái men tinh mà chúng chất chứa.

Vận hành của lý trí thì ngắn và vận hành của tình cảm thì dài. Những tình cảm phát sinh từ tư tưởng chẳng bao giờ có cơ hội sống lâu khi mà tư tưởng thường sinh ra mệnh yểu. Chẳng nào văn chương còn tìm kiếm tự do và độc đáo chừng đó nó còn là lãng mạn.

Tôi phải xác nhận sự hiện diện của tôi trước sự hiện diện của nhân loại khi mà nhân loại chỉ hiện diện bằng và qua ý thức tôi. Tôi đã lấy một cái gì phải cho tôi trả một cách thuận tình bằng của riêng tôi.

Là « khám phá vũ trụ », là « điều tra xã hội » hay là « hình thức nguy trang của tôn giáo và của hành động », đi tìm « một thiên đường bỏ mất » hay xây dựng một « tân thiên đường » trên dữ kiện mới, tách rời con người khỏi thế giới hay quy nhập con người vào vũ trụ, văn chương vẫn là tình cảm cá nhân mang nhân loại tính chiếu phóng lên nhân loại, vẫn là ước vọng khởi đầu cho mọi hủy diệt và mọi xây dựng lớn lao của con người.

Nếu không chối bỏ lãng mạn và phiêu lưu của cách mạng, ta càng nên gắn liền văn chương với phiêu lưu và lãng mạn.

nguyễn sỹ tề

NGUYỄN ĐÌNH TOÀN

đêm lãng quên

1

Không khí bỗng trở nên nặng nề khó thở. Mùa hè bao giờ cũng bắt đầu như thế. Bắt đầu bằng những đêm thức khuya hơn của những nhà kế cận, bắt đầu bằng những tiếng nước chảy xối xả của những người tắm khuya, bắt đầu bằng những đám bụi phủ dày trên các khung cửa sổ dù đã được phủ hai ba buổi một ngày. Sự oi bức đã làm cho lũ trẻ biếng chơi và hay khóc. Người ta mong đợi những trận mưa. Nhưng đối với một lão già như ta, cái nóng bức dù sao, cũng còn dễ chịu hơn là những ngày giá băng, (giá băng như cái thành phố xa tít nào ta đã sống những năm khỏe mạnh nhất của đời mình, đánh bạc thâu đêm suốt sáng, nhưng vẫn có thể gần gũi đàn bà ngay sau đó, và li cũng ngay sau đó, có thể tiếp tục ngồi vào bàn bạc), cái rét cắt thịt da, mùa đông chỉ cần vô ý vấp chân vào một hòn đá ngoài đường, cái đau tưởng không bao giờ dứt. Mùa Đông. Cái mùa đông lướt thướt sương mù, buổi sáng trở dậy thở khói ra mũi, những đám sương muối dày đặc đến khi đứng giáp mặt nhau mà không nhìn thấy, cái lạnh thấu xương làm run lật bật cả chân tay, cái lạnh và đàn bà, đó có lẽ là nguyên nhân gây ra căn bệnh tê thấp khốn nạn của ta giờ đây. Sáu mươi tuổi, cái tuổi đã quá già

đối với một người Việt Nam, ta đâu có ngờ ta đã mang theo cả cái thành phố đó (mang theo cả Hà nội) trong xương tủy bằng một chứng bệnh. Cái bệnh này thật là bại hoại quá sức. Nó làm cho ta mất bao đêm không thể chợp mắt. Mỗi cơn tưởng như nó rút gập cả xương sống lại, cơn đau âm ỉ kéo dài trong suốt mùa mưa, không khí ẩm thấp của những ngày mưa đã ảnh hưởng dữ tợn đến căn bệnh, các bắp thịt bắt đầu mềm nhũn dưới lớp da nhăn nheo cứ bóp thắt lại từng cơn làm cho rời rã. Ta đã nghe thấy tất cả cái hắt hiu tàn lạnh của một đời người, của những đêm mãi mê trong các cuộc truy hoan, đổ đèn, tích lại trong máu huyết, bây giờ đang muốn tắt đi cái dư vị cuối cùng, tắt đi cái chút lửa còn sót mỗi khi cơn bệnh bớt hành hạ, cho ta cái cảm tưởng, ta vẫn còn chân tay, vẫn còn đời sống, vẫn còn một vài phút rạo rức những ước muốn, như một vài tia nắng sớm mai chiếu qua những đám mây đen trước khi rạng sáng, chỉ mình ta thấy lại sự ấm áp, cái buổi sáng rực rỡ và một ngày dài oi ả chói chang sau đó, là của những người khác, ngày là của những kẻ khác, ta chỉ còn những đêm đen, những buổi xế chiều, những sớm âm u, những giờ phút đời sống đã tự đầu mất, đã lần khuất, đã lần lộn, tuổi già như một cơn nước lụt đã dâng lên tới ngang ngực, hơi thở đã khó khăn, những thú vui đã bị chìm cả xuống vực thẳm phiền muộn, những nỗi phiền muộn không tên, như những cơn giông muộn màng, cuốn rít quanh căn phòng đóng kín, bít bùng, căn phòng chỉ còn những đồ vật cũ kỹ, những tranh ảnh khỏa thân của đàn bà, những người đàn bà Âu Mỹ xa lạ, đối với ta thật sự cùng chỉ còn như một tờ giấy treo lủng lẳng trên tường, đôi lúc trong đêm khuya thao thức ta đã bật đèn ngắm nhìn, trong lúc chạng vạng của những ngày mưa dai dẳng mù trời, hơi nước đã làm cho cả căn phòng lạnh lẽo, ta đã nhìn gió thổi trên những tấm bia đỏ, lật đi lật lại, như những rung động của cõi ngoài đời sống. Ta đã thu mình trong căn phòng tồi tàn, thở hít cái bóng đêm ẩm ướt của thứ dục vọng khô khan, làm một lão già cùn mẫn, ta đã biến thành bất cứ đồ vật nào đó trong căn phòng bần thủ hồi hám này, như chưa hề bao giờ có ta như một người trong đời sống, chưa hề có một tuổi trẻ ta đã trải qua, như thể trên cánh tay này, ta chưa hề biết đến da thịt,

đi mượn một căn phòng, phải xem xét trước, phải biết chỗ bặt điện).

Perf. nói :

— Dư một cái giường.

Anh cởi áo sơ-mi mang lên thành ghế, mặc áo thun, tôi lấy thêm một cái gối bên giường kia bỏ sang. Tôi ngồi xuống đầu giường nhìn quanh phòng. Ốc tôi như bị dồn trấu, đặc cứng. Tôi không nghĩ gì được lúc ấy, cũng không có cảm tưởng mình đang chờ đợi điều gì.

Tôi mặc cái áo sơ-mi của Perf.. Hai người nằm một giường, đắp chăn, tôi thấy tê cóng. Perf. nói lạnh nhĩ. — Tắt cái quạt cho rồi nghe. — Ừ, nhưng cái ổ điện bề mất rồi. Perf. ghi lấy người tôi hôn.

Dĩ nhiên trong một tình cảnh như vậy Perf. có quyền đòi hỏi này nọ, bởi chính Perf. là người đứng ra tạo lấy cơ hội, tôi dù có sáng suốt cách mấy cũng không muốn tỏ ra khó khăn làm gì. Nhưng chuyện đáng nói là tôi đã sáng suốt quá, tôi không để Perf. đụng tới cửa mình, tôi giẫy như đĩa phải vôi. Perf. nói : bỏ áo ra đi. Tôi vùng vằng : tôi không quen làm chuyện ấy.

Nhưng có lẽ trò chơi cũng bắt đầu làm tôi thích. Tôi ngậm lấy môi Perf. đắm đuối, tự nhủ rồi tàn đời nghe con, rồi con sẽ biết tại sao người ta hôn nhau khi người ta vốn chẳng yêu nhau lắm, tôi chẳng yêu Perf. lắm đâu nhưng tôi vẫn hết lòng hôn Perf. đôi khi trong lúc hôn tôi cũng nhớ rõ điều ấy. Nhưng tại sao, tại sao chứ. Tôi nói lại ý nghĩ đó với Perf.. Anh cười bảo, tất cả những người bị chứng rhumatisme đều như vậy. — Nhưng tôi, tôi đâu có mắc cái chứng đó. Tôi cãi.

Tôi nằm trên cánh tay Perf. nghe anh hát, người tôi yêu có hai bàn tay diêm kiều, anh vỗ vỗ vào lưng tôi, ngủ yên đi con ngủ yên đi con... sao em nhỏ xíu vậy ? Tôi dụi mặt vào nách Perf. hãy quên em cho thật chắc nhưng đừng cho em thấy nọc độc của anh (tôi nhại câu này của ai ?). Tôi kéo cầm Perf. : có nọc độc không ? — Chắc cũng có chứ. Perf. vừa đáp vừa cắn tôi.

Perf. van vĩ : em bỏ áo ra đi. — Anh nói dối vừa vừa vậy, anh không yêu tôi. — Em muốn không ? — Không, không có gì cần, em không muốn. — Thêm thuốc lá quá, anh ra đừng mua bao diêm

nhé. — Em cũng vậy. Tôi ngồi dậy cởi áo đưa cho Perf., lấy chân quần người. Coi tôi giống con đi dử. Đi đi, đi mua diêm đi.

Chúng tôi hút thuốc, Perf. hát. Tôi cố gắng giữ lòng tỉnh táo đừng dưng, tôi lắng nghe hơi thở Perf. thì thảo kè sát, tôi tưởng tượng tôi đang hạnh phúc, chưa bao giờ tôi ở bên cạnh một người đàn ông mà không thấy ghê tởm, tôi muốn nói ngoài Ngủ ra, Perf. là người đàn ông thứ hai có một chút quyền hành trên thân thể tôi, tôi cảm thấy hạnh phúc.

Perf. giơ một bàn tay ra chỗ đèn sáng, tôi nhìn thấy lỗ chân lông lớn, những ngón tay đàn ông. Chỉ có lúc ấy, trong một giây tôi lặng người nhớ sức lại tôi đang nằm trong cánh tay một người đàn ông (má, tội nghiệp má, mỗi đêm con vẫn còn ngủ với má, mắng vú má, thở hít mùi trầu và thuốc xía từ hơi thở má, ngực má mát rượi và thơm xà bông cô ba hết sức, con đã ngủ những giấc yên tâm trên cánh tay má, con quên hết phiền muộn tội lỗi, bây giờ con nằm đây, con sinh sống kỷ cục quá thấy không, thấy chưa má). Có điều gì cho tôi nhận ra Perf., anh lạ hoắc lạ quơ, có điều gì báo trước chúng tôi sẽ thân thiết nhau, tôi thấy tuyệt vọng đau đớn đồng thời muốn đem hết sức lực lòng dạ giữ riết lấy những tình cảm tạm bợ, những giây phút tình ái giả hiệu.

— Nằm lên người anh đi. Một chút thôi.

— Cần đau em.

Perf. kéo nâng người tôi lên. Không, tôi la, tôi chỉ quen sự tiện nghi thôi, tôi chưa nằm lên mình người nào. Perf. hôn tôi. Đừng làm khổ em, anh. Tôi muốn cào nát mặt Perf. và khóc,

— Thay áo anh ra đi, nằm thế nát áo anh hết sao, lát ra đường kỳ chết.

— Kỳ gì kỳ, anh kỳ còn hơn là tôi kỳ.

Tôi phá ra cười. Thật đấy, không đùa đâu. Tôi cười dữ.

— Sợ nát áo sao không nói trước tôi mang áo theo.

— Làm sao biết trước ?

— Anh biết trước — tôi xía xói — tôi dám chắc anh biết trước.

Perf. kéo tôi lại gần. Dồn lên người anh đi, không anh bay mất. Tôi thấy buồn tủi chán nản. Coi chừng em đốt cháy anh bây giờ. Tôi nằm nhích người ra mép giường cúi nghiêng xuống sàn gạch dụi diêm thuốc.

còn xúc động ta tới tận cùng cơ thể. Không, không phải chỉ là cái ham muốn thông thường của dục vọng, nhưng hình như nó đã làm rung rinh cả nỗi bi thương bùng kín trong lòng ta cùng với cái chết. Mỗi tới lúc họ đã làm xong cái công việc đó từ lâu, đã trở dậy mặc lại áo quần, người đàn bà với bộ quần áo đen tay ngắn và người đàn ông với bộ quần áo màu vải lẫn với bóng đêm không thể phân biệt, có lẽ là màu xám hay màu xanh nhạt, ta mới nhận ra cái thân thể bạc nhược của ta mỗi cứng, đó cũng là lúc ta có thể ngó mặt ra khỏi tấm màn che thấp nơi cửa sổ, đón những trận gió âm sương thổi từ phía bên kia mái ngói tới, làm mát bộ râu lởm chởm của ta, một cơn khoái cảm thực sự, chạy suốt thân hình ma dại của ta, làm ta muốn khuyu xuống.

Đời sống đối với ta bây giờ, như mùa hè, như tất cả những mùa khác, chỉ còn một điều đáng chú ý, đó là thời tiết. Một ngày trời lạnh. Một ngày trời nóng. Một đêm trở gió, cái xác của sự đổi thay thời tiết (mùa màng) rỉ rắc trong đêm khuya mang theo cái rời rạc, tan rã của đời ta, trút nó ở một nơi xa thẳm nào, ta cảm thấy rõ ràng đời sống rút đi khỏi ta như một mực nước (con nước có lúc đã tràn lấn vào ta như một cơn lụt, bây giờ rút đi) ta ngó nhìn những cánh tay ốm tong teo, ta ngó nhìn ta như một con vật ốm yếu, sáu mươi tuổi, đó là lúc mọi tiếng động của đời sống đều mang ý nghĩa báo hiệu, không phải mùa hè, mà chính là mùa xuân, cái mùa khó sống nhất của những kẻ già, đời sống treo lủng lẳng trước mặt ta cùng với những tiếng nói không thể thốt, nói với ai, nói cái gì, đời sống cảm lạnh dần trong miệng, đời sống chỉ còn là những tiếng nói, những tên gọi lủng búng trong cổ họng, và mất dần như chạy giạt lùi về phía sau, khi tuổi già phi nước đại tới phía trước, những tiếng nói không thể dùng đến nữa, quay tít như những chiếc chong chóng trong trí tưởng mịt mịt, căng thẳng của ta, làm lộ ra những ý nghĩa nhạt nhẽo, buồn tẻ, đau lòng nhất, đúng hơn những tiếng nói đã nhả hết ý nghĩa, chỉ còn lại như những cái xác chết, những cái xác già nua, những tiếng nói ta thì thầm nhắc lại, ngượng ngùng không thành tiếng, như học lại lần thứ hai, chẳng còn một tác dụng nào đích thực, chỉ có thời tiết, nóng nẩy khô khan, hay lạnh lùng ẩm ướt, cho ta nhận ra đời sống bên ngoài và đời sống trong ta còn có thật, những bức thêm ảm áp, những bãi

cát bóng rầy chân tay, những rặng đồng nồng nàn cây cỏ, những tiếng chim kêu thảng thốt ngoài hiên, những hồi chuông rộn rã đưa các linh cửu, những buổi chiều ngup lặn trong các cuộc vui cổ tát cạn hắt hiu giữa ánh lửa của sức lực gần tàn, tất cả những thú vui, kỷ niệm, tưởng tượng và biến chuyển của đời sống đó, trộn lộn trong ta như một giấc mộng kinh hoàng những sự thật đang biến dễ dàng thành cái giả, và cả cái thật lẫn cái giả đó kéo lê trong những đêm khô héo của ta, nhưng chưa chịu thôi tất những cây nến cấm trên quan tài ta nằm đây đã nghe thấp dậy trên đầu... Những cây nến người ta đã thấp trên đầu áo quan cho nàng, ta đã thổi tắt như một lời vĩnh biệt ta đã nói với nàng đêm ta ngồi canh xác. Những cây nến ta đã dập đi, khi bước ra khỏi nhà, khi rời khỏi Hà nội, như một lời giả từ im lặng tàn nhẫn.

Mùa hè bắt đầu bằng những tiếng chuông đồng hồ lạnh lạnh trong đêm khuya, bằng tiếng đế rúc từng chập lúc sấm tối, bằng tiếng ve rộ từng hồi trên những cành cây cao, và thật là thấm thương cho lão già như ta đồ những giọt mồ hôi vô ích. Vô ích như một đời lang thang. Vô ích như tấm thân ma dại vẫn chưa thỏa những ao ước kỳ cục, những ao ước không thành nổi những ao ước, những giọt mồ hôi rớt trên mi mắt sót, làm giấc ngủ đã khó khăn càng không đến nổi. Những cơn mưa không thể mưa xuống làm cho không khí càng trở nên oi nồng, biến thành những hơi nước nóng bám trên da thịt làm cho muốn phát điên.

Mùa hè bắt đầu bằng những tiếng đàn của mấy đứa trẻ mới lớn tập ca vọng cổ những đêm khuya, rời rã, buồn tẻ. Mùa hè cũng bắt đầu, thực sự bắt đầu, một buổi tối cả khu xóm bị cúp điện, đứa con gái làm cái nghề kỳ cục trong xóm, đến gõ cửa phòng ta, xin một que diêm để thắp cây đèn dầu đang cầm trên tay.

2

Khi con nhỏ gõ cửa ta không thể nào đoán ra nó, mà tưởng là mục gác gian đến quấy rầy, mục lại sắp la lên về cái mùi hôi hám mục ngửi thấy, làm như ta là một lão già không còn mũi

nữa (bao giờ mù chả thế), lại còn phải gõ cửa nữa, cứ vào đi thôi chứ.

Nhưng khi nghe tiếng vịn cửa có vẻ rụt rè, ta đã biết không phải cái bộ mặt đáng ghét của mù sẽ lộ vô, mà đó là một người khác.

Trong cái bóng đêm đen kịt của một cơn giông nín nghen, trận mưa đã không thể nào đổ xuống, đưa con gái hiện lên giữa khung cửa như một khối đen đặc, một mùi vị khác lạ, cái mùi vị chỉ những kẻ sống bao năm một mình như ta, mới có thể nhận biết ngay.

Con nhỏ đứng sững tại giữa khung cửa, có lẽ mắt chưa quen với bóng tối, nó la, sao tối thui vậy ông nội. Vậy ta phải thấp đèn lên để đón mây sao.

Đưa nào đó? Tôi đây mà. Tôi có cây đèn đây. Ông nội có lửa cho con xin một chút.

Nó đứng thẳng giữa cửa một tay giơ cây đèn lên cao. Từ trong nhìn ra, bóng của đứa con gái cất lên cái nền đen đục của khung cửa như một bức tượng nặng, tóc xõa trên tấm áo trắng ngắn, màu quần đen lẫn với bóng tối. Cái bóng nặng chặn ngang những cơn gió nồng nực thổi tới làm cho hơi thở của ta trở thành khó khăn hơn, có một chút gì đó đã tẩm lẫn vào không khí, cái không khí lạnh nhạt ta thở hít mỗi ngày, làm cho nó trở nên cay se mũi phần, mùi nước hoa rẻ tiền. Một thứ mùi vị đã xa cách hẳn ta, như một tấm áo cũ lâu ngày mới được gỡ ra, hương vị đã phai nhạt đó lại trở nên gay gắt. Nó không gọi nổi lên một hình thù nào rõ rệt, nhưng cũng không xóa hết được những gì nó vừa chợt khơi lên đó (một kỷ niệm, một quá khứ, sự khổ đau, hạnh phúc) tất cả đều đã mờ nhạt như chút hương còn sót lại ủ trong tấm áo, mùi mốc meo làm se thắt ruột gan, một nắm tro tàn bị gió thổi làm xao động tưởng như vẫn còn một chút lửa nóng bên dưới, nhưng thật đã nguội lạnh từ lâu. Cái mùi ta ngửi thấy đó cũng gần giống như cái hơi lửa già dưới đám tro tàn, lửa đã đốt thành tro, nhưng lửa cũng đã lia khỏi tro, lửa đang cháy ở một chỗ khác, tuổi già như một nắm tro tàn, tuổi trẻ... Sao? Ông có quẹt cho cháu xin một que đi. Con, tôi, cháu, ông nội, con nhỏ

lộn xộn quá. Thì, hãy để cho ta tìm xem đâu đã chứ. Nó là con nhỏ ở căn buồng phía bên phải, cuối hành lang.

Nó làm cái nghề ta nghe nhiều người, (những mù đàn bà rồi) bán tán. Nhưng đó là việc của nó. Nó cũng phải tìm cách để sống chứ, tiền ăn, tiền thuê phòng, tiền quần áo. Tiếng nói của con bé nghe bệt và chậm khác hẳn với dáng dấp tròn trịa và nhanh nhẹn của nó.

Khi không nó bỗng cười rú lên, trời đất, làm gì mà lò mò như con ma đói vậy ông ngoại. Hừ, từ ông nội bây giờ bay lại muốn ta thành ông ngoại mày nữa. Tiếng cười ré lên, rún rẩy trong cổ họng, có lẽ cả người con nhỏ đang rung cả lên.

Cùng với tiếng cười ấy ta lại ngửi thấy rõ ràng quá sức cái mùi mùi thơm cay kỳ dị làm ta cay đắng. Nổi cay đắng, hình như đến cái tuổi sáu mươi của tá, chỉ còn có nổi cay đắng là có thể tiết ra một cách dễ dàng, trong khi mọi thứ khác đều đã trở nên tri tri, khô héo, khắc khổ.

Cái cơn giông bị hơi nóng đè nén, thỉnh thoảng vẫn lọt tới những cơn gió mát, hơi nước của trận mưa đang chờ đổ xuống, thổi lọt vào trong phòng, không lối thoát tằm lẫn cái mùi thơm luôn hắt vào trong người ta, làm loi dãn chân tay, trong một phút ta bỗng cảm thấy già sọm hẳn (một kẻ nào đó đã nói: già là một chứng bệnh không chữa được) không còn một hy vọng nào đáng kể, cái mùi thơm đánh thẳng vào khứu giác ta như một chất độc làm thương tổn, một nỗi tuyệt vọng thanh bình, bởi ta không thể còn một phản ứng nào chống trả, chỉ còn một bộ tịch oai nghi, lạnh lẽo, một bộ tịch cho tất cả mọi trường hợp.

Tiếng lóc xóc của bao diêm ta cầm, con nhỏ nghe thấy, nó nói, cụ đưa cháu quẹt cho. Ta bật que diêm, lửa bật lên nhưng lại tắt. Tay bố run lật bật thế sức mấy quẹt được. Vậy mày cầm lấy mà quẹt.

Cây đèn được châm lên. Thứ ánh sáng chập chờn của ngọn lửa soi sáng lần lần căn phòng, căn phòng như một chiếc quan tài đóng kín, thứ ánh sáng hiu hắt này đã lâu ta mới lại nhìn thấy, thật là kỳ quặc, đứa con gái đặt cái hộp quẹt xuống bàn, giơ chiếc đèn lên cao ngó nhìn quanh quất căn phòng, từng góc một, mọi thứ nó trông thấy hình như đều lạ lẫm nó ngạc nhiên,

Có gì đáng ngạc nhiên. Có chữ, một chiếc tủ, một cái bàn, một cái giường, hai chiếc ghế để mỗi chiếc một góc nhà, những quần áo cũ bẩn, giấy dép vất mỗi chiếc một nơi đã đành ta không có thì giờ xếp chúng gọn gàng, có thể con mụ gác đàn nó mới có dịp rửa lên ta chữ, cái nhìn của nó cuối cùng dừng lại trước là, có cái gì mà con cười, con nhỏ đẹp hơn ta tưởng, nghĩa là ta muốn nói nó đẹp hơn những lần nó ăn mặc đàng hoàng để đi đâu đó qua cửa.

Có lẽ nó vừa tắm xong, tóc gội còn ướt, những giọt nước chảy thấm xuống áo chưa khô kết thành những chấm tròn, hai mắt tối đen trên gò má cao, già là lúc người ta cảm thấy mọi người đàn bà đều đẹp thật, bố ở có một mình thôi hả bố, không trả lời, ngọn đèn bóng ngẩn đó, có lẽ là ngọn đèn ta vẫn thường thấy đề trên mặt những chiếc bàn con ngoài tấm màn che giường, của những đứa con gái làm cái nghề tương tự, cái thứ ánh sáng âm u bệnh hoạn đó, đôi khi, làm cho kẻ tội bại đến như ta (ít nhất là trong những phút nằm cạnh ngọn đèn đó) phải rùng mình khiếp sợ, đó là lúc đời sống không còn phải che đậy gì nữa, đời sống được đẩy lên cao nhất, đó hình như cũng là lúc nó sa xuống thấp nhất, khoái lạc đôi khi làm tủi nhục thân xác, cái thứ tủi nhục, im lặng, âm u, như hai thân xác xa lạ sáp lại với nhau trong yên lặng, mỗi đứa theo đuổi một mục đích riêng, trong bóng tối lung linh của ánh lửa chiếu qua chiếc màn the, mọi thứ nhìn thấy không còn ra hình dạng gì nữa, đời sống như một tấm lưới mịn mắt chụp xuống tha hồ cho các con dẫy dụa, vẫn ngọn đèn đó soi tỏ ta trong vẻ già nua lúc này, (ngọn đèn khác), ta gờ tay lên xoa bộ râu dồm bực nhấp cứng, đứa nhỏ cười thành tiếng, sao ông đề giường nệm của ông bữa bọn thế ông, thì ta làm gì có thì giờ dọn, cháu thấy ông ngủ cả ngày mà, ông có làm gì đâu, ta không làm gì thật nhưng ta không có thì giờ, ông lười thế không trách cái bà già bà ấy kêu ông hoài, hừ, mụ lại đi nói với em sao, thì có ai mà bà ấy không nói.

Đưa con gái tự ý cầm cây đèn đi lại phía trước cái tủ thấp dựng quần áo đặt lại chiếc lọ hoa (vật đẹp để duy nhất của căn phòng) bị gió thổi lật từ bao giờ, chút xiu nữa thì nó rớt bệ của ông còn gì.

Nó dừng lại trước tấm hình (khỏa thân) ta đã lấy đâu đó trong

một cuốn lịch, một tờ báo treo trên tường, ta phải chờ xem nó nói gì về tấm hình này, nhưng con nhỏ không nói gì hết, nó đã quá quen với những tấm hình như thế hay không đề ý đến tuổi già của ta?

Ông không có con sao mà ông ở một mình? Không, ta không còn đứa con nào. Đáng lẽ ta sẽ không trả lời con đâu, nhưng không sao, nói với con cũng như nói một mình vậy thôi. Không còn? Vậy là ông có con nhưng họ đã bỏ ông hả? Ừ, ta có hai đứa con trai. Nhưng chúng đều đã đi trận và chết cả. Trời đất. Ông để con xếp lại cái giường này cho ông. Ông bữa bọn thế này ông còn khổ hơn nữa. Ai nói với mày là ta khổ? Thì cứ trông cái giường mà ngốt lên thế này ông có mệt, ông cũng không muốn nằm xuống nữa. Thế mà không khổ à? Con nhỏ li lắt đi lại lằng xằng xếp lại tấm chăn, kéo lại tấm vải trải giường cho phẳng phiu, đập đập trên mặt giường, rũ mấy cái gối, xếp ngay ngắn đầu đó, đầu giường, cuối giường, cây đèn, cây đèn nó đã đề lại lúc nào trên mặt bàn cháy thẳng ngọn lửa, màu vàng khè của ánh lửa rọi cái bóng to lớn của đứa con gái choán kín một góc tường. Ông thấy không, trông cái giường gọn ghẽ thế này có phải ông còn muốn ngả cái lưng xuống không?

Cái mùi lạ lùng ta ngửi thấy lúc nó còn đứng ngoài cửa, bây giờ nó vào hẳn trong này, lại biến mất. Ta thử hít hít mũi vẫn không thấy. Con bé, ta đâu có muốn con làm đứa con ngoan của ta. Đừng đóng cái vai trò kỳ cục đó.

Cháu cũng như ông, ở một mình mãi cũng chán. Nhà cửa của cháu lắm lúc cháu có thiết dọn đẹp gì đâu. Nhưng trông thấy ai ở không gọn gàng cháu lại thấy ngứa mắt. Ông trả tiền bà già hàng tháng ông phải bắt bà ấy lo sắp xếp nhà cửa cho ông chứ.

Nó rúc lên cười, hay ông mê bà rồi không dám sai bà nữa?

Con ăn nói như thế con làm đi là đáng kiếp. Nhưng ta cũng chẳng muốn làm đau lòng con làm gì, ta sẽ chẳng bao giờ nói với con cái ý nghĩ đó của ta đâu.

Mùa hè năm nay sao nóng quá hả ông? Đêm ngủ như nằm trong cái lò vậy. Nó đi lại nói liến thoắng luôn miệng, lấy chân gom lại những chiếc dép, xếp cho có hàng dưới chân giường, kê lại mấy chiếc ghế cho ngay ngắn, tự ý kéo mấy chiếc ngăn tủ,

tìm một ngăn kéo trống nhét đồng quần áo bẩn quơ trên giường vào. Ông coi, thế có phải cái phòng của ông nó thoáng hơn không. Phải tới lúc đó ta mới chợt nhớ ra, đời sống của ta dường như đã dừng lại trong chốc lát.

Đã từ lâu, ta đã ngồi nhìn ngắm đời sống, và đời sống diễn ra dưới mắt ta trong sự ngó nhìn yên lặng đó, diễn ra lặng lẽ như ở phía bên kia một tấm kính trong, không còn một hoạt động nào bên trong nữa, ta muốn nói phía bên này tấm kính. Đưa con gái đã lại vào cái chỗ kín bưng của ta bên này và khua động lên, làm ta không còn kịp nhận ra phương hướng của ta nữa.

Sự đổi thay đột ngột này làm ta ngỡ ngàng thật sự, (già là một cách tập sống lại). Những đứa con bất hạnh của ta giá đừng chết đi, có lẽ nó đã giúp ta khỏi thất thế trong cái vùng khô cứng này. Hình như từ lúc đứa con gái xuất hiện ở trước cửa phòng, ta đã muốn nói với nó một điều gì đó, nhưng nó đã di chuyển, cử động nhanh hơn trí tưởng của ta, làm ta phải dồn cả sự chú ý theo dõi nó, đến nỗi quên mất điều ấy. Bây giờ ta muốn nói lại thì mọi việc đã sai lạc quá xa rồi, quá xa sự thuận tiện để ta có thể mở miệng nói với nó điều đó.

Ta phải lần lại sợi giây từ đầu. Ta muốn nói ta có tiền, con cần tiền, ta... Một cơn gió thổi bung hẳn cánh cửa sổ bên ngoài đập vào tường một tiếng chát chúa. Đứa con gái ngồi lọt vào chiếc ghế nó vừa kê lại, đưa mắt nhìn ngó căn phòng, về đặc ý. Ngoài khung cửa, phía bên kia những nóc nhà, bầu trời chỉ chít những sao, trông như ngã thành màu xanh, những vì sao lấp lánh sau làn mây mỏng như được phủ đều bằng một lớp khói bầu trời xanh đục, không thể phân biệt được chiều hướng của các tia sáng, ở những quãng tối hơn, mảnh trời trông tím xẫm, nhưng ánh sáng vẫn chiếu lọt chung quanh khe viền của những đụn mây nhỏ.

Ta phải nói với nó như thế nào đây. Một lão già như ta, nếu ta có thể bắt đầu được, bằng không sẽ là một điều khó coi, tuổi già, trước hết, đối với ta là một ngăn cấm, các con ta đã chết, ta có cần làm gương cho ai, ta có cần phải sống như mọi lão già khác? nghĩa là sống như một cái xác chết còn cử động được!

Mùa hè, cái mùa nóng nực này càng lúc càng khó thở, chỉ còn

một cách, còn nhỏ đáng lẽ phải đọc được ý muốn của ta, mọi sự sẽ diễn ra một cách dễ dàng nhưng về già nua là một cách lừa dối, cái miệng thoa... môi của con bé hé ra hơi quá.... những chiếc răng trắng nhỏ phản ánh ngọn lửa bắt đầu lay động, làm cho cái cười của nó càng thêm ma quỷ, không, ma quỷ đã đột nhập vào cái thân thể tàn rụi của ta, sự ham muốn không hơn ngọn đèn leo lét, nhưng cháy bỏng đến làm ta muốn tự bóp cho tắt hẳn, cho đêm tối thật sự mù lòa.

Tấm áo mỏng lượn vòng trên hai cái vai mềm và đầy của nó, bó sát lấy cái eo nhỏ, từ đó chảy láng mượt màu vải óng ánh của chiếc quần lụa đen, màu vàng của ánh lửa bám trên những chỗ mặt vải bị uốn cong, những nếp vải xếp lại dọc theo hai bên cạnh sườn, và hai vạt áo tề ra bên bụng bắt đầu từ chỗ cái khung cuối cùng. Trong một phút con nhỏ bỗng im phắc như một pho tượng. Có lẽ nó đã linh cảm thấy một việc gì. Có lẽ nó ngạc nhiên vì chợt nhìn thấy cách sống của một lão già như ta.

Không, có lẽ con không hiểu được, không bao giờ có thể hiểu được nỗi cay đắng trong lòng ta, không phải chỉ là sự nặng nề trong một cái thân đã tàn tạ nhưng chưa thỏa, nhưng mà vì ta còn muốn hút lấy cái đời sống còn đầy nơi con, cái đời sống mà ta đã kiệt quệ, cái đời sống chỉ có thể lấy từ một người khác, cái đời sống không còn thể truyền tiếp nữa, như con ong hút lấy mật của một bông hoa, điều đó chắc con không biết được, đời sống ta bây giờ như ngọn đèn cháy trong không...

nguyễn đình toàn

HÀ NỘI

BẢNG VÀNG HOA TÍM

xa tặng Kiều Thu

Hà-nội xưa đưa nàng đi thi,
Có chàng thư sinh tình rất si.
Cài hoa lên tóc còn buông xõa
Chàng nhủ người yêu: Chớ sợ gì!

Hoa này, anh đã mất nhiều công
Chọn ở hàng Bài, em biết không?
Đề khó đến đâu hoa cũng thuộc,
Rắc hoa đầy giấy góp là xong!

Nàng vui như tết, vào sân trường;
Hi vọng bay theo lòng ngát hương.
Chàng đợi nàng trong rừng Bách-thảo,
Như trong huyền thoại của Đông-phương.

xuân canh tuyết

văn đề | 25

Đưa nhau riu rít đón nhau về,
Ngày lại ngày... cho tình càng mê.
Bài Sử Địa hay bài Vạn vật
Cũng đều tươi nét hoa « Pensée »!

Đường lên hàng Quạt gió say reo;
Cửa Bắc giờ đây bằng sắp treo.
Dựa sát vai chàng, hơi thở gấp,
Ồi, nàng cảm động biết bao nhiêu!

Người đi xem bảng mới lơ thơ,
Nắng sớm đùa trên cỏ nhỡn nhơ.
Chàng dỗ dành: Em đừng nghĩ quẩn;
Yêu nhau, thì có trượt bao giờ!

Kia rồi: Hương phấn đã truyền tin!
Đôi lứa mừng, quên cả giữ gìn.
Tay khoác tay nhau làm cánh bướm
Song song, lia sóng cỏ, bay lên.

Chợt nghe thiên hạ bảo thăm nhau:
Người đẹp hàng Gai lại đổ đầu!
Chàng ghé bên tai nàng, riếu cợt:
Áo hồng như thề áo cô đầu!

Nàng xem hoa nở đứng tên nàng
Rời mỉm cười: Thôi, kệ bằng vàng!
Anh hãy cất bài thơ áo tím
Cho em mặc nhé! Rất thời trang!

GẤM HOA

Trời Cổ đô cao vút
 Tuổi mười lăm hai mươi.
 Em là gái Hàng Càn Hàng Bút
 Thăng bằng muôn nét thẩm tui.
 Anh là gã thư sinh Rừng Bách thảo
 Giữa cỏ cây muông thú gọi tên người.
 Tiếng bay xuống tận phố phường đông đảo
 Chen cánh hoa xoan hoa gạo
 Rèm tơ ý nguyệt đầy vơi.
 Càn nào không rung chuyển
 Bút nào không toi bời
 Chim xanh qua lại muôn ngàn chuyển
 Bao nhiêu là Anh Ơi, Em Ơi...!
 Gặp nhau lời vẫn ghen lời
 Đón đưa buổi học xa vơi bước chân.

Hồ Tây Bách thảo nức hương lân
 Hàng Bút Hồ Gươm cũng rất gần
 Anh có mơ hoa em mộng gấm
 Đôi hồ soi đã tỏ mười phần.

Lệ tương tư lại bao lần
 Cả hai cùng gửi vào thân phận hồ.
 Dịu hiền gương mặt Cổ đô
 Thoắt thôi gọn sóng diên rồ nhớ thương.

Trăng nhà ai tròn khuyết
 Thời cơ gió nhiều nhượng
 Hà nội thất vòng đai tuế nguyệt
 Em nghe sầu rồi tơ vương.

Trời Nam định Thái bình rung sấm sét
 Anh lang thang lòng đứt cổ uyên ương.
 Sừng sững dựng bức thành mây lửa dệt
 Xa cách hơn bao giờ hết
 Non Nùng cấm địa một phương.
 Vuốt đầu xuyên chiến lũy
 Cánh đầu vượt sa trường.
 Tìm nhau trong khói men cuồng túy
 Nửa giấc mộng Tương loạn sóng Tương.
 Quê Tinh hoang đảo mờ sương
 Chiêm bao càng khổ chiếu giường phong ba.

Hồ Kiếm Hồ Tây vẫn đậm đà
 Quanh hồ đâu chẳng ảm hơi ca
 Riêng cầu Thê húc son thêm lợt
 Đê Cổ ngư thêm lạnh tiếng gà.

Em giai nhân dấu không già
 Anh thi nhân dấu không nhà càng thơ
 Nhưng thương cho mộng cùng mơ
 Gấm hoa đến thế ai ngờ nổi trôi.

Bến xưa vừa trở bước
 Sông núi đã chia rồi.
 Em ở lại sâu gương tủi lược
 Bờ hòn kết đắng hoa môi.
 Anh ra đi, cánh phiêu hồng trốn tuyết
 Hay cánh thiên nga trốn vạc dầu sôi?
 Cũng có khác gì đâu! trăng vẫn khuyết
 Đời vẫn gần thêm cửa huyết
 Men chiều khói sớm đơn côi.
 Nắng nào không xao xuyến
 Mưa nào không bồi hồi?

Tiếng kêu ném ngược đường kinh tuyến
Chỉ thấy vòng quanh trở lại thôi.
Biết chăng? Còn khúc « Gọi đời »
Còn chim Phượng ấy dành ngôi cho Hoàng ?

Trái Đất rồi hôm nào vỡ toang
Giữa muôn tia tím ánh hồng loang
Thịt xương tro bụi không phân biệt
Anh sẽ dịu em mắt mở choàng.
Địa Cầu quá nửa đi hoang
Còn đây một mảnh sáng choang nụ cười
Mơ hoa mộng giấc bừng tươi
Một hành-tinh-mới, hai người-yêu-xưa.

vũ hoàng chương

SÔNG NÚI GIAO THẦN

Trăng ơi ! đừng bỏ kinh thành :
Hồn Cổ Đô vẫn thanh bình như xưa.
Nhớ tiền chợt sáng thiên cơ,
Biết chăng ảo phố, mê đồ là đâu ?
Ta say ánh lửa tinh cầu,
Dựng lên địa chấn, loạn màu huyền không.
Trận cười tan hợp núi sông,
Cơn mê kỳ thú lạ lòng cỏ hoa.
Hỷ trường đời lớp phong ba,
Mượn tay nguy tạo xóa nhòa biển dâu.
Hưng vong Vạn Lý Thành sầu,
Trăng ơi ! đừng bỏ mái lầu nhân gian,

Ta chờ thiên địa giao hoan
Nhập thần cây cổ muôn vãn kiếp sau.

KHI MỚI NHỚN

Khi mới nhớn, tuổi mười lăm, mười bảy,
Làm học trò, mắt sáng với môi tươi.
Ta bước lên, chân vẫn dạo bên người,
Ngoài cặp sách, trần ai xem cũng nhẹ.
Đời thấp thoáng qua học đường nhỏ bé,
Phổ phường vui, cuộc sống mới lên hoa
Ta ngồi nghe những tiếng thị thành xa,
Hồn lơ đãng mộng ra ngoài cửa lớp.
Nắng thuở đó khiến lòng ta hồi hộp,
Ta nhìn cao mới rõ bị giam cầm ?
Ồi tiếng nào vang bốn bức tường câm ?
Không khí nặng, mơ hồ thầy với bạn.
Ta nhớn lên, bước đường không giới hạn,
Có lẽ đâu kim giữ bởi tay người ?
Tuổi hoa hồng — kiêu hãnh của ta ơi !
Tình đã hẹn ở trên đường nắng mới.

Ta ném bút, dấn lên Sầu một buổi,
Xa vở bài, mở rộng Sách Ham Mê.
Đã từng phen treo cổ bỏ trường về,
Xếp đạo đức dưới bàn chân ngạo mạn.
Đời đổi mới từ ngày ta dấy loạn,
Sớm như chiều hư thực bóng hoa hương,
Ta ra đi, tìm lớp học thiên đường,
Và khi đó thì mẹ yêu ngồi khóc...

Ồi khoái lạc của những giờ trốn học,
Những bình minh xuân đẹp, những chiều thu !

Bao cảnh nước mây đắm thắm hẹn hò,
 Khi biếng gặp, nhớ nhung pha màu áo.
 Hỡi thành đô với linh hồn Bách Thảo !
 Còn nhớ ta, chàng tuổi trẻ tóc bay,
 Làm học trò nhưng không sách cầm tay,
 Có tâm sự đi nói cùng cây cỏ.
 Riêng ta nhớ những trưa hè sắc đỏ,
 Đường hoàng lan nắng động: lối đi quen.
 Nghìn bóng cây chen bóng mộng hư huyền,
 Ta đến đó lần đầu nghe rạo rực.
 Thấy phảng phất hình đôi vai, bộ ngực,
 Làn môi tươi in một nét son hồng.
 Cặp má nào phơn phớt ánh phù dung,
 Đầu lả lướt mái tóc dài sóng gợn ?

Ta ngây ngất cả tấm thân vừa nhón,
 Bồng rùng mình thở vội ánh hương qua,
 Tưởng hương thơm một da thịt đàn bà.

đỉnh hùng

TÌNH GIẤC CHIÊM BAO

Chín năm đốt đuốc soi rừng
 Vì đây ánh điện ngập ngừng bước chân
 Cửa xưa mảnh trúc còn ngăn
 Góc tường vẫn đọng trăng tân thuở nào

Làng xa, bản nhỏ, đèo cao
 Gió bay tà áo chiêm bao nửa chừng

Anh về luyện núi thương rừng
 Nhớ em đêm sáng một vùng Thử đô

Bồi hồi chuyện cũ năm xưa
 Gặp nhau lần cuối... trang thư lệ nhòa
 Thư rằng: thôi nhé đôi ta,
 « Tình sao không phụ mà ta phụ tình

Duyên nhau đã dựng Trường đình
 Mẹ em đã xé tan tành gối thêu »
 Trăng khuya sủng núi gươm đeo
 Anh đi, thư vẫn nằm đeo bên mình.

Lửa sán nét chữ chênh chênh
 Nếp thư đến rách chưa lành vết thương
 Đầm đầm hoa sữa lên hương
 Chân anh đương bước giữa đường cái đây

Nẻo hồ, song cửa, lá bay
 Sáng chùng bóng dạng bao ngày yêu xưa
 Trăm năm đã lỡ hẹn hò
 Cây đa bến cũ con đò còn không ?

Tình cờ gặp giữa phố đông
 Em đi riu rít tay chống tay con
 Nét cười âu yếm môi son
 Áo bay nhắc buổi trăng tròn sánh vai...

Chín năm bão tố mưa ngày
 Nước non để có hôm nay sáng trời

Em đi hạnh phúc hồng tươi
Anh nhìn tận mắt cuộc đời đẹp sao

Sắc hương muôn nẻo tuôn trào
Tiếc mà chỉ giấc chiêm bao một mình
Anh về viết lại thơ anh
Để cho bến mát cây xanh đôi bờ

Cho sông cho nước tự giờ
Chẳng còn lời chuyện con đò sang ngang
Lửa đôi những bức thư vàng
Chẳng còn chữ chữ hàng hàng lệ rơi

Chim hồng chim nhạn em ơi
Trên nền gối cười đời đời yêu nhau.

HÀ NỘI BA MƯƠI SÁU PHỐ PHƯỜNG

Hà-nội ba mươi sáu phố phường,
Lòng chàng có để một tơ vương.
Chàng qua chiều ấy qua chiều khác,
Góp lại đường đi vạn dặm đường.

Nhà ấy hình như có mặt trời,
Có rừng, có suối, có hoa tươi.
Bao nhiêu chim lạ, bao nhiêu bướm?
— Không có gì đâu, có một người.

Chân bước khoan khoan, lòng hỏi lòng:
— Có nên qua đây nữa hay không?

Không nên qua đây? nên qua đây?
Không, nhớ làm sao! Qua, mất công!

Có một chiều kia anh chàng si
Đến đầu phố ấy bỗng ngừng đi:
— Hai bên hàng phố hình như họ.
Đi mãi, đi hoài có ích chi?

Đem bao hy vọng lúc ra đi,
Chuốc lấy buồn thương lúc trở về.
Lòng mỗi lần đi, lòng bão táp,
Mỗi lần là mỗi cuộc phân ly.

Chàng đau đớn lắm, mới cần mới.
Rằng cần vào rằng lời ghen lời:
— Hờ hững làm sao, mê mẩn quá,
Trời ơi, cứu vớt lấy hồn tôi!

Chao ôi! Yêu có ông trời cứu,
Yêu có ông trời khóa được chân.
Chàng lại đi về qua phố ấy,
Mấy mươi lần nữa và vân vân...

Chàng đi, đi mãi, đi, đi mãi
Đến một chiều kia, đến một chiều.
Phố ấy đỏ bừng lên xác pháo,
Yêu là như thế! Thế là yêu!

Hà-nội ba mươi sáu phố phường,
Lòng chàng đã đứt một tơ vương.
Chàng qua chiều ấy, qua chiều khác.
Ô! Một người đi giữa đám tang.

nguyễn bính

VỌNG NHÂN HÀNH

Thăng long đất lớn chí tung hoành,
 Bàng bạc gương hồ ánh mắt xanh.
 Một lứa chung tình từ tứ chiếng,
 Hội nhau vầy một tiệc quần anh.
 Mây gươm nét mác chữ nhân già,
 Hàm bạnh hình đôi, lưng cỗi đa.

Tay yếu đang cùng tay mạnh dắt,
 Chưa ngắt men trời hủ rượu cha.
 Rau đất cá sông gào chẳng đủ
 Nồi bưng giữa tiệc trận phong ba,
 Rằng: « Đương gió bụi thì tôi tả.
 Thiên hạ phải dùng thơ chúng ta! »

Thơ ngâm dở giọng, thời chưa thuận.
 Tan tiệc quần anh, người nuốt giận,
 Chim nhạn, chim hồng rét mướt bay,
 Vuốt cọp, chân voi còn lặn độn.
 Thăng thi cho nhàm sức võ sinh,
 Thăng bó văn chương đôi gổ hận
 Thăng thù trối buộc, thăng già quê.
 Thăng phấn son nhỡ... chữa một về!
 Sông Hồng chẳng phải xưa sông Dịch.
 Ta ghét hoài câu « nhất khứ hề ».

Ngoài phố mưa bay: xuân bốc rượu,
 Tắc lòng mong mỗi cháy tê tê,
 — « Ơi ơi bạn tóc ngoài trời giặt,
 Chẳng đọc thơ ta, tất cũng về.

thâm tâm

MƠ VỀ HÀ NỘI

Cảnh đã xưa rồi, tình chữa xưa,
 Nâng niu chuốt lại chút danh thừa.
 Bao giờ đến hội tao phùng nhĩ?
 Kem nước hồ soi bóng liễu mơ.

Liều có gầy chăng? Tóc có thưa?
 Chao ôi! Lòng nặng mãi thương hồ!
 Kiều nhà xưa đã thay hình mới,
 Hay vẫn còn nguyên dáng cũ xưa?

Nghiên đá đền Sơn có xăm rêu?
 Kinh thiên bút nọ đã lên meo?
 Muốn về nâng bút dầm nghiên đá
 Pha nước hồ Gươm viết thật nhiều.

Giấy lụa: Trời xanh trải phẳng ra,
 Bao nhiêu tứ đẹp đợi chờ ta.
 Phen này thơ múa trên Hà nội,
 Vang rộn kinh kỳ khúc lạc ca.

bàng bá lân

HÀ NỘI

Em cười vui thật không
 Nghi mắt kia gian dối

Sẽ buồn mai biết đâu
 Trong mi đầy tiếng lệ
 Em cười vui thật không.
 Cho hôn trán thơ ngây
 Hẳn thấy sự buồn này
 In hẳn lên trán đó
 Hai mươi năm than ôi
 Khóc đời tôi tuổi trẻ
 Hay em đi muôn năm
 Không trở về Hà Nội.
 Em cười vui thật không.

phạm nguyên vũ

TÚY HỒNG

nói với huế

Anh Đổ,

Tôi đã ở Huế từ trong bụng mẹ đến cuối năm thứ hai mươi tám của cuộc đời. Huế đã mang thai tôi, để ra tôi cho đến khi tôi đi lạc vào Sài-gòn. Từ hơn hai năm nay tôi ở nhà thuê, nói tiếng Bắc, ăn chả giò, ăn bún riêu, canh chua cá dầm, thịt bò viên, mía ghim... Hôm nào anh vào Sài-gòn tôi sẽ đãi anh ăn một bữa thịt bò bảy món (mọi lần gọi là «bò bụng» vì ăn vào đầy một bụng thì thôi). Đàn ông ở Sài-gòn ăn chua dừ lắm anh Đổ ạ! có nhiều ông vác cả trái cóc dầm cam thảo vừa đi vừa ăn lêu nghêu dọc đường.

Tôi vào Sài-gòn đã hơn hai năm mà vẫn còn hực chân chưa đứng vững được, nghĩa là: tôi chưa hề viết được một chữ về cái Sài-gòn này. Khiếp quá! một lỗ hồng lớn... Còn nhớ thời gian ở Huế, khi tôi mang ý định bỏ Huế vào Sài-gòn ra nói với anh thì anh đã làm ra như cản như không: Chì chuẩn há? mình ở Huế có ai làm gì mình được?

Mình ở Huế có ai làm gì mình được!... nghe thấm thía, thấm như nước mắm thấm vào cá nục kho khô trong trách đất. Tôi vào Sài-gòn đâu phải là một cuộc tháo thân, vì đâu có biết trước rằng trong tương lai Huế sẽ trải qua vụ đỏ huyết rợn gáy lịch sử

là cái biển cổ Mậu-thân vừa rồi. Hồi đó chúng ta đã chẳng biết với nhau: Cộng-sản chắc không chịu đánh Huế đâu? chẳng thể cho họ được chút gì cả. Cái gọi là quân sự đâu phải là đất thần kinh nhà mình. Rồi chúng ta nhìn Sài-gòn, nhìn Nha-trang, nhìn Đà-nẵng bằng cặp mắt lo ngại... Bây giờ mới biết Huế đã đứng thật gần lịch sử!

Tôi cam đoan không có người Huế nào yêu Huế bằng tôi mà đầu tôi đã bỏ Huế mà đi gần ba năm nay. Tôi là một trong những người yêu Huế nhất với cái bằng chứng: tôi chỉ viết được lại vài ba tác phẩm thôi mà cuốn nào cũng nói về Huế. Huế! Huế! hễ cứ cầm cây bút lên là Huế! Phải là một thứ tình đậm đặc, khi viết khối óc và cường bức thể nào tôi mới viết về Huế hết mình như vậy! Mặc dầu có những người Huế không bằng lòng tôi vì ra một cái-Huế-như-vậy! Nhưng văn chương là viết những điều mình nghĩ và không làm đáng. Tôi chỉ đặt vấn đề là tôi thương Huế mà thôi! Bỏ Huế mà đi lòng nhớ trời, nhớ khoảng thiên nhiên. Tôi không yêu một thứ vẻ đẹp cấm cung, một thứ vẻ đẹp hạn hẹp mà yêu bao la cả một khoảng thiên nhiên. Huế đẹp từ một vũ nước đọng bên đường đến lượng cả con Hương-giang, từ cỏ rau muống bờ hồ đến cây phượng già xanh lục. Có nhiều hồ đi xe đạp lên cầu ga nhìn dãy núi lam phía sau cầu Bạch hạc một mừng mừng mà tưởng cái phần hồn của từng kiếp người cũng có thể dâng dài kéo dài như vậy! Những đêm đông, những con « ặng oạng » kẻ mồm khoắc khoải kêu khan những ao rau muống... Kêu chi mà khổ, mà trầm thống! Thì vào đó, tiếng rao hàng dài lê lết: mua trứng lợn! mua trứng lợn! Trời ơi! tiếng kêu của miếng ăn sao mà buồn đến thế! nh xương buốt tủy mất! Tưởng tượng mở cửa kêu vào chắc mình phải ôm cô hàng trứng mà khóc ngất! Rồi cái quán cơm, quán cơm cũng mang tên Âm-phủ ăn dưới ngọn đèn tù mù... và con đường Âm-hồn, tiếng chuông chùa Diệu-đế... Cực lòng quá H... Trời ơi! Tôi đi! Tôi đi... ở với Huế buồn lắm... Vào Sài-gòn họa m có một nụ cười...

Buổi sáng tôi đi, tôi ôm gói áo quần xuống phi trường P... bài. Huế của tôi, tôi biết, không bao giờ khóc người đi và cũ chẳng bao giờ mừng người trở lại. Huế của tôi không yêu ai cũng chẳng phản bội ai.

Anh Đỗ, khi chân vừa chấm đất Sài-gòn, tôi nhìn lui chiếc tàu bay mà lòng có quắp đau đớn: thôi! mất Huế hẳn rồi. Tôi hương con đường Phan Chu Trinh với ngôi nhà thêm trắng, bồn hoa violette, hai cây dừa xiêm giắt những gói muối, và bến sông thân yêu trước mặt. Tôi biết rằng rồi đây người Huế sẽ lần lần từng người từng người rủ nhau bỏ đi. Vì đó là mảnh đất tàn chứ không phải tụ. Trời ơi! ra đi như vậy thì còn để ai ở lại mà ngắm, còn để ai ở lại mà làm người mộng ảo trắng qua cầu, tóc thề vương vương con đò Thừa-phủ. Ngày chưa chia ly, ngày Huế chưa chia ly với tôi và với những người khác, dân cư cũng đã quá thừa thớt, nhà cửa cũng ít ỏi... Năm 1963, hai chiếc taxi Sài-gòn ra Huế chạy rước khách kiếm sống nhưng không kiếm được chút đỉnh gì đành phải quay lui lại Sài-gòn. Anh Đỗ, Huế thừa lẽ sống nhưng lại thiếu kẻ sống. Thành phố rất tinh thần, chỗ đất rất thần kinh. Những ai không được chịu nổi buồn cưỡng bức, những ai giá áo túi cơm đều tìm không ra lẽ để sống với Huế. Tôi đã ra đi vì sợ nỗi buồn cưỡng bức, vì không nghĩ thấy nguồn hương tinh thần dành an ủi những tâm hồn không bao giờ chịu xa Huế. Chỉ có những người chung thủy với Huế nhất mới nghĩ thấy nguồn hương tinh thần đó. Vì rằng ngày xưa khi vua đầu triều nhà Nguyễn đang tâm niệm tìm một chỗ đóng đô thì thần linh hiện lên bảo: « hãy đứng bên trên đầu tổ quốc, hãy thắp một cây hương rồi lần theo phương Nam mà đi xuống, đến chỗ nào cây hương tắt thì hãy đóng đô. » Vì lẽ đó Huế là đất thần kinh. Kinh đô thần linh đối với những kẻ đeo chiếc mũi phàm tục chai sạn không nghĩ thấy nguồn hương tinh thần đầy an ủi là một giải đất buồn phải không anh Đỗ. Buồn quá mà tôi đi phải không anh Đỗ? phải không Huế?

Anh Đỗ! chào anh.

túy hồng

BÌNH NGUYÊN LỘC

saigon, "thủ đô bách việt"

Khi mà cái cơ quan tên là « Phủ Toàn Quyền Đông Pháp » được thành lập, thì ông Toàn Quyền đầu tiên, ông Paul Doumer, quyết định đặt trụ sở cho phủ ấy tại Hà Nội, vì lý do chiến lược chứ không phải vì đó là nơi nhậu rún của dân tộc Việt Nam.

Người thời cổ luôn luôn hiểm cứ ở nơi xa địch thủ, còn người thời Paul Doumer có quan niệm chiến lược khác hơn, là nằm càng sát địch thủ càng hay. Địch thủ trong trường hợp đó là nước Trung Hoa không lồ.

Nhưng người của thời Apollo lại quan niệm khác hơn nữa. Khi mà phi cơ phản lực thâu ngắn không gian thì gần hay xa, không còn là một vấn đề then chốt.

Nếu ta dạo phố Sài Gòn mà hay nhìn những thứ khác hơn là những chiếc duýp ngắn, là sẽ quan niệm rằng thủ đô của nước Việt Nam phải là Saigon, cho dẫu trong tương lai mà có thống nhất Nam Bắc đi nữa.

Các bạn đi dọc theo tường thấp của nhà ga xe lửa, ngày xưa là Xuyên Việt đấy, nhưng ngày nay thì quá quạnh hiu, các bạn sẽ bị một bàn tay có vẽ anh hùng lăm, chặn các bạn lại thỉnh linh, rồi một giọng lơ lớ vang lên :

— Mời thầy Hai mua thuốc đau con mắt (Mời thầy Hai mua thuốc đau con mắt).

Các bạn nhìn lại thì thấy ba bốn đồng bào Chàm, có lẽ từ Ninh Thuận theo xe lửa vào, ngồi dựa vách để bán những dược thảo

gia truyền, những chiếc vòng đeo tay bằng mây đan nhuộm màu sắc sỡ xanh, đỏ, trắng, vàng.

Thường thì hai nam với một nữ ngồi giữa. Người nữ mặc áo dài lụa màu xanh đọt chuối, còn nam thì bà ba nâu sồng. Cảnh tượng giống hệt cảnh tảo quân của huyền thoại ta, hai ông một bà khiến ta không sao không thoáng nghĩ đến mẫu hệ Chàm. Đó chỉ là ý nghĩ thoáng qua mà thôi, vì tuy họ còn theo mẫu hệ, nhưng họ đã bỏ tục đa phu từ lâu rồi.

Là người thiểu số, đàn ông Chàm trông rất là hiền ngang và cánh tay của họ đưa ra, thật là hách khiến trẻ con yếu bóng vía phải hoảng hồn.

Chúng tôi năm vững bằng chứng khoa học rằng người Chàm đồng chủng với ta, và cuộc sáp nhập nước Chiêm Thành vào nước Việt, không phải là một hành động xâm lăng, mà chỉ là một cuộc thống nhất hai tiểu bang đồng tông, công cuộc thống nhất đó vốn đã được vua Hùng Vương thực hiện một phần nhỏ, rồi thì ta bị trị nên phải bỏ dở hăng ngàn năm.

Trên kia, chúng tôi nói đến « đồng bào » Chàm, là nói lên một sự thật khoa học, chứ không phải là mị dân theo lối chính khách dẫu. Như vậy người Lôi, tức là người Hời, tức người Chiêm Thành chỉ là một chi của dòng Bách Việt to lớn xưa kia làm chủ đất Trung Hoa, đã được Tả Khâu Minh nói đến từ đời nhà Chu.

Rời nhà ga, ta bước sang chợ Bến Thành. Một màu vàng tươi kéo cái nhìn của chúng ta lại. Đó là một khối sĩ Cao Miên, ông lục ấy cầm bình bát đứng lặng thỉnh trước một ngôi hàng, đợi cô bán hàng dâng thực phẩm.

Chỉ số sọ của người Cao Miên chỉ khác chỉ số sọ của người Việt Nam có một đơn vị. Đó cũng là một đứa con của Bách Việt nữa, có lẽ thuộc chi thứ, chứ không phải dòng chánh, nhưng y cứ mong trong huyết quản của y dòng máu Bách Việt như thường.

Rời chợ Bến Thành, ta đi sâu vào đại lộ Lê Lợi, rẽ tay phải, ta đụng đầu với một ngôi đền nghèo mà bình dân Sài Gòn quen gọi là Chùa Chà Công Lý.

Ngôi đền này là bà con dõi rạch của những ngôi đền Ấn Độ Trương Công Định, Công Lý (đoạn trên cao) Thái Lập Thành Tôn Thất Thiệp.

Người ở trong chùa, không phải chỉ có tu sĩ như ở các đền khác, mà có cả dân nữa. Dân đó không vàng hăn, cũng không đen hăn, có vẻ rách rưới. Có lẽ cộng đồng này nghèo nên đền thờ mở cửa cho tín đồ tạm trú.

Hỏi ra thì đó là đền thờ Hồi giáo của Mã kiều.

Chúng tôi lại nắm vững trong tay bằng chứng khoa học này là cái thứ dân Việt mà cổ thư Trung Hoa tả, thuộc chủng Mã Lai. Ta với Mã, không có xa nhau lắm đâu. Sở dĩ ta thấy Chàm và Mã khác ta vì họ theo văn hóa Ấn Độ, còn ta thì theo văn hóa Tàu. Văn hóa biến đổi con người rất là dị kỳ, người Pakistan tự thấy và có vẻ khác người Ấn Độ chỉ vì họ theo văn hóa và tôn giáo Ả Rập mà thôi.

Thế là có một nhóm Bách Việt nữa nằm trong thủ đô của ta. Trời đã sụp tối, đèn đường đã mở mắt ra.

Ta ngược trở lại đại lộ Lê Lợi.

Trên vỉa hè, ta thấy ngồi bày hàng, những con người lạ, da vàng, nhưng tóc quăn quít. Họ bán ngọc, ngọc hồng, ngọc bích, ngọc lưu ly, chắc là ngọc giả đấy, chứ ngọc thật mà ngồi vỉa hè thì nó sớm vào túi bọn cướp giựt đông đầy đường dạo này.

Họ biết Ấng Lê. Họ nói họ là dân nước Nê Ban. A! Đây lại là một nhóm Bách Việt nữa. Khoa chủng tộc học (cái khoa mà hồi tiền chiến ta gọi là nhân chủng học), cho biết rằng dân Nê Ban là dân Tây Tạng vượt Hy Mã Lạp Sơn để lập quốc trên vùng đất Ấn Độ.

Một thuyết mới nhất của khoa đó cho biết rằng chủng Mã Lai Bách Việt và chủng Tây Tạng là đồng tông, chủng Mã Lai Bách Việt đã tách riêng ra, tràn vào làm chủ đất Trung Hoa cách đây sáu ngàn năm, trước cả Hoa chủng nữa.

Thế thì Nê Ban lại mang họ Việt nữa rồi.

Các bạn có biết cái « Vót » hay không? Đó là một dụng cụ củ thợ kim khí mà hình như Trung Bắc không có tên vì không tìm thấy trong tự điển Đào Duy Anh.

Dụng cụ ấy bằng đất nung và người ta pha trộn kim khí trong đó để chế tạo hợp kim, Tây gọi là Creuset.

Sài Gòn phải biến thành một cái vót để cho bao nhiêu nhớt Bách Việt đó trở thành đồng vắn, đồng ngừ, mà muốn được thì nó phải mang tánh cách thủ đô.

Nông thôn có khả năng bảo vệ biệt sắc địa phương rất mạnh, mà thành phố nhỏ cũng vậy. Chỉ có thủ đô là xáo trộn tất cả trong nhịp sống xô bồ của nó, chỉ có thủ đô mới ít thành kiến để một cộng đồng cũ mở cửa đón nhận một đồng cộng mới vào đời sống thân mật của nó.

Hà nội không thể làm cái sứ mạng đó được, vì Hà nội là thuần Việt.

Những nhóm Bách Việt lang thang chỉ có thể trôi dạt vào Sài Gòn mà thôi, một thành phố hỗn tạp, một cơ thể có sức khỏe vượt bực chấp nhận sự len lỏi vào của cả những hòn sỏi cứng mà không chết, trái lại còn biến những ngoại tố khó tiêu đó thành tế bào của một tổ chức sinh lý mới.

Sài Gòn là một kẻ ăn sắt mà không đau dạ dày, nó đã ăn tạp như vậy từ năm 1658 đến nay là 311 năm rồi mà không hề phải rước thầy lang lần nào, mà xem ra càng ngày nó càng sồn sồn ra với một sinh lực mới cấu tạo bởi những thứ lằng nhằng như vậy, phương chi đã nói những thứ dân kể trên đều thuộc dòng máu Bách Việt thì họ không còn là món khó tiêu hóa nữa như Ấng Lê, Huê Kỳ, Pháp hay Ấn Độ.

Khoa học đã chứng minh rằng khi một dân tộc, một cộng đồng, một thành phố thuần chất quá lâu đời, nó sẽ mất sinh lực, già cỗi rồi bị hủy diệt. Nước Trung Hoa sở dĩ quá lâu đời mà cứ còn trẻ, nhờ họ được pha trộn với dòng máu Việt từ ngày con cháu của họ nam thiên, lập ra nước Sở, đất tổ của Việt chủng, cho tới năm 227 T.C. mà Tần Thủy Hoàng tiến chiếm xa hơn, tới một nơi mà Tư Mã Thiên khẳng định là Tropiques du Cancer, tức thành phố Quảng Đông ngày nay.

Đồng bào di cư đừng có mơ Bắc tiến vô ích. Ta lập thủ đô tại đây, và đây là nơi mà dòng Bách Việt oai hùng của thời Kinh Man được phục sinh với một sức sống mới, mãnh liệt hơn bao giờ cả.

bình nguyên lộc

NGUYỄN QUANG HIỆN

Sàigòn nơi tôi đã vui chơi và nhờ lệ

Những gì thuộc về thơ ấu của Nghiệp đều có vẻ huyền hoặc và mang đầy những sắc thái truyền thống của đời sống miền đồng bằng sông Hồng Hà. Hình như mọi vật hiện ra trong thơ ấu của Nghiệp đều là những gì vĩnh viễn không biến rời, vĩnh viễn và chắc chắn như ngọn núi Ba Vì, như dãy Tam Đảo, như vẻ đẹp của núi chùa Thầy, như ngôi đình mai chùa và khung cảnh gia đình. Tất cả như những thứ ấy cũng đồng hóa với những người thân yêu đã trở nên bất tử trong thời gian, có lẽ khi còn thơ ấu người ta không có ý niệm rõ ràng về thời gian. Cả cái khung cảnh ấy với những thành phố và thiên nhiên Nghiệp đã sống đều đẹp như những áng văn chương cổ điển, trang trọng, vững mạnh và nghiêm chỉnh. Hà Nội dưới mắt Nghiệp hồi ấy đầy vẻ khoa trương, cái khoa trương của một nền văn hóa lâu đời còn ghi lại vết tích trên phố phường. Nhưng Nghiệp đã sống những giây phút từ biệt Hà Nội trong cái lãng mạn cổ điển của một Hà Nội sắp sang một cuộc đời khác. Một buổi trưa, cậu học trò ấy đã rủ người bạn gái đi hưởng nốt cái vui vẻ của một buổi chèo thuyền trên Hồ Tây. Thiên nhiên của Hà Nội hình như vẫn thản nhiên trước sự ngạc nhiên của những người đi kẻ ở. Phía bên kia là chùa Trấn Quốc vẫn như còn vang lên những câu thơ Đường trác tuyệt của một bà Huyện đài các. Đầu tường với trắng, lối đi vào hắt hiu,

xuân canh tuổi

văn đề | 45

màu ngói nâu xẫm như muốn tung bừng lên một chút trong cái ánh nắng chiều nhẹ nhàng rất tiêu tư sản. Gã tình nhân học trò đang muốn tìm lại sự huy hoàng của mối tình như tiểu thuyết lãng mạn cổ điển khi thấy cô bạn tình má đỏ ửng, tóc tung bay trong ánh nắng và thiên nhiên trang trọng. Khi trở về trên con đường Cổ ngư đã vắng bóng xe ngựa dập dìu hồi nào, Nghiệp mới nói: «Nghiệp sẽ đi Dung ạ». Cô gái không tin là thật, vì nghĩ là không thể xa nhau dần dỉ như vậy được. «Nhưng Nghiệp sẽ trở lại, hai năm sau chắc Nghiệp sẽ về.» Buổi chia tay sau cùng, nàng ngồi bên bờ hồ sen trong vườn Bách Thảo, màu áo của tình yêu mận nồng sải trên mặt cổ mịn, nắng vàng còn băng khuâng trên những cánh hoa sen và những tàn lá lớn dưới mặt hồ. Đầu dây như có tiếng thơ của Huy Cận mà Hà Nội vẫn thường đọc:

Ôi nắng vàng sao mà nhớ nhung

Có ai đàn lễ để tơ trùng

Có ai tiễn biệt nơi xa ấy

Khiến bước chân đây cũng ngại ngừng.

Và những lời ca vẫn nghe hoài trên đài phát thanh đã nhắc đến cái lãng mạn của thanh niên Hà Nội.

Gió chiều thâm vương bao nhớ nhung

Người yêu thoáng qua trong giấc mộng...

«Thôi Dung đừng khóc nữa, Nghiệp hứa sẽ trở về với Dung». «Vào trong đó Nghiệp sẽ ở luôn và có bạn gái mới rồi đâu còn nhớ Dung». «Không đâu, nghiệp sẽ viết thư cho Dung và hai năm nữa sẽ lại gặp nhau mà».

Câu chuyện tới đây vẫn còn là lãng mạn vì Nghiệp tưởng mình là một nhân vật tiểu thuyết, nhưng chỉ thật sự trở nên đau lòng khi con tàu đã rời Vịnh Hạ Long. Nhìn cái mặt mù của biển rộng, gã học trò mới biết thế nào là thương, là nhớ là biệt ly, và từ đó tưởng như sẽ sống trong những chiều thương tư không bao giờ nguôi.

Nhưng SÀI GÒN là đây, trong cái ham mê của tuổi trẻ, Sài Gòn đã giới thiệu với Nghiệp một khung cảnh sống thật dần dỉ và vững mạnh. Những năm yên lặng trôi qua trong nao nức và ước vọng, có những lần đi theo những con đường thẳng đầy bóng mát

đề lên Saigon Nghiệp đã tưởng như có lẽ Saigon là một thứ quê hương biển thề, thân mật, dễ dãi, xa hoa, "chiều chuộng", là những gì có thể làm vừa lòng những kẻ cư ngụ khó tính. Rồi mấy năm sau, giữa công viên của một ngôi trường Đại học, giữa khu vườn nhỏ và xinh với những thứ hoa màu đỏ và trắng, dưới chân là những viên đá cuội, trong một buổi tối ánh đèn vàng dài theo hành lang, ve sầu kêu "nóng bức" trên hàng cây ngoài đường Nghiệp đã nói đùa với cô bạn học: những giọt sương thấm trên đá cuội giống như nước mắt. Lời nói ấy giống như tự cào ra vết thương để được ru, nàng đã ru Nghiệp qua một buổi chiều thứ bảy bình lặng và tẩm tức, đầy những mâu thuẫn và đam mê nồng nàn.

Những câu chuyện văn vợ của tuổi trẻ, văn vợ những câu chuyện không đâu với những ham muốn phức tạp và dẫn dụ. những vui chơi, những cô đơn trong những ngày dài trống rỗng. Chuỗi ngày mà sức sống đang vươn lên đã không được xử dụng như ý nguyện, có những lần Nghiệp đã nghĩ: tôi cần tự do và ghét tự do, tôi tự do hoàn toàn có nghĩa là tôi cô đơn hoàn toàn tôi sợ tự do tuy khao khát tự do, tại sao tôi không có hai hay ba cuộc đời. Cái văn vợ của tuổi trẻ đã mâu thuẫn như vậy, và tất cả như ẩn dấu trong cái mức sống bình dị và chan hòa ánh nắng của một thành phố nhiệt đới. Có cái gì ẩn dấu trong các vòm lá cây xanh tươi trên các con đường đi quen thuộc, với những cơn mưa ào ạt như thác lũ, rồi nắng lại bùng dậy rạng rỡ và say mê, có cái gì ẩn dấu trong những con phố hẹp hay những đại lộ thênh thang, những quán ăn bình dân trong ngõ hay sang trọng dưới phố. Chắc có cái gì ẩn dấu trong đó, trong mấy chục cây số vuông của một thành phố đầy sinh lực, đầy ảo tưởng, đầy giả dối và chân thật, đầy thù nghịch và hiền từ, đầy ngộ nhận, đầy rùng rùng, đầy kiêu hãnh và lãng quên. Và thế là cái thành phố nép mình ở một giải đất tận cuối lục địa Á-châu này đã giữ một phần của cuộc đời Nghiệp mất rồi, dù không phải do chọn lựa, và như thế có gì đáng ân hận hay mãn nguyện trong sự tình cờ này không. Nghiệp tưởng như trong một lúc nào đó đã thấy nó như một sinh vật có một linh hồn và một đời sống với đôi thay và trưởng thành, như câu thơ của Lamartine đọc hồi xưa.

Objets inanimés, avez vous donc une âme,

Cái sinh vật hiền hậu và nóng nảy này đã qua những cơn biển rời và xô sát của lịch sử và xã hội, những biển rời có lúc như ác mộng, có lúc đầy kiêu hãnh như một gã trẻ tuổi đi tìm tự do đã vấp phải những xây sát thực tế. Nghiệp không lấy làm lạ nữa ít nhất cũng trong nhiều trường hợp, và nhìn thấy nó như một thành phần của cuộc đời mình mà không cố gắng bác khước hay công nhận. Tại sao có thể bác khước nó trong dĩ vãng, khi nó vẫn làm li và chan hòa những ánh sáng và bóng tối, những tối tăm nó đã chịu đựng và chia sẻ với những người từ xa đến nhưng gần gũi và thông cảm với nó như đã sinh ra ở trong nó. Cũng chẳng thể bác khước và xóa nhòa nó khi nó vẫn đầy mâu thuẫn: đầy thực phẩm và nước ngọt, và hiện ra như một hòn đảo xanh, như một lúc nào đó Nghiệp thấy nó trong khung cảnh cô lập hoàn toàn giữa một màu đồng nhất như màu xanh da trời. Chắc chắn trên mặt phố phường mà Nghiệp đã nhìn thấy dù quen thuộc hay xa lạ nó vẫn giữ cái vẻ hiền từ xa xưa, dù thế giới vẫn đầy bất công và bạo lực, ít nhất Nghiệp đã thấy nó giống như một cô gái. Saigon, dẫn dụ và nồng nàn đã nhìn người bạn tình qua sự tưởng tượng ra một gã lãng tử từ xa tới mang huyền ảo và say mê trên vai áo. Chắc không bao giờ Nghiệp ngừng lại được trong mối liên quan với nó, cái liên quan hời hợt lẫn thấm thiết, đau xót lẫn vui tươi chan hòa. Như một đêm nào, Nghiệp vừa nhớ lại, một đêm xưa, hồi còn là sinh viên, Nghiệp đã khiêu vũ và vui đùa cho tới sáng tại Boule Gauloise, khi trở ra thấy cái vẻ lạ lùng của thành phố đang chìm đắm trong giấc ngủ triền miên và ánh sáng bình lặng, con đường lớn thật rộng và vắng, Nghiệp đã nhìn xuống mặt đường thấy mũi giày, nhìn ra cuối phố thấy sương mờ, nhìn lên nền trời thấy trăng sao mỗi mặt của một đêm tàn: Saigon đó.

Saigon như đang tìm ra những truyền thống riêng cũng như những thành phố khác, và cái truyền thống ấy đã được tạo nên do các lớp người đông đảo vô danh của từng thế hệ đã sống, và đã chia sẻ vui buồn với nó. Chắc Luân Đôn đã phải sống thế nào với Charles Dickens qua cái sương mù của những ngày trước lễ Giáng Sinh, những thành phố Nam nước Mỹ phải sống thế nào với

Faulkner và Tennessee Williams. Sài Gòn cũng đang tìm thấy truyền thống của nó qua những sáng trong mắt, những chiều nồng nực, những đêm dịu dàng, những khi mưa ào ạt, hay thoáng gió lạnh. Với Nghiệp, trong một đêm nhìn ra Sài Gòn ban đêm, Nghiệp đã chợt thấy rằng Nghiệp đã qua những ngày tháng ở Sài Gòn, nhưng Nghiệp đã làm gì, đã làm gì tuổi trẻ của Nghiệp. Cũng như thế, có một hôm nào ngồi trên máy bay trở lại Sài Gòn, Nghiệp đã nhìn xuống thấy Sài Gòn bát ngát và rải rác những nhà cửa lấp loáng như những đồng giấy vung vãi, bên cạnh những vách sông lơ mờ như những vết sơn trắng đục, Nghiệp không nhận ra dưới đó là Sài Gòn, nhưng tưởng tượng ra rất dễ dàng hình ảnh những mái phố và những con đường quen thuộc, và còn tưởng như nghe rõ cả các thứ tiếng động quen tai của một xã hội vô danh trong một thành phố vô danh, nhưng thành phố ấy lại được gọi tên là Sài Gòn, nơi đã chất đầy ngày tháng của Nghiệp, nơi đã chất đầy những phần thời gian của tôi, nơi Nghiệp đã có những lần sầu muộn và những ngày vui chơi.

nguyễn quang hiện

TRÙNG DƯƠNG

ý nghĩ về một thành phố

Nhiều người bảo đàn bà thường hợp với xứ lạnh. Tôi không hiểu hợp đây có nghĩa là làm sao? Chắc là nhờ ăn được ngủ được và nhờ được ấp ủ trong nhiều lớp áo lạnh, nên đa số người đàn bà xứ lạnh thường hồng hào nhờ đó người đàn bà trông có vẻ nhiều sinh lực hơn?

Riêng tôi, tôi tự thấy mình chịu lạnh rất dở. Có lẽ vì vậy mà tôi « có duyên » với miền Nam nói chung, và Saigon nói riêng chẳng? Tôi không biết. Nhưng có điều chắc chắn là tôi khó sống xa Saigon — dù đôi khi, nhiều khi muốn bứt ra, muốn đi khỏi, muốn lánh xa nó... Có lẽ vì mình chợt thấy mình bị ràng buộc với nó hơi nhiều, bởi kỷ niệm, bởi lẽ lối sinh hoạt quen thuộc, bởi những liên hệ người thân bạn bè, bởi an ninh, bởi tiện nghi, bởi những hứa hẹn dự tính và bởi... xa Saigon đồng nghĩa với chấp nhận bị quên lãng, bởi xa Saigon có nghĩa là chọn lựa, là dứt khoát với một nếp sống quen thuộc để bắt đầu một nếp sống khác mà mình tự cảm thấy chưa đủ tính chất phiêu lãng để, trong một lúc, có thể xóa bỏ một nơi chốn quen thuộc hầu bắt đầu làm quen với một nơi chốn khác, như xóa đi một hình vẽ bằng phấn trên bảng và bắt đầu vẽ lại một hình vẽ khác...

Thì ra mình đã « mọc rễ » ở thành phố này? Có thể như vậy được sao? Thì ra, mặc dù mình vốn sợ những gì quen thuộc đến nhàm chán, cố định đến ù lì, mặc dù ưa thay đổi, ưa đi chuyển đó đây và chẳng bao giờ làm việc lâu được cho một chỗ nào; và trong khi đó, mặt khác, mình lại bị ràng buộc quá đáng

với một thành phố không phải là nơi chôn nhau cắt rốn mà chỉ là một chỗ mà, do một sự tình cờ không chọn lựa không cả ý thức, mình đã đặt chân đến cách đây mười lăm năm? Có một lúc nào đó, chợt nhận ra sự ràng buộc này, tôi đã phải sửng sốt ngạc nhiên. Cái gì thực sự đã giữ chân tôi ở đây? Hay chỉ vì mình nhát sợ một sự bắt đầu lại ở một chỗ khác? Vì cái không khí nhiệt đới? Vì...

Quả tôi đã đặt chân đến thành phố này không do một sự chọn lựa, không cả ý thức. Tựa như một cuộc hôn nhân — giữa Saigon và tôi — do gia đình quyết định.

Vào phút chót, cha tôi mới quyết định đem gia đình vào Nam. Tôi lên đường rời Bắc năm ấy mới có chín tuổi với không một ý niệm về lý do ra đi, và một mơ hình ảnh rất mơ hồ về cái thành phố vừa bỏ lại phía sau. Bây giờ, nếu có dịp nghĩ về miền Bắc, tôi không cảm thấy gì gọi là nhớ nhung cả: không có một kỷ niệm nào gọi là sâu đậm để cho tôi nhớ đất Bắc hết.

Và tôi thích nghỉ với Saigon một cách tuyệt vời. Có lẽ tôi không nhận thấy điều đó bao lâu tôi còn sống ở đây để có thể có một cái nhìn từ xa. Những dấu chân của mình cứ tiếp tục in lên các hè phố. Và mỗi nơi mỗi góc của thành phố cứ tiếp tục chứa chất giùm mình những kỷ niệm, chứng kiến cho mình những đổi thay thể xác tâm hồn. Và ngược lại, mình cũng nhìn nó dần biến đổi theo cuộc sống, thời thế. Có những đêm Saigon co mình trong ngò vực, nghỉ kỹ, rình rập nghe ngóng. Có những trưa Saigon ngơ ngác xộp xao vì những tiếng súng. Có những sáng Saigon chợt reo vui rộn rã cuồng nhiệt tưởng như từ đây hết còn lo âu. Nhưng rồi lại tiếp theo những đêm khoắc khoải, những ngày nóng sốt... Và trong những cơn thăng trầm của thành phố, cả thể xác và tâm hồn tôi cũng có những cơn thăng trầm của chúng. Từ hồi nào tôi bị nhiễm « căn bệnh nhiệt đới » tôi cũng không rõ — hay chính « căn bệnh » đó đã nằm sẵn trong tôi và khi gặp được môi trường tốt, thích hợp với nó nên nó đã xuất đầu lộ diện và phát triển? Dù giọng nói còn nguyên vẹn chất Bắc, nhưng tất cả những gì còn lại trong tôi đã ngã về miền Nam, miềm của những cơn nắng võ đầu, của những cơn mưa chợt đổ

xuống chợt tan đi, của sự ngay thẳng bộc trực đến độ cuồng nhiệt, mà Saigon là tiêu biểu. Tôi sinh ra mẹ Saigon, mẹ cái điền cuồng nhẹ dạ của nó, mẹ cái đơn giản chất phác đến thô sơ của nó. Mẹ như đôi khi mẹ chính mình; và ngược lại, đã có những lúc ghét nó như ghét chính mình.

Quả vậy. Đã có những lúc tôi thêm bỏ Saigon mà đi, đi đến một chỗ nào thật xa, thêm quên nó, để gây cho mình cái ảo tưởng là mình không cần nó, không thiết nó, là mình là một khách giang hồ, nhất định không vương bận với những thứ tình cảm nhớ nhung tâm thương.

Một buổi tối lang thang trong cái lạnh ở Đồng Kinh, đứng sắp hàng đợi đến phiên mình đón tác xi trước một *Department-Store* để trở về khách sạn, tôi chợt thêm cái nóng cái đơn giản cái quen thuộc ở Saigon. Và tôi nghĩ tại sao mình tha thiết với Saigon làm vậy? Saigon, ở đó, có gì đáng gọi là quyến rũ đâu? Nhà cửa thì chật chội, thiếu tiện nghi, thiếu cả mỹ thuật lẫn kỹ thuật. Đường xá thì vừa hẹp vừa nhiều ổ gà, lại đông xe cộ, lấm bụi, nhiều khói, vô trật tự, bần thủ với những đồng rác cao ngất ngưỡng, với trẻ con ngồi ngay bên lề đường mà phóng uế, với những bầy chó đàn ruồi... Saigon có gì đáng gọi là quyến rũ đâu? Cái duyên dáng của Saigon là cây cối thì người ta đang bắt buộc phải chặt đi vì cây nào sống nổi với khói xe và vì nhu cầu cần mở rộng đường sá. Những tòa bìn-đinh nham nhở đang được dựng lên với vữa. Người dân sống bon chen với vữa. Và rồi trộm cắp. Và rồi lường gạt lật lọng. Chưa kể cơn sốt thời cuộc chính trị. Tại sao tôi vẫn mong trở lại đây? Tôi không hiểu. Chỉ thấy rằng tôi không thể sống xa cái thành phố này. Tôi không muốn phân tích khi con tim mình hướng về một đối tượng nào. Có lẽ mỗi người cần có một chỗ để trở về. Giản dị có vậy. Dù chỗ đó có tồi tệ cách mấy đi chăng nữa, nhưng ít ra đó là nơi duy nhất nó cảm thấy thoải mái, tự nhiên, nơi duy nhất nó cảm thấy là của nó, rằng nó không phải là một khách bàng quan, một kẻ đứng ngoài lề, một người đến ở trọ...

Tôi nhớ có đọc một truyện ngắn của Williams SAROYAN mà

tôi không nhớ chắc đầu đề là gì, truyện kể về một thanh niên bỏ nhà ra đi, bởi hắn không chịu nổi cảnh nghèo khổ, neho nhóc cuộc sống thiếu tiện nghi của gia đình, sự quen thuộc nhàn chán của quê hương. Hắn phiêu bạt giang hồ trong mấy năm, rồi cuối cùng nhớ nhà, hắn trở về. Hắn đã nhìn lại cảnh làng cũ mà ngày hắn đi, hắn thấy ghê tởm, mà hắn đã thề là sẽ không bao giờ trở lại chốn « trầm luân » đó nữa nhưng hắn lại xúc động mãnh liệt khi nhìn lại cảnh làng cũ. Hắn uống nước từ một cái máy giếng làng với một tâm hồn khao khát đầy yêu thương dành cho nơi chôn nhau cắt rốn của mình. Và hắn nghe ngóng bước đi của mình trên những lối đi lát gạch. Hắn cảm thấy rung động lạ thường tưởng có thể khóc được ! Gần hết câu chuyện, người đọc tưởng như tác giả đang tấu lên khúc nhạc *Come back to Sorrento* với một xúc động đến rung rung. Nhưng rồi khi gã thanh niên bước vào sân nhà, lúc ấy trời nhá nhem tối, ngó qua khung cửa bếp, hắn chợt bắt gặp lại nguyên vẹn cái hình ảnh ngày hắn bỏ đi : em gái hắn đã già hơn một chút, đang sửa soạn bữa cơm tối với bà mẹ hắn, ngồi ở bàn vẽ một mồi và lũ em hắn neho nhóc làm hắn nghĩ đến hình ảnh người cha lúc nào cũng cau có gắt gỏng. Hắn bật khóc, không đủ can đảm mở cửa bước vào nhà. Hắn lại lẳng lặng bỏ ra đi...

Tôi nhớ một lần từ ngoại quốc trở về vào dịp Saigon bị phá kích toí bời, tôi đã sống cái tâm trạng muốn bỏ đi một lần nữa như gã thanh niên trên. Nhưng rồi mình vẫn tiếp tục sống ở đây và mỗi ngày một trở nên gắn liền với thành phố này hơn. Với yêu ghét lẫn lộn. Với sự thèm khát bỏ đi dù biết sẽ lại nhớ thương nó vô cùng khi xa nó.

Làm thế nào được khi mỗi người đều cần có một nơi để trú về vì chỉ có nơi đó là dung túng được mình, vì chính nơi đó đi cất giữ của mình nhiều kỷ niệm biến đổi riêng tư dù nó có thì nào đi chăng nữa.

Và vì vậy mà những chuyến đi ra khỏi thành phố quen thuộc thường vẫn chứa nhiều, quặn rũ, chất nhiều kỷ vọng, hứa hẹn..

trùng dương

SƠ DẠ HƯƠNG

trái tim trong thành phố

Trước hết, tôi không phải là người sinh trưởng ở Hanoi. Quê tôi ở Sơn tây, một tỉnh cách xa Hanoi độ bảy, tám chục cây số. Đối với một người dân miền Nam, khoảng cách đó chỉ bằng quãng đường từ Saigon đi ngã ba Trung Lương, thời gian di chuyển chừng trên dưới một giờ đồng hồ. Nhưng ở xứ Bắc, cuộc kháng chiến chống Pháp bắt đầu không phải những chiến thắng vinh quang mà bằng những sự tàn phá hy sinh, những sự tàn phá chính cơ thể đất nước thân yêu để làm hại địch. Một trong những phương tiện tự hại mình để hại người đó là chính sách tiêu thổ kháng chiến, chính sách vườn không nhà trống. Đường xá, cầu cống bị hủy diệt để ngăn chặn bước tiến của quân địch ; nhà lầu bị triệt hạ để cho địch không còn chỗ đóng quân, đặt địa điểm quan sát hoặc bố trí súng lớn. Quãng đường Hanoi — Sơn tây do đó cũng chịu chung một số phận. Trong những năm chịu đựng cuộc chiến tranh Việt — Pháp, miền Bắc bị phân chia làm hai vùng. Một vùng « hậu phương » do [Việt minh chiếm giữ gồm những tỉnh thuộc miền thượng du Bắc Việt, vùng Việt — Bắc mà một vùng « Tề » do Pháp và chính quyền « quốc gia » kiểm soát gồm những tỉnh thuộc miền đồng bằng sông Hồng, trong đó có tỉnh Sơn Tây.

Làng tôi ở ven sông Hồng. Khoảng năm 1946, khi quân Pháp từ trên trời nhảy dù xuống chiếm đóng mấy tỉnh Vĩnh, Phúc Yên, Sơn Tây, rồi sau đó thành lập chính quyền quốc gia, gia đình chúng tôi chạy tản cư xa dần con sông Hồng vào sâu trong, phía chân núi Ba Vi, Tản Viên, rồi lần lần chạy ngược lên vùng Việt Bắc. Ít lâu sau, thấy quê nhà cũng đã tạm yên, và hơn nữa, sau khi cảm thấy không thể chịu đựng nổi cái đói cùng khi hậu ẩm độc của vùng thượng du, gia đình chúng tôi bắt chước mọi người tìm cách trở về làng cũ. Năm đó tôi mới độ mười một, mười hai tuổi. Về Tề, tôi học hết lớp Nhất tại trường tiểu học trong quận, cuối năm, thi đậu văn bằng Tiểu học, tôi được về Hanoi học tiếp chương trình Trung học.

Muốn đi Hanoi, từ làng, tôi phải đi bộ dọc theo bờ đê chắn nước sông Hồng cho tới khi con đê tiến sát gần con đường trải nhựa, quốc lộ số 1 nối liền Trung Hà, một địa đầu của tỉnh Sơn tây với tỉnh lỵ rồi với Hanoi. Quảng đường nhựa đã mất hết bề mặt bằng phẳng dù ngăn ngửi như vậy nhưng những hành khách đi xe hơi cũng phải đề ra hơn nửa ngày trời. Những chiếc xe hàng chuyên chở thì khỏi nói. Những người chủ xe ở Hanoi thường dành những xe tốt cho những con đường tương đối còn bằng phẳng, hoặc đã được sửa chữa, chẳng hạn như con đường Hanoi Hải phòng. Hành khách Sơn tây — Hanoi chỉ được thừa hưởng những chiếc xe thuộc loại phế thải. Nạn cá hộp thì cũng khỏi chê. Tất cả những hành khách con nít như tôi hồi đó được nhét vào những góc xe, những khoảng trống mà người lớn, không thể nào ngồi được. Hoặc ngồi dưới chân những người lớn, hoặc ngồi ở thùng xe phía sau, hoặc leo lên trên mũi ngồi giữa đống hàng hóa. Đối với tôi một đứa học trò nhỏ được rời quê ra tỉnh, những chiếc xe hàng cọt cạch, lừ đừ bò trên con lộ giữa đám ruộng, đám cây, trông giống như những bao quẹt gây những kinh ngạc, lạ lùng, bờ ngỡ, làm quên đi những buổi sáng tắm sông, câu cá, những buổi chiều chăn trâu, thả diều ngoài đồng ruộng hoặc dưới chân con đê.

Hanoi đối với tôi, một đứa trẻ nhà quê về tỉnh trọ học, là những kỷ niệm về một cây kem lạnh buốt răng lần đầu tiên được

ăn, một cuốn phim Tazan, Zorro lần thứ nhất được xem, một hồi chuông xe điện cho đến bây giờ thỉnh thoảng vẫn còn kêu ròn rảng ở quanh quất đâu đó trong tiềm thức. Còn biết bao nhiêu, bao nhiêu là hình ảnh khác nữa. Hình ảnh một chiếc tháp chìm giữa màn sương mù mùa đông giữa mặt hồ, những trái sầu chín rải rác trên mặt đường, những ổ bánh khúc nóng hôi hổi buổi sáng, những nhúm lạc rang kêu sột xoạt ở trong túi quần. Hình ảnh của một cậu học trò nhỏ, buổi sáng trước khi đi học được người lớn bỏ vào lòng bàn tay vài đồng bạc lẻ, trên đường đi tôi trường bắn khoăn không biết buổi sáng đó sẽ ăn gì, sẽ ăn một khúc bánh mì kẹp chả, một đĩa bánh cuốn Thanh tri, một đĩa xôi nếp nướng hay sẽ nhịn ăn sáng để dành tiền buổi trưa rửa mấy người bạn trong lớp đánh đáo, thua thì thôi, nếu được chắc sẽ có đủ tiền để đi coi ciné rạp Lửa Hồng của Hội Hướng Đạo ở gần bờ Hồ, rạp ciné chợ Hôm, rạp Ciro's, rạp Đại Nam hay rạp Long Biên, Olympia...

Di cư vào Nam, tiếp tục đi học, tốt nghiệp, đi làm, kiếm được tiền nuôi thân, nuôi gia đình, chỉ cảm thấy nhớ Hanoi khi biết rằng đã mất nó như tuổi thơ đã vĩnh viễn qua đi. Đi là những năm vừa mới lớn, còn nhiều mơ mộng. Trí nhớ luôn luôn muốn tìm lại Hanoi, tìm lại tuổi thơ không phải để thì thào một mình nhưng mà là để kể cho người khác nghe. Để viết trong những lá thư tình đầu tiên trong đời. Khi cảm thấy được yêu, cảm thấy hạnh phúc có, một đôi lần đã cố cảm tưởng quên được Hanoi, hoặc là Hanoi đã được hiện thân ở nơi người yêu. «Anh yêu em bởi vì anh yêu Hanoi», hình như đã viết vậy một lần nào đó, trong một lá thư mẫu, chữ viết thật nắn nót, cẩn thận.

«Con người là tổng số của những kinh nghiệm về thời tiết». (1) Càng về già càng nhận ra không những chỉ nhớ Hanoi như nhớ một quãng đời đã mất nhưng còn nhớ thành phố đó như một hình ảnh của cả một miền đất. Nhớ bởi vì không thể nào quên được những ngày đông giá lạnh, những ngày hè oi bức, những trận mưa rào đầu mùa, những trận gió ngập lá vàng, tiếng chim cu gáy buổi trưa mùa hạ, tiếng ếch ương kêu ran ngoài

(1) W. Faulkner. Le Bruit et la Fureur.

đồng sau mỗi trận mưa, tiếng gàu nước chạm vào thành giếng, tiếng thở phì phò của mấy con trâu đang cày ruộng... Hanoi không phải chỉ gồm những kỷ niệm học trò nhưng còn là hình ảnh của cả một vùng đất nghèo khổ, đang dần dần trở nên cằn cỗi. Nhớ Hanoi và nhớ luôn cả hình ảnh của một bãi cát nóng bỏng nơi làng cũ, mỗi khi một người trong làng muốn đi từ con đê xuống phía sông đã phải ngắt một tàu lá chuối, rồi sau đó cầm cổ chạy trên mặt cát cho tới khi nào hai gan bàn chân không thể nào chịu đựng nổi nữa, lúc đó sẽ thấy miếng lá chuối xuống, đứng lên trên đê nghỉ. Hãy thử tưởng tượng nếu người đó là một người đàn bà gánh nặng vừa đi một phiên chợ ở bên kia sông về. Nhớ luôn cả những bữa ăn gồm chín, mười phần ngô, khoai chỉ có một phần gạo, những bữa cháo dọc khoai làm cổ họng ngứa ngáy vừa ăn vừa muốn nôn ra, những bữa cháo cám con người ăn tranh cả phần của heo, gà, vịt.

Con người còn là tổng số những kinh nghiệm về khổ đau, Faulkner nói thêm. Một người nào đó nếu sinh trưởng ở Hanoi chắc chắn có một hay nhiều hình ảnh khác đẹp đẽ hơn, nên thơ hơn về thành phố đó. Trí nhớ của riêng tôi về Hanoi, như trên vừa mới kể lể, chỉ gồm những hình ảnh mờ của bất ốc chọn lẫn với những hình ảnh tương đối khá ám áp của cuộc đời một gã học sinh nghèo may mắn được về Hanoi học.

Cách đây ít lâu, hồi còn độc thân, một bữa theo một người bạn về khách sạn ngủ. Phòng ngủ có gắn máy lạnh. Nửa đêm chợt thức giấc nghe tiếng máy lạnh chạy rào rào, trong một khoảnh khắc, tôi bỗng có cảm giác lạnh giá như đang sống một ngày trong mùa đông cũ, và tiếng máy lạnh chạy rào rào kia chẳng khác gì tiếng gió bắc thổi ở nơi quê nhà.

sơ dạ hương

MẶC ĐỒ sàigòn của tôi

Thành phố của tôi đích thực là Hà Nội: tôi sinh ra ở đó, tôi đã sống trọn vẹn thời tuổi trẻ ở đó. Nhưng tôi có một ông bác ưa phiêu lưu, sớm rời bỏ thành phố sinh trưởng, đi bôn bề ở một nơi mà ngày nhỏ tôi tưởng như xa xôi lắm. Đảo Phú Quốc ở mãi tận cùng đất nước. Những giấc mơ tuổi trẻ của tôi thường hương về nơi chân trời thật xa đó. Những giấc mơ cũng có khi hiện thành sự thật với những gánh hát tự miền xa tới trình diễn. Bao nhiêu đêm rực rỡ ánh sáng tiền trường, vang vang tiếng ca giọng nói của miền xa đã gây nhộn nhịp, nao nức trong chuỗi ngày tuổi trẻ. Lần lượt những Năm Phỉ, Phùng Há, Sáu Nét, Tư Sặng (làm sao nhớ hết những tên, những khuôn mặt ư tràn sức chiêu dụ của miền xa?) là thứ tình nhân vô vọng làm đẹp những ngày tháng khát khao của tuổi trẻ. Nếu có thể vô cơ khóc lên được chỉ có những lúc buông tay cho tiếng ca vọng cổ thấm vào cơ thể, biến phút giây hiện tại thành những trang sách cổ tích đọc say mê một buổi chiều ngày nghỉ học. Đến bao giờ giọng nói miền xa vẫn lưu luyến như một bài vọng cổ, đó là một chấp nhận in khắc mãi mãi, không phai.

Phần lớn những giao tình tuổi trẻ của tôi đều dành cho những người tự cái miền hai mùa mưa nắng đem tới những âm hưởng

suy đồi day dứt trong tiếng ca vọng cổ. Giọng nói còn chuyên chở những cung cách sống, những món ăn ngon (mắm nêm, mắm thái... hương vị đất nước nhưng cảm giác gọi bao nhiêu mới lạ, bao nhiêu xa xôi!). Tôi từ bỏ những nề nếp cho rằng chật hẹp để mơ tưởng tới cái xa rộng của vùng đất nước mà ruộng đồng chạy dài tới chân trời, không một bóng núi che khuất. Liên tiếp năm sáu năm trời, mỗi tuần lễ một lần, hai lần, những khoảnh khắc rạo rực tuổi trẻ là những lúc đọc thư, viết thư. Bến đợi ở đầu bên kia đất nước là cô em gái một người bạn lớn. Mỗi giọng chữ là một lời hẹn hò, mời gọi. Sài Gòn của tôi từ hồi đó.

Trong cái tuổi rạo rực còn cái tuổi suy nghĩ. Bà thầy ở trường giảng dạy Rousseau, Montesquieu mở cánh cửa bước vào thế gian của con người tự do. Bộ « Phụ Nữ Tân Văn » đóng thành nhiều tập, đọc rất ham những chiều thứ năm không bận bài vở học trò, cũng phảng phất tia sáng của những điều mới học. Trong nhiều năm tuổi trẻ tôi thường nghĩ phải chăng đằng sau những vòng lọng bao vây có thể tìm thấy những tư tưởng cởi mở kia ở miền xa xôi mong ước đó. Sài Gòn của tình cảm cũng là Sài Gòn của suy tư. Sài Gòn của tôi cũng vì thế nữa.

Tuổi trẻ đã để lại sau lưng, tôi mới bắt đầu xích gần tới miền xa bao lâu mong ước. Ngày xưa xê dịch không dễ dàng như ngày nay, phương tiện duy nhất là những chuyến xe lửa lần lần bò rất chậm dọc theo vùng duyên hải ngời sáng, lượn vừa đúng trên vòng cung bao lơn ngó ra đại dương. Những thuận tiện riêng không cho phép một mạch lao tới nơi mong đợi. Từ Tháp Chàm tôi phải rẽ lên Cao Nguyên chịu thêm một thời mong đợi thử thách nữa. Nhưng Đà Lạt đã gần như Sài Gòn rồi, giọng nói chiêu dụ rất thường nghe thấy chung quanh, những hàng chữ mời gọi bữa trước bữa sau đã tới tay. Vậy mà cũng phải ba năm chờ đợi.

Sài Gòn rõ ràng là nơi tận cùng của chuyến đi. Ga xe lửa nằm gọn trong thành phố. Đó là nơi đến, nhất định đến. Không phải là chỗ ghé qua như hầu hết những nhà ga khác. Muốn từ đây đi người ta phải lùi lại trên con đường đã đến, chờ một khúc rẽ

mới tiếp tục cuộc đi. Nhưng có tiếp tục đi nữa cũng chẳng đi được bao xa. Sài Gòn — Mỹ tho không đầy một trăm cây số. Mà không phải vẫn con tàu đó. Sài Gòn nhất định là nơi đến, không cách nào khác.

Nhưng, với người bấy lâu khao khát, ga Sài Gòn có làm thất vọng. Một dãy nhà thấp, rất ít ồn ào của những chuyến tới chuyển đi, chỉ là một ga nhỏ, như nhiều ga nhỏ khác dọc đường lại thua kém cái hun hút của hai nẻo đường dài. Thất vọng, nếu trên sân ga không có những người đón đợi. Biển tiếng nói chiêu dụ vây lấy người mới đến, xô đẩy người mới đến vào những khám phá rất nhiều đang chờ bắt đầu từ hệ phố trước ga. Đà Lạt Sài Gòn hành trình vừa đúng một đêm nằm ngủ trên xe. Người đến tỉnh dậy cùng với thành phố trở dậy, khám phá càng ham hố vì có cả một ngày dài trước mặt, đầy đủ, quá nhiều...

Cây, những cây, Sài Gòn buổi sáng tươi mát trong ánh nắng. Người mới đến được thành phố chấp nhận ngay từ những bước chân đầu, không ngỡ ngàng. Làm sao còn thấy mình là khách khi ngồi giữa một tiệm mì, giữa đông đảo người Sài Gòn ăn sáng. Những món điểm tâm tự nhiên đưa tới trước bàn, không cần gọi. Lựa chọn bằng mắt dễ dàng, cứ ăn như mọi người chung quanh đang ăn. Chỉ một chút nhận xét là ngay bữa đầu đã có thể thông thạo như hết thấy mọi người. Người Sài Gòn nghĩ tới mình nhiều hơn là bận tâm tới mọi người khác ở chung quanh, cho nên người mới đến rất mau hòa mình được vào đám đông nếu không cố tình làm khác, giữ cho khác. Ngay đến những người không cùng ngôn ngữ — người Tàu, người Chà — họ tới, họ phát triển và không ai nghĩ rằng họ quá đông, thao túng một phần lớn đời sống trong thành phố, của cả một miền.

Buổi trưa Sài Gòn. Hai mươi lăm năm sau, hôm nay, làm sao tìm lại được những buổi trưa Sài Gòn thời đó. Du khách Tây phương đã từng viết về Sài Gòn, vì Sài Gòn như một thành phố miền Nam nước Pháp. Nhận xét thật đúng những lúc ban trưa mọi hoạt động hầu ngưng trệ hẳn để mọi người nghỉ ngơi. Bóng cây buổi trưa Sài Gòn quả là những bóng cây với tất cả sự êm tĩnh, vắng lặng, những lá me lay động in bóng trên mặt hè vắng. Sài Gòn thật khác, so với những thành phố miền Trung, miền Bắc.

Nhưng đặc biệt nhất là đêm Sài Gòn. Buổi sáng, buổi chiều, Sài Gòn làm việc, đêm đến Sài Gòn mới thật sự sống. Ra quán uống cà-phê, ăn sáng, đó là một cần thiết ngắn. Tối đến ra đường, đó mới là thời gian của mình của mỗi người Sài Gòn. Ăn và chơi mọi thứ đều có đủ. Bỏ ra một năm trời khám phá chưa chắc đã biết hết mọi thứ ăn và mọi thứ chơi của Sài Gòn. Rất nhiều người đến Sài Gòn rồi không thể bỏ đi. Chưa hẳn bởi họ ham ăn ham chơi. Đêm Sài Gòn là của hết thảy mọi người, ai cũng có thể tìm thấy cái phần của mình ở một nơi nào đó trong thành phố nô nức về đêm. Bởi có đêm Sài Gòn đời sống thấy dễ chịu hơn. Ban ngày làm việc, đêm đến có cơ hội tức khắc đến bù những nhọc mệt trong ngày. Cần cù, cố gắng được chia thành nhiều đoạn ngắn. Hãy sống cho ngày hôm nay, sáng mai lại tiếp tục. Đời sống Sài Gòn đáng yêu bởi lẽ không đòi hỏi nhiều cố gắng tích lũy.

Hai mươi lăm năm sau, những gốc cây của Sài Gòn ngày xưa lần lần bị đánh ngã. Chẳng cần tới những lưỡi cưa tàn nhẫn; riêng bụi và khói độc của đường phố cũng đủ làm nghẹt thở từng cánh lá. Sài Gòn đâu còn là Sài Gòn nữa. Đâu còn thứ Sài Gòn hoan hỉ mời gọi và tức thời biến người lạ thành quen. Bóng mát không tìm thấy. Bây giờ chỉ còn đám đông những người lạ, từ bốn phương kéo tới và ò ạt tranh sống. Sài Gòn của ai, của những người mạnh tay, lạnh mát. Hãy đổ lỗi hết cho chiến tranh, để lương tâm mỗi người tạm yên. Cho cái gốc thực sự Sài Gòn đừng mất.

Cuộc sống bây giờ ai cũng thấy là tạm. Cho nên đừng đánh giá gât gao. Chiến tranh như cơn lốc xô đẩy những đám người quy tụ thành từng tập thể bát nháo. Hoàn cảnh tình cảm chung giữ mãi được gót chân người nếu không khi tình cảm chung quanh không là bóng mát níu kéo. Như những bóng cây buổi trưa Sài Gòn hồi nào. Như những đêm Sài Gòn ngày xưa đem thoải mái đến, sau những ngày làm việc. Nghĩ cho cùng, bóng mát cũng không do ý muốn của con người. Đừng ai nghĩ là muốn hay không muốn tạo bóng mát. Bóng mát của Sài Gòn ngày xưa là hợp

thành của chính bao nhiêu cái vô tâm của người Sài Gòn. Người mới đến cũng mang cái vô tâm của mình hòa trộn vào mớ vô tâm chung. Sài Gòn ngày xưa quyến rũ không phải vì ai, do ai. Có một quy luật cõi mở mặc nhiên ai nấy cùng theo và hết sức tôn trọng. Cái chén nhỏ tư lợi hẹp hòi của mỗi con người làm sao so sánh được với lượng vô biên của một miền phù sa chỉ thêm tranh đua với riêng biển cả. Sài Gòn, miền Nam, tương lai là ở trước mặt. Điều đáng sợ là sợ mất cái gốc tươi mát ngày xưa.

Hà Nội, Huế, Sài Gòn. Ba mỗi tỉnh, một bản hòa tấu. Làm sao thiếu được một khúc. Thiếu thốn chính là những người dễ dàng cam ẩn núp trong một ngõ ngách địa phương, cam tâm đứng lại trong khi giòng đời đang chảy. Cái nhịp diễn tiến hiển hiện trong ngôn ngữ hòa trộn. Thử lắng nghe những sân khấu bình dân nhất. Những người đứng lại có thấy chẳng ngôn ngữ — phương tiện cảm thông số một — đã đi tiên phong bồi đắp phù sa san bằng những ranh giới tư lợi trước mũi. Đào Duy Từ đã sống lại trong một số người hôm nay. Nhưng Đào Duy Từ hôm nay đã không cưỡng lại nổi sức giao hòa của ngôn ngữ.

mặc đồ

TỪ KỂ TƯỜNG

những ô cửa cũ sàigòn

Đưa trẻ của một miền quê xa lắc xa lơ một hôm thức dậy vào vào lúc 5 giờ sáng. Như con chim quen thuộc thường cất giọng hót sớm ngoài hàng cây đang trở gió mùa. Chiếc rương nhỏ đã sẵn dưới chân giường đựng đầy một thứ hào hức ra đi. Quần áo đôi bộ, lo lắng vài thứ. Đôi chân thả rong trên những cánh đồng nắng lửa của mùa hè từ buổi chiều đó đã thu lại. Loanh quanh trong căn nhà, đi lại trên thềm cửa và dò chừng khoảng sân như một nơi nào thật mênh mông. Ngăn ấy thứ trong một chiếc rương nhỏ, còn quá trống để bỏ vào đó những kỷ niệm, nóng bừng như thứ đất nung trong hầm củi ấu thơ. Đưa trẻ chưa tỉnh ngủ vội, hãy còn nhắm mắt để nghe một đêm qua từ tức mặt trời còn rải nắng trên đường, ở phía Tây một chân trời xa, và thấp. Chiều đâu còn nữa, để hôm nay có buổi sáng tới trường? Mùa hè đã tới, đã xô cánh cửa lớp học đóng lại im ỉm. Ông thầy già kính trọng xuống mũi tra chìa khóa vào ổ xoay tròn một vòng. Lúc quay ra thì đằng sau lưng ông bụi đã phủ. Thời gian về một bước, nhưng ôm hết rất gọn gàng, phủ hết rất vô tư ngày tháng của đưa trẻ ở bên trong. Tối nay đã chuẩn bị. Chuyển xe vào lúc mấy giờ. Còi rúc ngang đâu và con đường lên tỉnh dài bao nhiêu cây số? Đưa trẻ đã có một chiếc rương đầy lúc đi ngủ,

Khuya lắm. Sáng nay nhớ chiếc rương đầy không còn thiếu gì nữa, nó ở dưới chỗ nằm này một đêm ngấn trời qua. Một đêm thức giữa giấc ngủ nhiều lần để ôn lại một mình trong bóng tối kín bưng những hình bóng sáng lóe lên. Đầu kia một người bạn, đầu này một người bạn, giữa đường là những bông cỏ thơm, những hàng cây rụng trái đen hoa vàng. Chung quanh là cả một mùa hè mạnh khỏe đang ào ạt tới xô lấn hết, những buổi gần trưa trên bồn cỏ đỏ ối Hoa mười giờ. Bầy chim sẽ ở bên kia sân một lớp học khác. Đưa trẻ bây giờ không mặc áo học trò. Tất cả những gì của tiếng trống trường đã nằm yên vị trong rương kia. Sáng nay chỉ có một hành khách. Và buổi lên đường đầu tiên trong cuộc đời mở ra trong tầm mắt những khoảng trời xanh ngát. Những biển lớn mênh mông, những núi xanh chót vót. Sáng hôm nay tự nhiên ta nhỏ bé hơn bao giờ khi trước mặt ta thành phố là một phông ảnh lớn và cao ở nơi nào phía cuối lộ trình chiếc xe dừng lại?

Con đường sáng nay có cây la lạnh trên đầu, cỏ đất lạnh dưới chân và một thứ không khí còn sương mù trộn lẫn với hương hoa sớm. Con đường dẫn đưa trẻ vào một trạm đợi đầu làng chờ chuyển xe 6 giờ sáng. Những cánh đồng kéo thẳng trong tầm mắt, mơ hồ như lòng đưa trẻ sáng hôm nay. Nhà cửa dọc theo đường, những ngôi quán nhỏ. Đôi lúc đưa trẻ chợt nhận ra, chợt biết rất rõ rằng là mình sắp mất, tạm thời một mùa hè của những mùa hè còn lại ở mai kia. Chuyển xe 6 giờ sáng. Đi đâu? Sài Gòn. Chết sang trọng và là một cái gì ghê gớm lắm? Thành phố ấy với đưa trẻ, bấy giờ là một nơi phải đến như một khám phá từ đầu, như một mở mang cần thiết. Sài Gòn là một cõi nào khác, ở xa vời trong tầm hiểu biết. Một nơi chốn mơ ước để đôi chân nhỏ bé này đặt chân tới. Và hẳn nhiên, thành phố ấy lạ lùng vô cùng. Đưa trẻ của ngày ấy chưa thể đo được bằng con toán vô lòng con đường từ quê lên tỉnh rồi từ tỉnh đi Sài Gòn. Trong tầm ước lượng hẳn Sài Gòn phải xa tit mù trên một dặm trường. Nơi tới sẽ khó khăn lắm mới về, và nếu về sẽ khó khăn vô cùng để tới. Sửa soạn lên đường hôm ấy đưa trẻ là một đơn vị duy nhất, một hành khách ngừng cao mặt lên để nhìn chung quanh. Trong

cái làng nhỏ bé hẻo lánh này chỉ có ta là đứa trẻ đầu tiên biết Sài Gòn, đi Sài Gòn và ở mãi với thành phố đó. Hách lăm. Thế nên chiếc rương hôm ấy không nặng, nó nhẹ tênh, xách đi suốt khoảng đường để tới trạm đợi xe không thấm tháp gì. Bởi lẽ, đôi tay của cậu học trò từ sáng hôm nay, đã lớn, đã to và đã khỏe như những chân trời sẽ phải xuôi ngang qua vầng trán phẳng phiu chút nữa đây, khi chuyển xe dừng lại. Chiếc xe sơn hai màu mà từ những hôm còn đi học sớm đứa trẻ đã ao ước có được một chỗ ngồi khi thấy nó chạy đằng sau rặng cây xa hủ cùi inh ỏi. Tiếng còi xe một sáng nào đó đối với tâm hồn đứa trẻ thúc giục lắm, hấp dẫn và mời gọi lắm. Cái bóng dáng vàng xanh của nó thấp thoáng qua những thân cây xanh lá không khác chi con khủng long — và những căn xé, rương tráp, đồ vật chất trên mũi cao hơn những ngọn cây ngô thấy được là một thứ hành lý giã từ đầy xúc động. Chuyển xe đó, biết đến bao giờ ta ra đi, bao giờ thì có trong tay chiếc vé, có một chỗ ngồi để tới Sài Gòn « Đền ngọn xanh ngọn đỏ ». Thành phố rền rang xe cộ, chật ních người mà một người lớn nào đó đã về kể lại. Mơ ước đó sáng hôm nay đây đã thành hình. Con khủng long to lớn kia không còn quẫy đập vù vù nữa mà nó sẽ dừng lại, nằm im trên mặt đường tĩnh lặng. Ta không còn sợ. Cái bóng dáng vàng xanh sẽ hiện rõ là những viên bụi đường. Chỗ ngồi ắt sẽ có, chiếc vé ắt sẽ nằm trong tay, và một lộ trình dài ắt sẽ phải đi qua với những vương trời lạ, những ô cửa tròn. Sài Gòn ở phía đó. Nơi sẽ tới của một đôi chân rộn ràng và một hồn chết ngợp với mệnh mông.

Tôi tới Sài Gòn với tâm hồn của một đứa trẻ nhà quê mới lên tỉnh thành. Chuyển xe 6 giờ sáng ở Phú vang, một ngôi làng ở giữa của chặn đường Bình Đại — Mỹ Tho. Chiếc xe đồ sơn hai màu vàng xanh ấy đỗ lại bến Rạch Miếu. Tôi phải mua vé để sang chuyển Bắc qua bên kia bờ Mỹ Tho. Từ đây tôi lại phải có một chiếc vé nữa để có một chỗ ngồi trên xe lửa. Và chuyển xe lửa bỏ tôi xuống Sài Gòn vào lúc chiều tối, khi tất cả những con đường đã lên đèn. « Tất cả mọi thứ đều ở trong miệng mình ». Trước khi đi mẹ tôi đã dặn như thế và lúc ngồi trên xe lửa tôi

cũng còn nhớ như thế, nhưng khi đặt bước chân đầu tiên xuống vỉa hè Sài Gòn tôi lại thấy lo sợ như người lạc vào rừng giữa đêm tối. Một đứa trẻ con lên mười, vào thời ấy mà dám đi một mình lên Sài Gòn trong khi chưa biết Sài Gòn ở chỗ nào thì kể ra cũng gan lỳ lắm. Trong túi tôi có sẵn một mảnh giấy nhỏ, ghi chép những điều cần thiết để tìm tới căn nhà của Ba tôi ở bên kia cầu Ông Lãnh. « Tất cả mọi thứ đều ở trong miệng mình », mẹ tôi nói đúng. Tôi đã tìm ra căn nhà của bà tôi trong một con hẻm chằng chịt giữa một thành phố xa lạ trong ngày đầu tiên đặt chân tới. Đứa trẻ lên 10 của ngày đầu tiên đã ở lại Sài Gòn với chiếc rương học trò nhỏ, đựng đầy những mơ ước lớn. Nhà của ba tôi nằm sâu trong con hẻm đình Lý Nhơn, có rạp hát Nam Tiến. Những ngày đầu qua đi thật mau. Tôi làm quen với Sài Gòn bằng một cửa tim trống rỗng, nên đón lấy hết. Tôi với bắt Sài Gòn bằng vòng tay lớn, nên ôm tràn trề. Sài Gòn trong một tuần đó hấp dẫn lộng lẫy như những món đồ chơi lạ mắt tối tân bày trong tủ kính của những cửa hàng trên đường phố tôi đi qua. Nhưng đứa trẻ làm quen mau lắm. Những thứ ấy và cả Sài Gòn sau một tuần không còn lạ lẫm nữa, cái cảm giác nôn nao lúc đầu đã tan mất lúc nào không thấy xôn xao trở lại. Sài Gòn bây giờ không khác chi một thành phố tâm thường, dễ dàng, và bất cứ trẻ con nào nếu có chút can đảm và may mắn đều có thể đặt chân tới. Thế mà trên chuyến xe lửa tôi cứ ngỡ Sài Gòn là một nơi bí hiểm khó tìm, và ít nhất nó không phải là một thành phố dễ chán nản. Nỗi chán nản của tôi đối với Sài Gòn bây giờ là những rạp chiếu bóng hát toàn phim câm, những con đường ngày nào tôi cũng phải đi qua để tới trường. Sở thú thì chỉ khác hơn trong sách tập đọc ở những con thú nhảy nhót leo trèo thật sự chứ không phải bằng hình vẽ. Bạn bè học lớp tôi là những đứa trẻ con lạ hoặc có những trò chơi mới nhưng không thích thú bằng những trò chơi tôi bỏ lại trong mùa hè qua. Tôi đã bắt đầu có những buổi chiều buồn. Đứa trẻ con lên 10 có hôm đã khóc khi đứng nhìn dòng sông loang loáng nắng chiều chạy cặp theo con đường phía trước nhà. Những ô cửa của dãy phố bên kia sông làm tôi nhớ tới những khung cửa sổ của lớp học. Tiếng mõng ngựa gỗ trên đường nghe thê lương như tiếng gõ của thời gian

vào cánh cửa của kỷ niệm. Sài Gòn đối với đứa trẻ lên mười chỉ vui trong một tuần. Rồi hết. Sau một tuần tôi lại mơ ước có được một chỗ ngồi trên chuyến xe lửa cũ để quay về trên lộ trình ấy với một thư hành lý nặng đầy, những điều chưa biết lúc ra đi. Sài Gòn từ đó đối với tôi như một nơi đất tích không hồn mà tuổi nhỏ huyền thoại hóa ở bìa một cánh rừng thẳm. Và trong căn nhà xa lạ của ba tôi, tôi đã sống một đời sống của đứa trẻ lên mười. Nhưng tâm phóng lớn thành một cái cây cao. Cái cây hôm nào cũng bắt tôi phải ngó thấy vài lần bên ngoài cửa sổ lớp học. Những buổi chiều con sông trước cửa nhà dâng nước, con đường tự nhiên rộn ràng tiếng chân ngựa chạy. Tôi yêu làm sao tiếng móng ngựa gõ cồm cộp trên đường vào lúc đó. Sài Gòn ở cả hai bên bờ sông. Nhưng bên kia là một khu phố lớn. Những ô cửa sạm cao trên hàng cây xanh, thỉnh thoảng từ đó thoát bay những bóng chim sè. Không con chim nào bay được qua bên này sông, đôi cánh ấy chỉ chớp một vài đường, hay kéo thành một vòng, rồi trở lại. Mất tầm. Những ô cửa im ỉm ấy của dãy phố người Tàu. Họ chọn Sài Gòn làm quê hương. Trong khi tôi chọn Sài Gòn làm một nơi để đến và không bao giờ thấy lưu luyến nếu một ngày nào đó tôi quay về bằng chuyến xe lửa kia.

Những năm đầu Trung Học tôi làm quen với một số bạn mới. Những người này dẫn tôi dong chơi khắp thành phố Sài Gòn trong những giờ trốn học. Tôi lại biết thêm Sài Gòn không phải chỉ có hai khu phố bên này và bên kia sông. Ở những nơi đó, coi như là một khám phá mới của tuổi lên mười. Và những cái mới thấy đó làm nên một Sài Gòn rộng lớn, huyền hoặc và nhiều màu sắc. Những ngọn cây trên đường Nguyễn Du phía Sở Thú, che kín mặt đường nhựa đen bóng. Những buổi trưa năm ba đứa chõ nhau trên xe đạp, tôi đã không nhìn thấy mặt trời. Không thấy nắng xuống từng thẳm, từng vùng như con đường đất chạy dưới hai hàng soan Tây ở quê tôi. Sài Gòn dù sáng hay chiều ở phía Đông hay ở phía Tây mặt trời không có. Cả đến buổi trưa cái bóng của ta cũng không chạy đuổi dưới chân đi. Tất cả, đều biến mất trong tầm mắt. Và như vậy, vào thời đó tôi nghĩ tới một thành phố Sài Gòn ở trong chiếc hộp lớn có chạy điện. Buổi sáng là lúc đèn trong chiếc hộp bật sáng. Buổi tối là lúc chiếc hộp tắt hết đèn.

Sài Gòn là một thành phố được xử dụng dưới đôi tay của người và dưới những giờ khắc cố định của máy. Một Sài Gòn có động cơ nổ mà không xê dịch như thời gian thường bị lãng quên trong đời một người tuổi trẻ. Mười mấy năm tôi với một Sài Gòn như vậy phải chăng là một tờ hợp đồng được ký giữa hai ý tưởng trái ngược nhau?

Sáng hôm nay, chiều hôm nay. Sài Gòn đang đi đứng rất tàn tạ như một người đã biết trong đời sống mình đang có những ngày cuối năm. Nếu có thật sự một mùa Đông cho Sài Gòn thì mùa Đông đang quạt hơi lạnh về phía chúng ta. Những tấm chăn của đêm bắt đầu thấy mỏng nên khuya thức giấc rất tỉnh cờ. Tôi nằm lại trên chiếc giường cách đây mười mấy năm của một ấu thơ xưa, xa vút như đỉnh núi nào đang nở một bông tuyết trắng. Dưới gầm giường tôi, cũng đang để sẵn một chiếc rương đựng đầy những tang vật của ngày tháng. Đứa trẻ trong tôi đang dò hỏi lòng mình là có nên sửa soạn cho một chuyến đi, xa rồi thành phố trước mùa xuân này? Bây giờ là 5 giờ rưỡi, nửa tiếng nữa chiếc xe đồ màu vàng xanh sẽ hú còi qua ngang cửa chợ. Chiếc xe đồ sẽ tới trạm đợi ở ngã ba đường, đèn bật sáng để sương mù ngoài cánh đồng khô như một tấm voan màu đục trùm kín lấy mắt. Lên đường. Chỗ ngồi của một mơ ước đó và đứa trẻ mười mấy năm bây giờ nhớ hết. Không sai một ly nào, không sót một thứ nào. Chuyến xe lửa dập dình qua những trạm. Những cái tên mới nghe, mới biết lần đầu tiên với một chút bàng hoàng. Hai cây cầu đường trường đưa một đứa học trò quê lên tận thành phố. Tân An và Bến Lức đó. Thành tích của một chuyến đi khám phá Sài Gòn lầy lừng một thuở. Thuở đó ta lên mười. Không đứa trẻ nào có can đảm đó. Tôi nhớ những sợi dây cáp điện bên ngoài cửa sổ toa xe lửa, nó dài vô cùng vô tận, lại có lúc như chùn xuống, có lúc như bay cao lên. Chuyến xe và con đường ấy đã mất rồi, từ lúc tôi đặt chân xuống vỉa hè Sài Gòn. Từ lúc buổi chiều thành phố này không có mặt trời. Và phía Tây là phía nào tôi chưa hề biết.

Sài Gòn hôm nay có những hàng cây bị đốn. Lưỡi cưa máy bén của một người xa lạ đã cắt lia những thân cây mà cách đây mười mấy năm tôi đã làm quen, đã nhìn thấy. Con đường này đã

thay một lớp nhựa khác. Bóng xanh trên đầu không còn. Nhựa cũ dưới chân đã vỡ. Sài Gòn sau mười mấy năm đang ở chương đầu của một công tác tái thiết sách vở. Chúng ta đã không ngờ nếu chợt nghĩ tới Sài Gòn của ngày đặt bước chân đầu tiên tới và chợt nhìn lại một lần những biệt thự năm tầng bảy tầng mười tầng cao chót vót, xây theo một lối kiến trúc nào đã thiếu mất những ô cửa cũ. Những ô cửa ngó xuống Sài Gòn dịu dàng bằng đôi mắt thân yêu của một thứ tình nhân cổ tích.

từ kẻ tường

NGUY NGỮ

ngày về tìm nhau

Đôi botte de saut dính đầy bụi cát, lớp da đã mất hết màu đen ngả ra bạc thếp. Tôi từ nơi xa xôi trở về. Từ nơi mất tích, từ những xác chết, quờ quạng đứng dậy, thần thờ đầy máu me và còn tay chân đề mang giày, gõ cửa. Tôi gõ, tôi gọi thì thầm trong cổ họng: chị Khuê, chị Khuê. Vẫn im lặng. Tôi dấn mạnh hơn và tìm thuốc hút. Khói thuốc bốc lên làm đôi mắt tôi như đui hẳn. Tôi thúc mũi giày vào bức cửa. Có tiếng động thoáng xa phía sau. Điều thuốc vừa hút được một hơi bị thả xuống, nát bầy dưới gót giày chà mạnh. Tiếng móc sắt khua lách cách. Tôi thở dài, tôi ngáp, đưa tay che miệng, dụi ngang mắt. Cánh cửa hé ra, chậm chạp.

— Chị Khuê.

Chị Khuê. Đôi mắt đầy bóng tối, mở lớn, khuôn mặt xanh mét, mơ hồ. Chị Khuê. Tiếng kêu bật lên như tiếng hú hồn, tiếng kêu thoát ra không kèm hảm được, không vui, không buồn. Tiếng kêu thốc vào căn nhà, khua thức dậy những khối, những tảng mê mẩn trong cái vùng bóng tối đó. Chị Khuê. Hai năm. Cánh cửa sừng lại nửa chừng. Năm ngón tay chị vin trên màu gỗ trắng ửng. Bóng tối thẳm bên sau như một cái hang động, một miệng vực.

— Chú Hữu, chú về.

Chú về. Tôi đang trở về. Tôi là Hữu. Tôi đã chết, đã mất

tích và đang ngờ ngật mang thịt xương mình về. Tôi vừa bò lên từ một đồng xác không cổ không đầu máu me đất bùn ngập ngụa. Tôi hiện hồn về. Con chó đại, thằng khốn nạn của Tuy. Tôi. Cái kẹp nhỏ bằng nhôm của Lan chôn dấu nơi này, sợi dây chuyền, cái tượng nhỏ có hình mẹ Maria bằng con nhìn xa xăm, đầu nghiêng nghiêng giữa vùng xanh sáng, tấm ảnh của Lan cầm cái giỏ mây đã học nylon. Tôi bước vào, chị Khuê đứng nghiêng qua một bên tránh lối. Căn nhà mù mù nhòai sập về phía trước. Chân tôi bước quờ quạng. Một cái ghế bị chạm đổ lật xuống. Bóng tối loảng bực. Có ai trong căn nhà này nữa không?

— Chú mới về.

— Dạ mới về. Tôi cứ sợ...

— Sợ gì?

Tôi bỏ lửng câu nói. Tôi không trả lời. Tôi buông thõng hai tay đứng nhìn quanh quất. Bóng tối đã quen dần với đôi mắt. Những bày biện lờ mờ hiện ra: cái giường bố, tấm màn vải hoa, bàn thờ, ngọn đèn nhỏ, chiếc bóng thủy tinh xanh, cái bàn trống, mấy tập sách vở cũ. Chị làm gì để sống để bám lấy căn nhà này. Chị và căn nhà vẫn còn đây. Đó là điều tôi không tưởng tới được, mặc dầu tha thiết ước mong cũng như ước mong chị đã bỏ đi đâu đó mất tích mất tăm hoặc chết rồi. Chị chưa chết, căn nhà vẫn còn, chị đang đứng trước mặt tôi. Tường cái lương dài dằng dặc chưa hết. Đây chưa phải là hồi cuối. Tôi nhìn vào mặt chị, nhìn khoảng áo mỏng, đôi vú căng ra bên sau, khoảng cổ áo hở rộng, màu da trắng thắm. Chị làm cái gì để bám lấy căn nhà này. Rước khách, bán tròn, làm đi. Phải thế không? Nghề đàn bà. Đàn bà không chồng giữa cái xã hội khốn nạn này, giữa cái thành phố chen chút bụi khói, người ngợm, Mỹ, Đại Hàn, Chàm, Mọi này. Tường cái lương còn bao nhiêu hồi nữa. Bao giờ thì cái sân khấu vữa ra, nát lỵ xuống. Căn nhà như một ngôi mộ lớn, những xác chết hàng chục đời chồng chất lên nhau, bám chặt lấy nhau, xương trắng đất đen và bóng tối, ngọn đèn lu. Anh Trúc. Tôi trở về. Có phải chị Khuê làm nghề nằm giữa để bám giữ lại căn nhà này không? Sao hỏa tiễn, mortar không rơi ngay chóc vào đây thay cho những chỗ khác. Rớt vào đây, nổ

tung lên, xóa sạch hết. Tường cái lương không có hồi kết cuộc. Tôi trở về, không kiểm tìm gì cả, không có gì để kiểm tìm, một mình giữa phố đông, những quán café, quán rượu tổ nhều nhện. Rồi sao? Rồi sao nữa sau đó? Chợt chị Khuê ho nhỏ. Những ý tưởng, những câu hỏi dồn nén luẩn quẩn trong đầu óc tôi, theo tiếng ho dội ủa lên. Tôi ngửa bàn tay, như thói quen, đánh tạt ngang một cái trước mặt. Đ...mẹ. Tôi thấy đôi mắt chị Khuê mở ra im lìm. Tôi cởi hàng nút áo. Mồ hôi vừa ra trên da, ngón tay xoa nhẹ vào vết thịt may thành sẹo lồi lên bầm tím chạy dài như con rít vạt ngang qua một phần ngực. Những cho ông anh Trúc đã ở nơi này, chậm chạp tới lui và u ám nằm xuống trời trắng, khốc lóc. Và chị Khuê đôi vú lụng thụng, da nhão nhọt, những con vật hai chân đen đúa bò nằm úp lên, hồn hèn thở, ngả xuống, bỏ đi. Và thằng khác. Và tôi ngang ngược, phá phách, bỏ đi, mang vết sẹo, trở về. Cây kẹp bằng nhôm của Lan còn không. Tôi đứng lặng lẽ nhìn. Dáng chị Khuê bất động, cánh tay phải vẫn vịn lên thành cửa, cổ áo xệch ra. Cái bàn, mấy tập sách vở cũ, cái giường bố, cái giường lớn trải ra trắng, cái ghế nhỏ.... Thằng Tuy nằm chỗ nào. Thằng Tuy ở đâu giữa những bày biện cũ kỹ mỗi mẹ này. Cái giường bố, cái bàn cái giường lớn, chiếc ghế, tấm màn vải hoa, khung ảnh cũ trùm, khăn đỏ, bàn thờ chân cao, ngọn đèn bóng thủy tinh xanh. Những sắp xếp của 3 năm trước, của 6 năm, 8 năm trước, của hàng trăm năm trước. Thằng Tuy nằm ngời chỗ nào nơi này. Thằng Tuy có cái miệng, bộ râu mép như con sâu róm, ngậm đầy một đồng răng gãy lủng úng voi máu, nằm úp xuống, gối lên bực cửa, dưới bàn chân tôi. Thằng Tuy có cái cravate vàng, áo blouson xanh lá cây, đôi giày cao cổ, giày bít ton mà, giày bít ton đột sóng mới mà, thằng Tuy có hai hàm răng xương trắng bóng, chiếc honda xanh. Thằng Tuy còn đây không hay đã đi chỗ khác, lấy vợ sinh con, lên cấp tăng lương đi giúp đỡ dân nghèo rồi. Hai năm, thời gian dài quá để có thể xảy ra tất cả mọi việc. Hai năm tôi lông lá vẩn vẩn giữa Mỹ, Chàm, Hời, Mọi kèm gai khói đá và thằng Tuy làm gì nơi này. Thằng Tuy có bao giờ ngửa ngáy úp lên thân thể chị Khuê. Có hạt máu nào của hắn đang động đập trong da thịt chị. Đôi vú căng chặt sau vải áo mỏng, hơi thở

pháp phòng. Chị Khuê, 30 tuổi, thằng Tuy. Thằng Tuy đâu? Tôi về đây không phải để tìm kiếm hán. Không tìm, không muốn gặp, không muốn gì cả. Tôi chẳng còn một thù hằn nào hết. Tôi không thù giận một ai cả. Đầu óc tôi đây khỏi ngạt. Lan chết, 3 năm rồi. Tôi nhìn quanh quất. Tôi nghe những giọt mồ hôi đang chảy thành dòng dọc da lưng da bụng.

— Thằng Tuy đâu rồi, chị?

Tiếng hỏi thì thầm, ngân, thoát ra, Khuôn mặt chị Khuê trắng xa như một miếng vải cũ rồi ngã đục. Tôi lại ngửa tay tát ngang trước mặt, bật cười. Hình như chị Khuê bước thụt lùi lại một chút. Ngọn đèn cháy lù mù giữa chiếc bóng xanh sau tấm màn hoa cũ bạc buồng trề nửa chừng. Thằng Tuy. Tôi không cười nữa. Tôi nhìn chị Khuê, muốn nhắc hỏi lần nữa, muốn nói thật tôi không đủ sức để thù hận gì cả, tôi mệt quá rồi, tôi không đánh đập gì hán nữa đâu, tôi tìm hán để đi thăm mộ Lan, mời thuốc, nhưng lại thôi. Lan đã chết, nắm đất nhỏ tấp vào chân đồi, cỏ xanh úa và ba năm mịt mù. Anh Trúc chết, 2 năm rồi. Sau Lan 5 tháng. Thằng Cận gần 4 năm, trước Lan. Còn gì đây không. Cây kẹp bằng nhôm dẫu trong đất, sợi dây chuyền, cái tượng nhỏ, ngọn đèn cháy sau chiếc bóng xanh cầu khời, đôi vú căng ứa lưng thụng. Tôi từ căn cứ biệt kích Smith trở về. Cây kẹp nhôm mang lên từ Mỹ Khê, khu phố trên cát ngó ra biển khơi, nơi chúng ta không ai trở về. Chúng ta; tôi, chị Khuê, Lan, Không ai về lại đó. Ba cái nhau và hai mươi mấy năm gió lửa bay lộng, dương liễu leo xanh. Cát phủ khuất hết những dấu vết. Gió nam thổi, cát bay từng đợt lớn như mưa sương, xóa đồi cũ, mả mồ, tạo đồi mới, mả mới, lấp những ao hồ, vườn tược. Cát ngợp lên hết những đồi thay. Những đồi chuông sáng chuông chiều, những lễ lược, ngôi giáo đường hư cũ, những bóng áo dài lưng thụng, những chị nhà phúc, những vị cha, những câu hò vụn rời, những giấc ngủ, những tháng ngày, những mặt người tiếng hát, lời kinh. Về. Rồi có bao giờ tôi trở về đó không. Mang vào cổ sợi dây chuyền có bức tượng đức mẹ bằng con, bỏ cái kẹp vào túi áo trên, chạm rãi tim về, ngồi xuống giữa những bãi biền, giữa nơi mình sinh ra, giữa tích cũ. Về, không còn Lan. Vì Mỹ Khê. Tôi nhìn chăm chăm vào mặt chị Khuê, chị chớp mắt

môi mấp máy như muốn nói một cái gì đó. Chị và tôi, dắt nhau trở về quê hương mình, khăn gói và nụ cười. Mà chị về có khách đâu để rước. Chị về ngủ qua đêm với đám dân chài chết vợ để mỗi sáng lấy tiền công bằng một rô cá à. Đ. mẹ.

— Chú cởi áo ra, Chú Hữu.

— À, dạ.

— Nóng quá, tắm một miếng đã.

Tôi cười, ngồi xuống cái ghế nhỏ. Cởi áo tắm một miếng. Ừ nhỉ. Rồi sau nữa. Tôi kéo mạnh áo ra khỏi quần, nói giằng giọng:

— Mở cửa ra, chị,

Cánh cửa mở toang ra. Một đường nham nhở phơi sáng phía trước. Ánh nắng chói chang bôi mù lên rác rưởi, hắt vào nhà, soi rõ vết thối lồi bầm tím chạy ngang ngực. Cởi áo, cởi quần bỏ chồng vào đôi botte de saut, cái mũ rừng đội chụp lên. Con chó khốn nạn của thằng Tuy đã chết rũ ra đó, như lời rửa nguyên. Hai năm tôi đó. Khối vải vẫn vận bất động giữa nắng soi. Chị Khuê đi vào trong. Tiếng đế dép nhật kéo lê lê trên nền ciment không nghe rõ. Lúc sau chị mang ra một ly nước trong, đục tôi tắm đi. Tôi uống ngụm nước, lắc đầu chán nản cười, đem thuốc hút.

— Tắm đi, nóng quá mà.

— Không.

— Chú lạ.

Tôi chúm môi thở khói về phía trước, tan bạc vào nắng, theo gió cuốn hút ra ngoài. Chú lạ. Thù lạ. Tôi trở về đây từ một cõi không người. Lại, quen, thân thuộc, cần lao, vô sản, tư bản, khói đá, trực thăng, Mỹ, mọi, Đại Hàn, vàng, đỏ, trắng, đen. Căn nhà trống tênh loảng nhật với hàng triệu tiếng động quay mùa bên ngoài. Khung ảnh đóng sát trên thềm cửa im cứng. Ánh nắng hắt rõ khuôn mặt móp méo của ông cha anh Trúc, anh Trúc đứng bên cạnh, chủ tiệm may Hồng Hoàng. Hồng, tên của ông cha, anh Trúc cứ đọc trại ra là Hường. Vải màu hường, cái bóng hường, em ơi tội tình chi mà mang kiếp hường nhan phải chịu ư ư dọa đây... Hoàng Hồng rồi Hoàng Trúc, Hoàng Khai, rồi mấy chục mấy trăm cái Hoàng nữa. Bốn đời thợ may. Ba đời tailleur và một đời

tailleur. Hoàng Trúc Tailleur's. Hoàng Trúc qua, Hoàng Khai eo óc mở mắt ngồi dậy. Hoàng Khai sẽ làm cái nghề gì? Làm thợ may, cưới vợ, sinh con, đi lính, chết trận. Sinh con đặt tên Hoàng gì? Hoàng Khố chẳng hạn. Hoàng Khố, thợ may, đi lính, lấy vợ, có con, chết trận. Cứ thế, phải không. Những con vật da thịt đen bầm lông ông hát tân nhạc, cổ nhạc, đầu sát, chân đen, mù mù nổi theo nhau. Có đời nào nghiện thuốc phiện nằm rên, hai tay buoi cào trên mặt chiếu không? Tại sao lại thế? Nếu chị Khuê không đến đây. Em gái ông Hoàng Hồng không bà con với mẹ chị Khuê bên nội bên ngoại gì đó. Sao ông nội ông ngoại gì đó của chị Khuê lại bà con được với em gái ông Hoàng Hồng. Sao kỳ cục thế. Nếu không có như thế, con mẹ em gái ông Hoàng Hồng chết non đi từ thời mới đẻ chẳng hạn, bây giờ tôi đang ở đâu. Tất cả bây giờ sẽ ra sao? Hoàng Khai, Tuy, Cận, Lan, tôi? Vùng phố quận ngó ra biển xưa, những tảng đá lưng vàng trên đảo Ên, chị Khuê lấy anh Sâm sinh con bằng ngồi bên cửa, ngó ra biển đợi thuyền về, hát ới hời, Lan chưa hết thời con gái, tôi chống ghe chèo thuyền, nắng đốt da sạm đen, ca hát vô tư. Có được như thế không? Tại sao tôi cần cứ biệt kích Smith, tôi mặt trận Đa Rệp, tôi thông dịch viên, tôi chiến khu, đường mòn, Richard, Phú gia, Jim, Lăn, K'cho, Mỹ, mọi, chửi thề. Sao thế này? Sao em gái ông Hoàng Hồng lại bà con làm mẹ gì với gia đình chị Khuê để đến dặt chị đi, bỏ nghề chằm nón. Mấy năm rồi? Chị Khuê ngồi đó, ngó ra cửa, không có vùng biển khơi bát ngát đằng trước, chỉ con đường nhỏ quanh, bức tường chằng chịt khâu hiệu, bích chương. Chị ngó ra cửa, đợi khách, tôi về. Không buồn, không vui. Tôi co ngón tay cái búng tung điếu thuốc vừa đốt hút mấy hơi ra ngoài cửa, xòe tay tát qua tát lại trước mặt xóa lớp khói vừa thở ra chưa chịu tan bay đi, quanh đặc trong răng và uống ngụm nước. Chị Khuê vẫn lặng im ngồi vào thành giường, nhìn ra cửa, nhìn tôi. Con mẹ em gái ông Hoàng Hồng chết chưa? Tôi vừa chun lên khỏi mấy chục cái xác trên Đa Rệp, bám vào trục thẳng về đây. Thú lạ. Con thú lạ. Chú lạ.

— Tôi có gì lạ không?

Tôi hỏi, nhíu mày lại như đang xua đuổi một đứa bé tò mò, giọng nói gọn cứng. Chị Khuê cười.

— Lạ chứ. Lâu quá mà...

— Hai năm.

— E hơn rồi chứ. Từ lúc anh ấy mới qua đời.

—Ừ.

— Ngó chú vô mà như ngó ai.

Ai. Tôi hay ai đang ngồi đây chuyện trò với chị. Cái nhau chôn và bao nhiêu đợt cát, bao nhiêu lớp sóng vỗ, bao nhiêu mùa dương liễu reo xanh với những hồi chuông, những tảng đá lưng vàng. Tôi đứng dậy. Một đứa bé mặc áo trắng, ôm cái cặp da lớn đi ngang qua bên ngoài, ngó vào, đi thẳng. Tôi không có gì đặc biệt hết. Khu phố lớn đằng trước lúc nhúc như rung động. Khu nhà cửa của bọn chệt bán buôn, hàng trăm cửa sổ cửa lớn như miệng mắt thui chột ngó lui, đăm đăm, bất động, những mái tole mới dính vào tường cao sáng lóa, giấy điện giăng chùng, chấp nối lan man.

— Chú coi, tắm rồi đi nghỉ một chút đã.

Tôi quay lại, uống ly nước.

— Có đá không?

— Chú đợi chị.

Chị nói khẽ, mỉm cười đứng lên, lấy cái nón lá đi ra, khuất vào bờ tường bên cạnh. Câu nói ngắn gọn rơi lại vắng vắng với cái giọng yếu ớt không dừng tôi thấy cảm động, bùi ngùi. Một thứ tình cảm quá nhẹ vang lên trong tôi, như đợt sương loãng trên những cửa nhà bị bom lửa cháy nát sau đợt oanh kích mùa hè. Tiếng nói của ngày nào, vui giữa những bày biện này: Lan ơi, ra chị bảo này, ơi chú Tuy, chú Cận, ăn cơm, a chú Hữu về, sao thế, anh Trúc, em đã nói rồi mà, thấy không... Tất cả bỏ đi. Lan, Trúc, Cận, Hữu, Tuy. Chị Khuê. Còn lại đó Chú chờ chị. Vâng, có lẽ tôi là kẻ độc nhất, còn lại với chị, chờ chị. Chờ và dặt nhau đi đâu, về đâu. Một người đi công dặt một người què đi hát rong xin tiền qua những phố đông, gom góp đủ tiền xe, về quê hương. Quê hương xưa, vùng biển khơi phố cát gió nắng ngày trước, chị 16 tuổi, tôi 12. Bao giờ cho chị què và tôi mù. Chúng ta dặt nhau về kiểm Lan, kể chuyện. Lan đã chết. Tôi chợt thấy như cũ, đứng dậy khép bớt cánh cửa lại và đi rửa mặt, dội nước lên hai ống chân trần,

ướt nửa cái quần lót. Chắc thằng Tuy không còn trong căn nhà này nữa. Không thấy một dấu vết nào của hán cả, giày dép, áo quần, mũ nón. Cravate, dầu chải đầu. Biết đâu hán không chết rồi. Chết, chết. Làm sao mà chết. Con nhúc đầu như vỡ ra, phủ tới cả mặt mày tôi. Chị Khuê về, tiếng dép và tiếng hỏi bên sau tấm màn căng che.

— Chú tắm à, chú Hữu ?

— Không, chị.

Tôi đi lên. Chai bia lớn, chai cam vàng, ca nước đá. Chị Khuê cười múc nước rửa ly tách, soạn ra, đập nhỏ khối nước đá. Tôi cắn mở nắp chai bia, rót vào ly.

— Chú uống rồi nằm nghỉ một chút, đợi chị ra chợ và kể chuyện cho nghe.

— Chuyện gì ?

— Ôi, chán gì chuyện.

Hình như chị Khuê đã lấy lại được chút thân mật ngày cũ. Tôi cũng thế. Tôi rót nước cam cho chị, xòe tay ôm quanh ly bia, nâng lên uống từng ngụm nhỏ. Chị Khuê nói mấy bữa này bị bệnh không đi đâu được cả, mới bớt được 2 ngày và uống nhanh ly nước, uống mấy viên thuốc màu trắng, đứng dậy vào trong thay áo.

— Chú về còn nghỉ được lâu chứ ?

— Dạ, khá lâu. Dưỡng bệnh.

Tôi chăm chăm nhìn chị đang vuốt vuốt trên tấm áo mới thay. Cái áo dài màu xanh sậm có đường may dọc chạy dài từ trên cổ xuống tận lai. Một cách dễ tang. Câu hỏi chợt như không thể kìm hãm lại được, thoát ra.

— Đạo này chị làm nghề gì nhỉ ?

— Thì vẫn đi may. Hai mẹ con làm chừng nào ăn chừng đó, vật giá đắt mớ, bệnh hoạn hoài không ra gì cả.

Chị Khuê tâm sự dễ dàng. Đôi mắt nhấp nháy theo lời nói, giọng nói đều đều vô tội. Tôi chợt thoáng thấy ân hận về những ý nghĩ của mình. Đi may ? Rước khách ? Ngủ với Mỹ, Đại Hàn ? Không, chắc không đâu. Tôi muốn đi tắm một cái như lời chị khuyên. Chị Khuê đến uống hết miếng nước, cười bảo tôi coi nhà chị đi một chút thôi và quay vào ôm gói vải, áo quần đã may,

đơm nút xong, đi giao cho chủ tiệm. Tiếng chuông gì đó lạnh canh từ xa đi gần lại. Một người đàn ông đẩy cái xe nhỏ đi ngang qua, giọng rao khàn khàn u ám : kem nè... Ông Tư chết. Tiếng chuông lạnh canh và tiếng hi hục của bánh xe lăn trên đá sỏi xa dần. Ba năm, ông vẫn chừng đó. Vẫn chừng đó, cái xe kem, tuổi già, giọng rao, sáu năm rồi. Hai năm, Lan bây giờ đâu đó, nắm mộ, cổ tàn úa vàng, xanh và những đốt xương tan mòn vợi thịt, với những dấu tích trên mặt đất và trí nhớ người sống. Ý nghĩ cru mang hàng trăm ngày trên căn cứ Smith lại thức dậy thúc hối : phải đến thấp cho Lan nắm hương như mẹ thấp cho cha, thấp cháy, cắm vào và quỳ xuống. Cho anh thấp vài que nhang và khóc. Khóc cho em, cho anh, cho tuổi thơ, lần bỏ đi, cho tất cả. Bởi còn gì nữa đâu. Em là nơi đến xa mù, thánh thiện, là vùng phố biển, là kỷ niệm, tuổi thơ, là nơi đợi chờ im lặng, đôi mắt lớn dõi theo anh. Phải không ? Và bây giờ. Tôi uống ngụm bia đốt điều thuốc. Có tiếng ai đó kêu lớn ở một căn nhà gần bên ngoài ? Kem kem. Tôi ngồi im một lúc, không nghe tiếng chuông đồng, tiếng bánh xe lăn và tiếng hỏi ngong ngóng của ông Tư chết. Khoảng vắng không giữa nghìn triệu âm thanh quay lộn đó, thức dậy chơi vui trong tôi hình ảnh của Lan. Lan mặc cái áo dài vải phin trắng nuốt, bàn tay vẫy theo xe kem quay lại hỏi, anh ăn chứ, ăn với Lan. Tiếng nói trong, nụ cười vui, mái tóc thả dài bay qua lay lắt trên khuôn mặt. Lan đã không còn. Ông Tư chết, khu hẻm, 2 năm tôi xa và chị Khuê đó, gói vải trên tay, lặng lẽ nhìn tôi.

— Ông Tư Tàu đó hả ?

— Ai, chú hỏi ai ?

— Ông bán kem, Tư chết ?

— Chớ ai nữa. Chú còn nhớ ?

Chị Khuê cười, tay vẫn mân mê vuốt xuôi trên lai áo. Tôi nhớ tới những ly kem nhỏ, trắng lỏng, mát rượi trong cổ họng. Chúng ta đã mua mời nhau ăn. Những ly kem, những người đã chết, những mùa nắng bức đã qua. Tôi uống một ngụm lớn hết phần bia còn lại trong ly, nhai miếng nước đá vừa trôi theo vào miệng.

— Chị đi bao giờ về.

— Cỡ 5 giờ.

Tôi nhường mắt ngó cái đồng hồ trên bàn, cạnh ngọn đèn thấp, mặt kính ngã đục ngầu chìm với bóng tối, không thấy rõ được vị trí của 2 chiếc kim. Chị Khuê dặn tôi đợi đứng đi đâu cả thêm lần nữa rồi ôm gối vải đi ra, kéo cánh cửa khép bót lại. Căn nhà chợt như rơi vào một vùng chân không lạnh lẽo mê mẩn. Tôi ngồi duỗi hai chân dựa lưng vào thành bàn uống hết ly bia, hút nhiều điếu thuốc nối nhau và bỏ qua giường nằm úp xuống áp mặt vào chiếc gối lớn. Mùi mồ hôi ứ đọng lâu ngày trong lớp bông xông lên ngai ngái. Có vết mồ hôi nào của Lan còn lại không? Có dấu chân nào của Lan còn vương vất trong căn nhà này không? Lan. Cái chết và một chấm trắng im lìm, xa dần, gần lại, lớn càng lên, một vùng trắng bất ngạt lặng thinh. Tại sao tôi không nói yêu Lan. Anh yêu em. Nếu tôi nói thế, Lan sẽ phản ứng thế nào. Hẳn Lan không ngạc nhiên gì cả, bởi nàng đã biết, biết rõ ràng. Tôi, tôi cũng biết thế, nhưng tôi đã không nói, chưa nói. Anh yêu em. Thằng Tuy nói, Lan nghe, thằng Tuy ngậm đầy một miệng răng gãy trộn với máu, Lan chết, tôi đi. Thằng Tuy còn trở về lại đây không. Chị Khuê đã nhắc nhở gì về Lan, về tôi với hấn? Có phải đây là chỗ nằm của hấn không. Tôi không muốn nhắc hỏi, gọi nhớ tới hấn nữa. Khuôn mặt móp méo cười nói, những màu áo màu quần, những lối khoe trương đua đòi của hấn, tiếp theo cái tên, lơ dờ hiện lên ám trên cơn nhức đầu, ngạt thở. Tôi muốn ngồi dậy, chửi thề, đánh tạt về phía trước để xóa đi, nhưng vẫn nằm yên. Những hình ảnh lan man nổi chìm chấp nối. Chắc hẳn bây giờ vẫn còn làm cán bộ đề trốn lính, thất caravate, áo đỏ áo vàng, nói chuyện pha trò cười cợt với chung quanh. Hấn có tưởng tượng được tôi đang trở về nằm một mình ở đây không. Tôi trở về, không còn thù hận ai cả, tôi đang muốn gặp hấn, mở điếu thuốc và dặt nhau đi thăm mộ Lan. Thật đó Tuy. Không ngờ chúng ta lại buồn rầu đến thế.

Cơn mồi mết không biết từ đời kiếp nào, căng ra đợi sẵn. Úp xuống trên tôi, thì thầm, nặng trĩu. Tôi bải hoải thiếp đi. Những tiếng động xôn xao ngoài kia. Tôi chấp chờn tỉnh, muốn ngồi dậy lại mê đi, tay chân cơ hồ không còn động đậy nổi. Tiếng nói cười của anh Trúc, chị Khuê, của Lan, của Cấn, Tuy trôi nổi với m

tường dựng cao giữa vùng bóng tối xám ngoét phía trước. Cánh cửa khép hờ, nắng bên ngoài kẻ thành một vết dài rõ nét trên nền ciment. Mùi mồ hôi trong lớp bông gối dày ẩm càng lúc càng bốc đậm hơn, đặc quánh lại trên mặt tôi. Tôi úp mặt sâu xuống, vòng tay ôm chặt lấy gối như ôm một người bạn bên đường. Lan. Lan ơi, quê hương mình là một vùng biển khơi. Một vùng biển, những tảng đá phôi lung trong nắng vàng trên đảo En xa ngoài kia, nơi chúng ta muốn đến coi thử chân trời có gì, những tiếng dương liễu reo xanh, khu phố ngoằn ngoèo tôi tàn lăm cát, những hồi chuông vang vọng âm u trên rừng cây và Lan bé dại, Lan lớn khôn, mái tóc hoe vàng đôi mắt sáng vui, Lan cúi đầu nghe tôi nói đứng đi nữa, ở lại đây, Lan khóc, Lan trên đồng ruộng cỏ hoang cao ngút quay lại ngó tôi bên bia rừng dương trông theo cho đến khi xe hàng tới. Lan. Tôi gọi thì thầm, tôi gọi bật lên và hốt hoảng ngồi dậy. Bóng tối lơ lửng chung quanh. Tôi mơ hồ thấy cánh tay mình đưa ra tìm kiếm và trở lại, nằm xuống. Ba năm, tám năm, mười năm đã qua. Còn gì nữa đâu. Đây là chỗ nằm của thằng Tuy bỏ trống, và tôi, con thú mê mẩn rồi.

nguy ngữ

PHẠM CÔNG THIÊN

biển xanh trộn lẫn với mặt trời

*Đà Lạt có phải là một thực tại ? —
Không, Đà Lạt là một giấc mộng.*

1.

Cái gì rồi cũng trở thành thói quen. Ngay đến mộng ảo cũng trở thành thói quen. Tôi không ngờ Đà Lạt trở thành thói quen. Có một đêm, tôi nằm chiêm bao thấy mình nghe chim kêu, không phải một con, hai ba con, hình như một bầy, hai ba bầy chim kêu. khi thức giấc thì chẳng nghe con nào kêu cả, tôi liền dự dồ tôi ngủ lại để được nghe chim kêu lại, nhưng thức tỉnh lại là một thói quen khác nữa.

2.

Hoàng Đại Dương, tại sao ông lại mang một cái tên lãng mạn kỳ khôi như vậy ? Nhân loại thích lãng mạn, cho nên đại dương không phải là một thực tại. Không, đại dương là một giấc mộng, dường như một thi sĩ nào đó nói như vậy. Xin đạo văn mà gọi to lên cho tứ phương thiên hạ biết rằng Đà Lạt không phải là một thực tại : Không, Đà Lạt là một giấc mộng.

3.

Buổi chiều cuối năm, một bầy con nít hàng xóm chạy lung tung báo động lẫn nhau : có một tên cướp giết người vừa mới mần hạn tù đang dọn đồ đạc lại thuê phòng ở nhà bà giáo. Có một thằng khai rằng chính nó thấy tên cướp ấy bị bắt trời tay cách đây năm năm lúc nó còn học tiểu học, một thằng bé con khác cãi lại và bảo rằng chính ba nó ngày trước thường đánh phé với tên cướp ấy. Thằng Tư lùn thì ít nói hơn, nó chỉ đưa ra một ý kiến : tất cả mười thằng con nít ở xóm này phải làm thành một đạo binh bí mật để dò xét hành vi của tên cướp để chuẩn bị « thanh toán » tên cướp ấy, vì sớm hay muộn gì tên cướp ấy cũng trở mặt giết bà giáo để cướp gia tài của bà.

4.

Thằng Tư lùn ra lệnh cho anh em gặp nhau đằng sau vườn nhà thờ cha xanh (chúng gọi là « cha xanh » vì ông cha ấy mới dời lại và bắt ông cai Bé sơn xanh hết ngôi nhà dài làm trường tiểu học trong xóm, rồi lại bắt chúng đi học phải mặc đồng phục màu xanh). Thằng Hưng, con ông cai Bé, cũng có mặt trong buổi họp cha xanh.

— Tại sao nó không thuê phòng ở nơi mục Tia, vì chỉ có mục Tia mới cần tiền và chịu ngăn phòng cho thuê ?

— Mày ngu quá, nó ăn cướp thì phải tìm cách ở chung với bà giáo để dò xét bà giáo cất tiền nơi nào mà đánh cướp chứ, còn mục Tia nghèo chết, nó lại ở đó làm chi...

— Không phải, Ba tao có nói với ngoại tao rằng chính đứa cháu của bà giáo làm cảnh sát trưởng ở Sài Gòn gửi nó về bà giáo để bà mướn nó làm gát đàn.

— Ai lại đi mướn thằng ăn cướp làm nghề gát đàn ?

— Nó đã « cải tà qui chánh »...

— Không, cậu Cung tao thì lại cho rằng bà giáo muốn mướn thằng ăn cướp ấy, vì nó võ nghệ cao cường. Có nó ở trong nhà bà thì không có trộm cướp nào dám lỏn vào nhà bà hết, vì nó biết hết mọi đường đi nước bước của bọn đồng nghề.

Thằng Tư lùn dùng chữ « đồng nghề », ngoại trừ thằng Hưng còn mấy đứa khác thì ngờ ngác không biết « đồng nghề » có nghĩa là gì. Thằng Tư lùn sờ dĩ lên chân đầu đảng được là nhờ nó ăn nó cao xa, chữ nghĩa nhiều. Có một lần nó dùng chữ « phức tạp » không ai hiểu « phức tạp » là cái gì, nhưng từ ngày đó, trẻ con hàng xóm bắt đầu bắt chước cách nói của thằng Tư lùn. Có một lần chúng nghe lóm được chữ « phức tạp » trong buổi giảng chú nhật của cha xanh ở nhà thờ và từ đó chúng bắt đầu gọi « cha xanh » là « cha xanh phức tạp ». Thằng Tư lùn có một chiếc xe đạp sơn xanh, chúng gọi xe đạp của Tư lùn là « xe đạp phức tạp ».

5.

Một ngôi nhà trên một ngọn đồi cao, bông hồng to bằng cả tay chum lại. Con ngựa cột ở giữa sân, hàng rào đâm bứt cao. Cái gì cũng cao trên đó. Một cái chuồng sắt ở đằng sau, tận cuối khu vườn, một người đàn ông trạc bốn mươi tuổi bị nhốt trong chuồng, ông đâm đâm nhìn qua song sắt, hịt hịt lỗ mũi, rồi ngồi xếp chân lại như ông Phật, ngồi lặng im. Trời tối sầm lại, mưa hột. Tiếng bàn ghế bên hông vườn kéo nghe động một phía, rồi im lặng như cũ. Người làm vườn già nua vừa ôm con ngựa con mới đẻ vào trong bếp rơm trong ngôi nhà cây. Con ngựa cha cột giữa sân, con ngựa mẹ nằm bên kia nhà bỏ hoang ở bên mặt khu vườn. Mưa càng lúc càng đập mạnh vào đất, cỏ, cây, hoa cũi, hàng rào đâm bứt.

6.

Buổi trưa ngày 31 tháng chạp dương lịch, một người đàn ông trạc chừng ba mươi tuổi đi lủi vào sân vườn, rồi lấy chìa khóa mở cửa lớn vào phòng khách, ông đi thẳng lại chiếc ghế cây để ngay cửa lớn sau nhà. Ông ngồi ở đó, lưng thẳng, ông ngồi bất động, ông ngồi từ trưa cho đến chiều, không động vai cũng không động thân, hai tay để dài xuống vế, hai chân đặt thẳng xuống sàn. Ông ngồi bất động từ trưa cho đến chiều, hai mắt vẫn mở và hai tay bất động vào đám cây tùng cao sau vườn. Ông già là

vườn, lúc dắt ngựa đực ra cột giữa sân, có gặp người đàn ông ấy đang mở cửa vào nhà. Hai người nhìn nhau, không nói năng, không chào hỏi gì cả. Như không có ai đi vào nhà, như không có ai cột ngựa. Cái chuồng sắt đằng sau vườn, ở đằng sau đám cây tùng, khuất hẳn sau những cành lá đen, người đàn ông trạc bốn mươi đang đứng im lặng trong song sắt, ông đứng im lặng bất động. Như không có ai đứng trong chuồng, như không có cái chuồng. Mưa bắt đầu thổi nhẹ lên đỉnh đồi. Khu vườn bà giáo bất động, cái cổng vẫn đóng chặt. Mỗi năm chỉ mở một lần vào ngày cuối năm dương lịch.

7.

Trên tầng lầu thứ ba của ngôi nhà, phía bên trái là phòng bà giáo, trong phòng là một cái bàn đầy bụi, trên bàn chỉ có một quyển sách được lật dở phân nửa, một cây đàn nhỏ bằng gỗ, nhỏ bằng cây thước học trò, chắn ngang trang sách. Bụi đóng trên trang giấy, người ta có thể tò mò đọc được một câu được gạch đỏ, màu đỏ đã phai :

« Đại dương có phải là một thực tại ? Không, đại dương chỉ là một giấc mộng » (Gottfried Benn).

8.

Đúng mười hai giờ khuya, người đàn ông ngồi ghế cây, đứng dậy, bước từng bước chân chắc chắn, đập mạnh trên thang lầu bằng gỗ, leo lên phòng khách trên tầng lầu thứ ba, rồi lại ngồi ngay ghế bành, ngồi thẳng lưng, thẳng tay và thẳng chân, bất động, im lặng. Tiếng chuông đồng hồ treo giữa phòng vừa gõ đến tiếng thứ mười hai thì bà giáo mở cửa phòng riêng bước ra. Rồi bà lại bước đến ngồi ở ghế bành đối mặt người đàn ông, bà cũng ngồi thẳng lưng, thẳng tay và thẳng chân. Hai đôi mắt nhìn nhau như hai thói quen, như hai Đà Lạt, như hai giấc mộng.

Hai người ngồi thẳng, đối mặt, nhìn nhau im lặng, không ai nói gì cả. Chỉ có tiếng đồng hồ lên tiếng gõ cách khoảng thật lâu, từ một giờ khuya đến năm giờ sáng.

Hai người vẫn ngồi im lặng, nhìn nhau bất động lời sáng tinh sương, một cánh bồ câu đập vù lên hơi thở.

9.

Cái gì cũng trở thành thói quen. Ngay đến mộng ảo cũng trở thành thói quen. Cái cổng chỉ mở một lần, mỗi năm, ngày cuối năm dương lịch. Bốn cái bóng dài như bốn cây tùng cao. Mỗi cái bóng bước đi thì một đường dài đen trải ra từ đầu vườn đến cuối vườn. Cái bóng đứng dậy thì một đường dài dựng đứng lên cao chót vót bằng cây tùng gầy. Cái bóng ngồi xuống thì một đường thẳng bị gãy xéo đi ngay chính giữa.

Trong khu vườn rộng, đó đây vài ba bông qui rừng đã héo

phạm công thiện

DOÃN QUỐC SỸ

mùa xuân nói chuyện thiền

VÀO THIỀN

Dòng đời như dòng sông, không một sịch na nào ngừng trôi chảy. Nó lệ cho lý trí đơn thuần, ham cắt xén, thì chỉ thấy được cái ngưng đọng, cái đã chết. Con cá thành thoi bơi lội giữa lòng trùng dương khác xa với cái nhìn, với kiến thức của con cá trong một giây phút nào đó vùng quẫy được lên cao khỏi mặt nước và nhìn ngắm và tìm hiểu đại dương bằng cái nhìn — dù là cái nhìn bao quát của nó lúc đó. Dùng lời nói mà đạt Thiền là việc phi lý. Thiền là cái trực giác luôn luôn uyển chuyển hòa đồng với thực tại thường xuyên uyển chuyển mệnh mông kia, thì lời nói, một sản phẩm quá ư hữu hạn của xã hội làm sao chụp nổi dòng sống bát ngát triền miên kia. Không thể vẽ bướm bằng cành tre. Không thể đựng mây hồng trong hộp sắt. Lời nói chỉ là phương tiện để gợi ý Thiền tất nhiên phải nhìn thoát ra ngoài xa, rất xa lời nói đó.

Thiền sư Kyogen nói với các môn đệ của ông:

« Thiền như hạt một người ở thế tự treo lơ lửng trên bờ vực thẳm. Răng hán cần giữ lấy một cành cây để giữ toàn thân lơ lửng trên vực. Tuy hán không hề nắm giữ một cành cây nào ;

chân hán không hề được đặt trên một cành cây nào. Thế rồi ở trên một mỏm đá gần đấy có tiếng người cúi xuống cao giọng hỏi hán : « Này anh, Thiền là gì ? » Nếu hán không trả lời, hán thua cuộc. Mà mở miệng trả lời ư ? Nát thây dưới đây vực ! Vậy hán phải làm gì ? »

Chúng ta thấy giải thích Thiền, tìm hiểu Thiền qua lời nói đơn thuần, nguy hiểm biết chừng nào.

Một vị Thiền-sư nọ cho dựng ba chiếc công lớn, khiến các môn đệ đi qua. Công thứ nhất là học Thiền. Có học Thiền mới hiểu được cái chân yếu tính của mình. Nhưng chân yếu tính đó ở đâu ?

Qua công thứ hai ta thoát khỏi sinh tử. Nhưng một khi ta còn xác thân đây, làm sao thoát được sinh tử ?

Qua công thứ ba xác thân ta phân hóa thành đất, nước, gió, lửa. Thế thì ta ở đâu ?

Một thiền sinh càng suy nghĩ càng thấy bối rối đành phải tới thỉnh giáo sư phụ :

« Thừa Thầy, người đã dạy chân lý không thể diễn đạt bằng lời, cũng không thể diễn đạt bằng cách ngồi im chẳng nói. Thừa Thầy, làm sao mà có thể thế được ? »

Vị sư phụ đáp :

« Thuở ta còn là một gã trai trẻ sống tại miền Nam Trung Quốc, chào ôi, chim hót sao mà vui trong hoa lá một ngày nắng gió đầu xuân ! »

Niềm vui cực lạc chính là vậy. Sao mà đơn giản ! Hồn mình như mây trời nở rộng bay trên vòm cao.

Còn đây, niềm vui đơn giản, niềm vui thiên thần, không màng đến đắc thất :

Thiền sinh Shichiri đang tụng Đại Tạng Kinh thì một tên ăn trộm lẻn vào, chỉ con dao nhọn lên lưng và hỏi tiền đâu. Shichiri đáp : « Tiền để trong hộp phía trước kia kia, » đoạn tiếp tục đọc kinh.

Tên trộm sắp sửa ra đi, Shichiri nói : « Để lại cho ta ít tiền để trả thuế, sớm mai người ta đã lại thu rồi. »

Tên trộm để lại ít tiền rồi sửa soạn bước khỏi cửa. Shichiri hỏi :

« Người không biết cảm ơn khi được ai tặng chút gì ư ? ».

Tên kẻ trộm bèn cảm ơn rồi đi.

Mấy ngày sau tên trộm bị bắt. Trong những lời thú tội y có thú cả việc đến lấy tiền của Shichiri. Nhưng Shichiri khai với quan trên :

« Tôi có tặng hán ít tiền, và hán cảm ơn lại tôi. Sự thực chỉ có vậy ! »

Tên trộm vẫn phải đi tù về những tội ăn trộm khác. Mãi tù hán tìm đến Shichiri, nói :

« Xin ngài hãy nhận tôi làm môn đệ của ngài ! »

Vì bình thân với lẽ đắc thất nên lòng thành thang bao trùm. Vì thành thang bao trùm nên diễn biến nào cũng khít khao như một vở kịch mà mình vừa là diễn viên vừa là nhà đạo diễn.

Ấy vậy, Thiền đơn giản như vậy. Nếu mình hồn nhiên đơn giản như vậy.

Trong khi Thiền sư Bankei thủ thủ nói chuyện Thiền với các môn đệ, tiền sinh luôn luôn bị ngắt lời bởi vị hòa thượng tên là Shinshu, vị này hết lòng tin vào những việc như phù phép, niệm chú. Sau cùng Bankei đành ngừng hẳn nói chuyện với các môn đệ và quay sang với Shinshu. Vị hòa thượng nói :

« Vị sư tổ của môn phái tôi trước đây có tài ngồi bên này bờ sông cầm bút lông viết được chữ lên tờ giấy căng ở bên kia bờ sông, tiền sinh có thể làm được điều gì tương tự chẳng ? »

Thiền sư lác đầu đáp :

« Không. Tôi chỉ có thể làm được những việc như đói thì ăn, khát thì uống, ai chửi mình thì tha thứ. »

Thì đấy, vị Thiền sư đời Trần Việt Nam há chẳng đã nói : « Gánh nước, bõ củi, ấy là Thiền ! »

Thiền sư Tozan đương cân vải gai thì một môn đệ tới hỏi :

« Thừa sư phụ thế nào là Phật ? »

Tozan tiền sinh liền đáp :

« Là một ký rưỡi vải gai đấy ! »

Joshu tới thỉnh giáo sư phụ là Thiền sư Nansen :

« Thừa sư phụ, thế nào là Đạo, thứ Đạo chân thực ? »

Thiền sư Nansen đáp :

« Thứ đạo thường hằng ngày là Đạo chân thực. »

Joshu bèn hỏi :

« Vậy con phải học thế nào để đạt Đạo ? »

« Người càng học càng xa Đạo ! » — Thiền sư đáp.

« Nếu con không học Đạo làm sao con đạt Đạo cho được ? »

« Đạo không thuộc cái mình trông thấy hoặc cái mình không trông thấy ; Đạo cũng không thuộc cái mình biết hay không biết. Đừng đi kiếm Đạo, đừng tìm hiểu Đạo, đừng khoác lên Đ những nhãn hiệu ngôn từ. Muốn chính mình thể nhập vào Đ hãy mở rộng mình như Đất Trời ! »

doãn quốc sỹ

HUỲNH PHAN ANH

mộng tưởng

SAIGON, TÊN GỌI THÀNH PHỐ ĐÓ.

Thật ra có thể mọi sự đều không đến nỗi nào đâu, chàng nghĩ thế, một cách kết thúc những dòng nghĩ ngợi, những chuỗi dài ám ảnh lồi thoi vẫn thường, trong một giây phút nào đó khó lòng đoán trước hay chuẩn bị, lũ lượt kéo đến, chúng tàn sát nhau, xô đẩy nhau, thay thế nhau, tất cả không để đi tới đâu cả. Đó cũng là cách tự trấn an mình tốt đẹp nhất. Từ bao lâu rồi chàng đã sống cuộc đời như thế, từ bao lâu rồi, đâu cũng vào đó, có gì đổi khác đâu, tất cả đều tiếp tục một cách bình thường nếu không nói là tốt đẹp, à !, hãy tạm dùng và chấp nhận chữ này, tốt đẹp, như người ta vẫn nói rằng mọi sự vẫn tốt đẹp, như người ta vẫn nói rằng đời vẫn đẹp. Vả lại liệu người ta có thay đổi được gì : cuộc sống vẫn ương ngạnh tiếp diễn không cần biết gì tới những mưu toan, những thắc mắc của mọi người. Trong những cuộc hàn huyên, tâm sự hay tán nhảm với bạn bè hay với những đồng nghiệp tại cùng nhiệm sở, với đám thanh niên thân cận — thí dụ Hưng, phải kể Hưng trước tiên, Hưng đưa học trò cũ, Hưng bây giờ là một tâm hồn bạn — chàng đã không từng thú thật tất cả những tình cảm mệt mỏi, ngao ngán, ề chề của mình là gì. Chàng không giải thích được

tại sao lại chọn nghề này và tại sao đổi ý kiến. Tại sao tất cả những mâu thuẫn vẫn luôn tìm được cơ hội xâu xé lấy chàng. Một người nào đó: « Nhưng anh có vẻ thành công hay ít ra anh được nhiều cảm tình tốt đẹp trong phạm vi nghề nghiệp của anh. Tại sao bây giờ... » Thành công, chàng nghĩ, cười thầm trong bụng, có thể gọi là thành công hay không, có thể nói rằng chàng đã thành công được không, dù cho bất luận trong phạm vi nào đi nữa. Nhưng thế nào là một con người thành công, một cuộc sống toại nguyện. Câu hỏi có phần vất vả, khó khăn thường chỉ hiện ra đề rồi biến mất sau đó, không được trả lời, điều giản dị là nó vượt ngoài khả năng của chàng: chàng tìm cách lẩn tránh nó trở lại chết như một kẻ phạm tội không bằng. Chàng cảm thấy bị mĩa mai, nhục mạ trăm trọng mỗi lần chợt nhớ đến, nhìn thẳng vào đời mình. Thật ra cái đáng điệu trông thăm nảo bệnh hoạn kia chỉ có thể là hiện thân của sự thất bại. Thất bại, có lẽ chàng còn có điều đó để tự hào, nó như một sự sống thân yêu nằm ngay trong đời chàng, tính ra cho tới bây giờ, một sở hữu riêng thuộc về chàng. Nó trở thành sự thật mỗi ngày, luôn luôn trở mặt nhìn chàng, ương ngạnh và thách thức. Ôi, mệt. Những buổi sáng ngủ dậy, bàng hoàng và uể oải, với tây tất đồng hồ báo thức, chàng đã bắt đầu ngao ngán trước hình ảnh một ngày đang chờ đợi. Một ngày với những công việc, những khoảng trống, những vết nứt rạn, những sức nặng, những lặp lại của nó, tất cả dường như đều đã quen thuộc mất rồi, niềm quen thuộc ngày một trở nên gay gắt. Một ngày để đi, về trên những bước chân không hứa hẹn. Một buổi sáng, ngồi một mình co ro trong góc chiếc xe đồ cũ kỹ, trong sương đêm còn rớt lại, làm run rẩy tay chân, chàng chợt nghĩ đây là tuần lễ sau cùng của niên học, dường như năm nào cũng vậy, niên học bao giờ cũng kết thúc trong tình cảm bàng hoàng của chính chàng, tạo một ấn tượng mờ hồ về sự thẩm thoát của thời gian, a! ngày tháng trông tri tri thế đó mà lại qua nhanh, tàn phá không ngờ. Không khéo mình già đi mà không biết, chàng nhủ thầm và nghe cay đắng thế nào. Nhưng sau đó chàng thấy ngay tất cả những lỗ bịch của mình, của tình cảm có phần sứt mẻ, giả tạo vẫn thường tìm được cơ hội len vào tâm hồn chàng. Dù sao hãy chưa đến đời nào. Có lẽ

đời sống không đến đời quá bi thảm như người ta tưởng. Chàng đang ở cái tuổi ba mươi của đời chàng. Chàng có sau lưng mình một quãng đời khá bình¹thản, một quãng đời mà thỉnh thoảng một biến cố, từ bên trong hay bên ngoài, không đủ sức làm thay đổi, hay ít ra tạo một cảm giác thay đổi. Và chàng vẫn sống một mình. A! Đó là một đứa trẻ buồn, không danh vọng, không ân huệ, đồng thời không gì để gọi là phàn nàn hay đáng tiếc. Chàng nghĩ thầm lại một niên học sắp sửa kết thúc, và dường như những ngày tháng rồi rảnh của vụ hè đang gần kề (mùa hè, mùa hè). Thôi nhé, không còn ngày ngày phải thức dậy sớm trong tiếng chuông đồng hồ reo vang bên tai nghe đến hốt hoảng, nhức óc; không còn nữa những buổi sáng khi thành phố mới trở giấc sau giờ giới nghiêm, trên những bước dài, hối hả, băng vội qua ngõ hẻm bắt đầu từ căn nhà trọ, dồn bước dưới mái hiên một dãy phố cũ kỹ, dưới những tàng cây im ngủ của một đoạn đường nhựa — những đoạn đường quen thuộc đó — đến một ngã tư có đèn xanh đỏ, hi vọng bắt kịp một chuyến xe đồ đầu tiên chạy ngang qua đó trên đường tới tỉnh T., chuyến xe đầu tiên với những người khách đầu tiên, thưa thớt, hứa hẹn những lần dừng lại, rước khách ở dọc đường, cho tới khi xe chật ních người đến không còn một chỗ đứng. Xe tiến vào địa phận tỉnh T. khi trời rưng rưng sáng, chàng sẽ xem lại đồng hồ, đo lường giờ giấc mình có thể thông thả xử dụng cho một buổi điem tâm bởi vì chàng cũng đã bắt đầu thấy cơn cào trong bụng, thường chàng vẫn rời thành phố, không kịp uống vội một ly café, không kịp ăn vội một đĩa cơm tấm hay một tô hủ tiếu hay ít ra một cái bánh tiêu trong quán Tàu ở đầu ngõ nhà chàng trọ. Không còn nữa những nhịp sống xê dịch mang cái vẻ sinh động có phần giả tạo, cái vẻ bận rộn bề ngoài đã dần dà thành một thói quen nhàm chán, đôi lúc trở nên một thứ hình phạt nặng nề và hải hùng nữa cũng nên. Chàng không ngần ngại thú thật điều đó với Đò, người bạn đồng nghiệp thường cung ly với chàng trong một quán nhậu bình dân và thường rủ rê chàng ngủ lại nhà hân, với Hưng đưa học trò cũ, với một vài người khác nữa tạm cho là gần gũi, thân mật với chàng. Những lúc khê khà bên ly la ve chàng ít khi giấu diếm được lòng mình, và sau đó thì con người thật bình thường

vẫn được che đậy sau khuôn mặt lầm lì, ít nói sẽ được bọc lộ khá đầy đủ, trung thật với tất cả những góc cạnh phức tạp của nó, khi thì ngáo ngổ xem trời đất không ra gì, khi thì buồn bã như kẻ sắp từ giả mọi sự ở đời, khi thì luyến tiếc, nhớ nhung, yếu đuối... Người bạn sẽ ngồi nghe, đầu gật gù ra điều khoái chí, thỉnh thoảng chêm vào một câu nói, đúng hơn là một điệp khúc: «Thằng này nói nghe được, chai nữa đi, rồi tiếp tục». Chai nữa đi. Chai nữa nghe. Ủ. Chai nữa thì chai nữa, có sao đâu. Đúng rồi. Thì tao có nói gì đâu. Chàng không mạnh rượu hơn ai, lỗi ở chiếc dạ dày từ lâu bị ulcère, chứng bệnh mà chàng vẫn hay nói đùa là thành tích đáng kể của chàng sau mấy năm đi dạy học, nhưng khi đã nốc cạn một ly đầu tiên rồi thì chàng không nhớ gì nữa, thôi thì «hãy cứ như vậy», «bạn bè đi tới đâu, mình cũng ráng đi tới đó, bao giờ ngã hẳn hay»... Chính trong những cuộc vui say với chúng bạn như thế, chàng cũng đã kể nhiều mẩu chuyện vặt vãnh liên quan tới (đời) mình, nhớ đâu kể đó, không theo một trật tự nào, chẳng hạn như thời còn đi học chàng đã mê một con bé hầu bàn trong câu lạc bộ nội trú ra sao, con nhỏ mới mười hai mười ba tuổi đầu mà đã dám liều thân đến chỗ hẹn với chàng, «ghê không?», một lần khác chàng đã nằm suốt một đêm với một người tình lớn hơn chàng những sáu tuổi mà không có chuyện gì xảy ra, đó chẳng qua là vì chàng vốn có tính nhút nhát chứ không đạo hạnh gì, một lần khác nữa chàng đã đánh tên hiệu trưởng của mình chảy máu mũi chỉ vì hắn có chùm râu ở dưới tai trông đáng ghét... những mẩu chuyện mà Hưng cho là thú vị và thỉnh thoảng đòi kể lại một lần nữa để hân lại có dịp cười rộ khoái trá, những mẩu chuyện thật tầm thường, tự chúng không chứng minh được gì cũng không nhằm đưa người nghe tới một kết luận nào, được kể ra không ngoài mục đích mua vui, những câu chuyện mà ngoài những phút cao hứng vui chơi chén đầy chén vơi với bạn bè, nghĩa là trong những lúc cô đơn, người ta sẽ chợt nhớ lại, hoặc tự chúng bỗng dưng trở về, (lạc loài, rơi rớt, đứt quãng), những lúc đó người ta sẽ thấy tâm hồn mình khác hẳn, không còn được tự nhiên nữa. Vâng lắm khi chàng cũng mềm lòng với quá khứ của mình mặc dù chàng vẫn thừa biết nó vốn nghèo nàn, lạng lẽ, cái quá khứ như một màu trời xám xịt, lạng càm của một ngày

đời không hứa hẹn. Cái quá khứ đó gắn liền vào một thành phố, Sài Gòn, tên gọi thành phố đó, nơi chàng đã lớn lên, nơi chàng đã sống trọn một thời tuổi nhỏ, nơi mà trên nguyên tắc chàng không nhớ lại gì không được phép nhớ lại gì bởi vì cái quá khứ kia chưa thành hình trọn vẹn, nó còn đang tiếp tục tìm kiếm cho nó một hình thù, một định mệnh, bởi vì đứa bé nhà quê, chính là chàng, trong những ngày loạn lạc đã đặt chân tới đó, thành phố đó, sống, lớn lên, dần dà đã làm quen với nó, đã làm chủ từng vĩa hè, từng góc phố, từng mảnh trời, tất cả chưa một lần nào đánh mất, tất cả vẫn còn, tất cả vẫn trung thành với chàng như những tâm hồn bạn không ngừng đeo sát bên chàng, trò chuyện và lắng nghe. Tưởng tượng một thành phố chưa bao giờ thành hình, một thành phố với một quá khứ hãy còn dở dang, trong một giòng sinh động đều hòa, liên tục, một quá khứ ương ngạnh không chịu nằm im, an phận, nhường chỗ cho một giai đoạn thời gian khác đến thay thế. Trong mơ tưởng của chàng, thành phố vẫn thường là kẻ tông phạm, chính nó đã cùng chàng lớn lên, quá khứ của chàng vẫn không ngừng trò chuyện với nó và tâm hồn chàng vẫn cùng san sẻ với tâm hồn thành phố từng hơi thở. Đôi lúc chính đó là điều khiến chàng khó chịu, những hồi tưởng về một thời đã sống qua, về một giai đoạn tuổi tác, về một quá khứ đã chỉ cống hiến cho chàng những hoài nghi: có thật là ta đã sống qua một thời tuổi nhỏ, như mọi người vẫn nói đó là những trang sách đẹp nhất của một đời người, dù rộn rã tiếng reo cười hay chan hòa nước mắt, đó có thật là tuổi thơ mà ta đã từng nếm qua mùi vị để nếu cần có thể kể lại với tất cả tự hào của một con người từng trải, và rồi những ngày tháng từng trải, và rồi những ngày tháng từng đi qua trong đời ta liệu còn để lại gì và liệu ta còn nhớ lại gì. Chàng nghĩ, nhớ, không dễ dàng lắm đâu, bởi vì chàng thừa biết rằng trí nhớ mình vẫn kém cỏi, mẹ kiếp cho trí nhớ của ta, nó vẫn lì lợm, ngổ ngáo, đường như nó không cho điều gì để nói với chàng, càng không có điều gì để trả lời cho những câu hỏi của chàng, chàng vẫn là kẻ phải luôn luôn dò tìm để bắt lấy một đầu dây để từ đó lần phẳng ra tất cả những manh mối im lìm trong bóng tối chập chùng của lãng quên. A! Ta không chịu thua mị đâu. Để rồi coi. Sẽ có một

dịp nào ta sẽ buộc mi ngoan ngoãn hơn lúc nào hết, lúc này có lẽ chưa cần thiết lắm. Bởi vì chàng đồng thời cũng thừa biết rằng trong viễn tượng của một niên học hầu tàn, với những cơn mưa đầu tiên bất thần đến sớm hơn mọi khi, với những đổi thay nhỏ nhỏ của giọng đời im ngủ đang đợi chàng, chỉ bao nhiêu sự việc tầm thường đó thôi cũng đủ cho tâm hồn người ta dù cần cỏi đến đâu cũng có phen rộn ràng, xao xuyến trong vũ trụ của trí nhớ. Đúng ra, chàng nhủ thầm, phải nói là vũ trụ của sự lãng quên.

huỳnh phan anh

DU TỬ LÊ

con ngõ tràng an

Tôi không nhớ khoảng thời gian nào, gia đình tôi đã rời căn nhà ở phố Huế, để trở về sống trong ngôi nhà đó. Tôi cũng không thể xác định, hồi ấy, bao nhiêu tuổi. Tôi chỉ biết một điều chắc chắn là tôi còn nhỏ lắm. Cái tuổi e ngại những khung cửa nhà trường — cái tuổi, chỉ cần không được chia đồng đều trong một món quà gì đó, cũng đủ khiến tôi tủi thân khóc vùi khóc đập. Nhưng ngôi nhà, ngôi nhà thì tôi không thể nào quên được. Cái đặc biệt của nó, không phải ở chỗ nó đồ sộ, nó cũ kỹ với bức tường trước bờ vờ một mảng to, với bậc tam cấp, dẫn vào một miếng sân, lát gạch ở giữa, hai bên là đất thịt. Nhưng tôi nhớ nó, vì bên hông ngôi nhà, là một con ngõ. Một con ngõ mang cái tên thật xa xưa — ngõ Tràng An. Con ngõ nhỏ, ngắn, cong gầy này, là con đường tắt, tốt nhất cho những bà nội trợ ở khu Huyện Trần công chúa, ở đường Gia Long, ở Triệu Việt Vương, băng ngang, rẽ tay phải, đi về chợ Hôm. Ở cái con ngõ ấy, với miếng sân sau, và chiếc cổng xây hàng rào xi măng, tôi đã đứng, những chiều, tắm sạch sẽ, quần áo nếp thơm tho, nhìn những bông hoa sứ nở trắng, trên nền vách rêu của ngôi chùa, đã trở thành nơi lên đồng của mấy cô đồng bà cốt.

Từ những ngày giáp tết, con ngõ mang một gương mặt khác.

Sắc sỡ hơn, với những tấm áo màu đủ loại, những giải khăn, những thước nhung mượt mà, chảy trên những dáng mềm, thấp thoáng. Cũng từ những ngày giáp tết đó, con ngõ chát chua hơn, với những buổi lên đồng liên tiếp. Tiếng hát ề a của mấy anh công văn, tiếng thét, tiếng cười éo éo, của cô đồng, tiếng lẩy cầu, khen chúc của những khuôn mặt tin tưởng một cách chân thành, với những con mắt hau háu nhìn vào những món tiền, những phẩm vật mà « cô » thương. Những ngày mưa bụi đầu tiên của đời tôi, bắt đầu biết ghi nhận.

Ở đó, ấu thơ tôi đã mở ra, đã khép lại. Ở đó, những ngày tháng cuối cùng của tôi, được ở bên cạnh người chị dâu cả. Ở đó, bên tiếng reo hò của đám đồng cốt, giữa những cơn mưa bụi, nhẹ êm, như một phiếm đàn ở cung trầm nhất, mẹ tôi đã khóc. Chị dâu cả và bốn anh em chúng tôi, đã quần khăn tang, đã đỏ mắt nhìn những chân hương tàn, thấp lèn, cho cái chết của người anh cả. Ngày mồng ba tết. Ở đó, những dấu vết thâm buồn của một đời sống nhọc nhằn, ươm đắp dần dĩ vãng, đã quét, đã phết, những lát sơn đầu tiên, lên vách tường tâm hồn tôi non nớt. Ở đó, giữa một mùa xuân, người anh thứ hai của tôi, đã âm thầm bỏ đi, trở về sống lại một lần trên nền đất xưa, của căn nhà thên thang, chúng tôi đã lần lượt được sinh ra. Một ngôi nhà bên giòng sông Đáy, dưới bóng lạng âm của ngọn núi Cấm. Và tôi, tuổi thơ, tiếp tục ném những đồng hào mừng tuổi đầu tiên, trong con ngõ Tràng An với những ván tam cúc dưới mái hiên thừa, hay những bán bài tây ba lá, của những ngón tay tài hoa, tung lên, đặt xuống. Đề rồi, lúc hết tiền, thọc tay và túi không, trở về, nhìn bà mẹ, sớm già, nhìn người chị sớm góa bụa ngồi trên tấm sập gụ, lên nước, mang từ quê nhà, dưới những ngọn nến chập chờn của chiếc bàn thờ thấp, trên có ảnh bán thân của người anh cả, chết năm hai mươi bảy, và cao hơn, chiếc bàn thờ tổ tiên, với những đồng chóe, cùng bài vị của ông bố chết giữa những ngày biến động bốn lăm,

Cùng với nỗi buồn của hai cái túi rỗng không, tôi cúi mặt đi về chiếc cửa sổ, tựa lưng, nhìn vào lòng con ngõ. Màu trắng lạnh của những bông hoa sứ thấp, mái tường rêu, những hạt mưa bụi phấn thấm lên qua lớp áo len, ngấm đọng trong thân thể tôi, nổi tẻ nhạt, gai gai của một ám ảnh vu vơ, lẫn khuất,

Tiếng cười từ lầu cao, từ sân thượng và mùi ngậy béo, reo sôi trong chảo, của những miếng bánh chưng dềnh nhệp, tạt bay vào căn phòng, tỏa lan đến chỗ tôi đứng, cho tôi thấy rõ hơn, sự cảm lạnh ưu uất của hai khuôn mặt thân yêu, gần gũi.

Hai dáng ngồi gầy gập, như hai vệt đen, trở thành hai giòng tuổi chảy xối xuống tâm hồn tôi, những nghiệt oan, mở đời.

Và mùa xuân của những ngày chớm lớn, và con ngõ Tràng An, của những tháng mưa bụi, là chiếc võng, là giọng ru, là lời buồn dỗ ngọt, đã cho tôi, hôm nay, còn nhớ ghi Hà Nội, như màu trắng tang quần trên đầu người chị dâu đầu tiên của gia đình tôi, góa bụa.

du tứ lệ

SƠN NAM

một chút lịch sử về sàigòn

Sàigòn là thành phố mới, là đất mới. Người viết bài này chưa từng đặt chân đến Hà nội, Huế nên chỉ biết phát biểu vài ý kiến chủ quan. Thành phố nào cũng có cái hay, cái dở. Hà nội với hồ Hoàn Kiếm và ba mươi sáu phố phường. Huế đồ với sông Hương và lăng tẩm. Sàigòn có gì đây? Là hòn ngọc Viễn Đông.... có lẽ với ý nghĩa nhiều tiền bạc, việc xuất nhập cảng khá phồn thịnh. Toàn thể Nam Phần được gọi là Gia định thành, đời nhà Nguyễn. Quan tổng trấn Gia định thành làm việc tại thành Phiên An. Đến về văn hiến mà xét thì Sàigòn là Gia định. Bài phú Cổ Gia định, tương truyền do ông Ngô Nhơn Tịnh soạn ra đã ghi lịch sử sinh hoạt của Gia định, tức là vùng chợ Sàigòn, với phường hội, làng Tân khai. « Ngồi liễn đuôi lân, phố thương khách ngang tòa dọc. Hiền sẽ cánh én, nhà quan dân hàng vẫn hàng đi. Gái nhe nhuộm tay vòng tay niêng. Trai xanh xang chơn hơn chơ hải ».

Nói rõ hơn, vùng Sàigòn cách đây hai trăm năm là nơi qui mùa, với đồng ruộng — đại lộ Trần hưng Đạo, đầu đường Huỳnh quang Tiên, cách đây năm chục năm còn là đồng ruộng —, vùng lung bầu sinh lầy — bầu Sen ở vùng Chợ Quán. Đình chùa ở rải rác khắp bốn chục làng, mỗi làng chiếm diện tích nhỏ bé. Vũ

Chợ Quán có đến ba làng: Tân Kiềng, Nhơn Giang, Bình Yên. Vùng Vĩnh Hội ngày nay là ba làng Tân Vĩnh, Khánh Hội, Vĩnh Khánh nhập lại. Ở trung tâm Sàigòn, xưa kia có chùa Khải Tường, đền Hiền Trung. Vùng Sàigòn, còn nhiều đình: Phú Hòa, Phú Thạnh, Nam Chơn, Tân Kiềng, Cầu Quan; trong Chợ Lớn còn đình Phú Hữu, Minh Phụng, Bình Tiên, Tân Hóa... Làng thì có đình chùa, có bãi tha ma. Thành phố Sàigòn mọc trên bao nhiêu mồ mả.

Người Miên lập dinh thự, cất chùa trên vùng đất cao, từ Chợ Quán đồ về Phú Lâm, từ xưa.

Người Hoa Kiều cất phố đề lo mua bán, tại vùng Chợ Lớn mà trung tâm là góc đường Triệu Quang Phục - Nguyễn Trãi. Trung tâm này thành lập từ năm 1778, chưa đầy 200 năm, do nhóm di thần bài Mãn phục Minh từ củ lao Phố (Biên Hòa) chạy xuống, tránh giặc Tây Sơn.

Người Việt Nam đến vùng Sàigòn từ năm 1698, hoặc trước đó nhưng đa số đều chọn vùng ngày nay gọi là Bến Nghé, gần bờ sông Sàigòn, ăn qua Gia Định, Gò Vấp, Thủ Đức. Đó là những làng nhỏ, với chợ làng lần hồi phát triển khi quan tổng trấn Gia Định thành đến chỉnh đốn cơ sở. Vùng Bến Nghé là trung tâm về hành chánh. Từ khi thành hình, vùng Sàigòn chịu nhiều thảm họa. Năm 1782, Nguyễn Nhạc chiếm thành Gia Định, đốt phá phố chợ — có lẽ để trả thù người Huê kiều về tội tiếp tế cho Nguyễn Ánh. Theo ông Trịnh Hoài Đức thuật lại thì sau trận làm cỏ ấy, một cây kim may trị giá một lượng bạc, một cân trà tàu bán với giá tám quan. Năm 1790, Nguyễn Ánh chiếm Sàigòn, cho xây Qui Thành do cố vấn Pháp là Olivier de Puymanel chăm sóc về phần kỹ thuật, theo kiểu thành Vauban của Pháp, trung tâm thành này có lẽ ở gần nhà thờ Đức Bà hiện nay. Nhưng 45 năm sau, Lê văn Khôi khởi loạn rút vào thành, từ 1833 đến 1835 quân sĩ triều đình mới dẹp được rồi phá luôn, dời về phía Đông, cách thành cũ chừng vài trăm thước — bốn phía được phủng định là đường Phan đình Phùng, đường Nguyễn bỉnh Khiêm, đường Mạc đỉnh Chi, đường Nguyễn Du ngày nay.

Thành này không đứng vững được lâu. Hai mươi ba năm sau,

năm 1859, quân Pháp đánh phá và triệt hạ, đặt 32 ồ cốt mìn. Thực dân Pháp muốn đánh một đòn tâm lý thật nặng để khủng bố tinh thần dân chúng và triều đình nhà Nguyễn. Thành Gia Định trở thành bình địa, không còn một vách đứng vững, đến đời ngày nay người ở Sài Gòn chẳng biết bám víu vào đâu để hoài cổ, để nhớ công trình mở rộng biên cương, của tiền nhân. Thành Gia Định (bị Pháp san bằng) có bốn cửa ô. Chợ Bến Thành, sân Hào Thành chỉ là những vị trí giúp chúng ta nhớ cái thành xưa mà Lê văn Khôi chiếm cứ chớ không phải cái thành bị thực dân đánh chiếm vào năm 1859.

— 1782, bị Tây Sơn đốt phá.

— 1835, chịu cảnh loạn lạc suốt 3 năm vì giặc Lê văn Khôi.

— 1859, bị thực dân đánh chiếm.

Gia định kinh, trấn Gia định, Gia định thành, Phiên An tỉnh thành — những tên của Sài Gòn về mặt hành chánh. Sài Gòn chưa hưởng những thời gian thanh bình lâu dài. Đời Gia Long, một du khách người Mỹ tên là J. White phỏng định dân số Sài Gòn là 180.000 người Việt và 10.000 người Huê kiều.

Cái thú nhà quê và cái thú kẻ chợ. Nhan đề một bài tập đọc trong Quốc văn, giáo khoa thư, lớp Sơ đẳng, thời Pháp thuộc.

Kẻ chợ là thành thị, gần như phản nghĩa với nhà quê.

Kẻ chợ là «thứ nhứt kinh kỳ, thứ nhì phố Hiến», với thương khách Hòa Lan, là xứ Quảng Nam với thành phố Hội An, đời chủ Nguyễn, khi người Nhứt, người Bồ đào Nha đến mua bán với Đàng Trong.

Thuở ấy, vùng Sài Gòn là xứ quê mùa.

Muốn được gọi là kẻ chợ thì thương mại, tiểu công nghệ phải phát đạt, dân không sống vì nghề cây cày. Ở kẻ chợ, tiền bạc vàng nghiêm nhiên trở thành thế lực quyết định, trở thành tiêu chuẩn đánh giá con người, giai cấp thương nhân xuất hiện, người thương gia giàu có lần hồi trở thành quý tộc, bậc công hầu phải kiếm vốn làm ăn hoặc kết tinh với thương gia. Trong lịch sử vùng đồng bằng sông Cửu Long, vào đầu thế kỷ thứ 18 một thương gia Trung Hoa đến vùng Hà Tiên đảm nhận trách

nhiệm xuất nhập cảng cho toàn cõi Cao Miên. Đó là Mạc Cửu, người được chúa Nguyễn phong chức hầu, chợ Hà Tiên nghiêm nhiên trở thành «kẻ chợ», được bọn thương gia Bồ đào Nha gọi là Can Cao (Cảng khẩu). Và hồi thế kỷ thứ 5, trước khi ở đồng bằng sông Hồng Hà có thành Đại La thì ở vùng núi Ba Thè (An Giang) bên kia Hậu Giang, thương cảng Óc Eo là vùng kẻ chợ phồn thịnh nhứt nhì ở Đông Nam Á, cửa nước Phù Nam.

Cuối thế kỷ thứ 19 và mãi đến đầu thế kỷ thứ 20, «Sài Gòn Kẻ Chợ» là vùng Chợ Lớn với đa số thương gia Huê kiều. Người Pháp đến, người Huê kiều càng nắm vững kinh tế miền Nam và giấc mộng của một số kẻ sĩ thời bấy giờ vẫn là làm công chức cho Pháp để rồi hưởng thú điền viên, khi về già, ở Gò Vấp, Thủ Đức hoặc Xóm Gà. Lúc ban đầu, người Pháp muốn tạo lập vùng Sài Gòn trở thành một nơi di dân, theo kiểu thuộc địa di dân ở Bắc Phi, chợ Sài Gòn được thiết kế trên tiêu chuẩn ấy, luôn cả vài tính lý trừ phú của miền Nam với những kiểu biệt thự theo kiến trúc đặc biệt thích ứng với vùng nhiệt đới, với những con lộ trồng cây che rợp bóng dành cho «quan lớn» đánh xe ngựa dạo mát, mỗi buổi chiều. Khi hậu miền Nam không thích hợp với người Pháp cho lắm nhưng miền Nam trở thành miếng mồi ngon, mỗi lúc thêm ngon với nguồn lợi dồi dào là vườn cao su miền Đông và lúa gạo miền đồng bằng sông Cửu Long. Sài Gòn phát triển thêm, lúa gạo xuất cảng đem mỗi lợi cho thực dân và Huê kiều nhưng đồng thời cũng làm thức tỉnh từng lớp đại và tiểu điền chủ. Từng lớp điền chủ đâm ra bất mãn với bọn gian thương và chế độ thuộc địa. Con cái của điền chủ được dịp du học rồi trở về nước, mang theo tinh thần dân chủ. Nông dân sống lầm than trong hoàn cảnh «người cày không ruộng cày», nói chi đến những phu cao su (đa số từ Bắc phần, mộ vào) bị đòn bộng hằng ngày, với thân hình xanh xao vàng vọt vì bệnh rét rừng. Phong trào tây chay Huê kiều. Đạo Cao Đài, Phong trào Đông Du, Hội Kín Nguyễn An Ninh với Việt Nam Thanh Niên Cao Vọng Đảng.

Sài Gòn lớn mạnh, thêm duyên dáng, có chỗ ngồi trên bản đồ thế giới — một chỗ ngồi khá vững chắc. Lớn và thành hình

rõ rệt, với cá tánh riêng biệt khi tiếp xúc với văn hóa Tây phương, qua sự áp dụng của thực dân Pháp.

Thực dân cai trị, đè nén người bản xứ. Nhưng chúng ta cần có thái độ rõ rệt, dứt khoát. Dân Việt vốn hùng mạnh, biết sống trong mọi hoàn cảnh khác nghiệt với thái độ chủ động và thói khôi hài. Chủ động để đừng mất gốc. Khôi hài là hình thức phê bình. Không phải những gì do Tây Phương đem đến là của Tây Phương. Không phải những gì tạo lập dưới chế độ thực dân đều là tàn tích thực dân.

Chữ quốc ngữ do các giáo sĩ Tây Phương sáng tạo ra nhưng đó không phải là chữ « ngoại lai », chữ của Thiên Chúa giáo. Lần hồi, dân Việt điều chỉnh chánh tả Việt ngữ, điều chỉnh văn phạm, xem chữ quốc ngữ như một dụng cụ tốt để thay thế chữ nôm, để phát triển ngành văn xuôi.

Nhà in chữ quốc ngữ, Imprimerie de la Mission ở Tân Định thành lập tại Việt Nam lần đầu tiên vào năm 1864, khi ba tỉnh miền Tây Nam phần chưa mất vào tay thực dân. Gia Định báo ra đời. Ông Paulus Của, ông Trương Vĩnh Ký góp công soạn tự vị. Truyện Kiều, thơ Lục Vân Tiên được phổ biến mạnh — như là Lục Vân Tiên — nhờ chữ quốc ngữ. Và nhờ chữ quốc ngữ mà giới trung lưu, giới bình dân thường thức được truyện Tàu, cách ngôn Khổng Mạnh. Tuồng cải lương ra mắt khán giả, phỏng theo cách phân chia màn, cảnh của kịch Molière. Sài Gòn đặt cơ sở đầu tiên cho làng báo Việt Nam, cho cải lương Việt Nam. Con đường xe lửa xuyên Đông Dương chở tiêu thuyết, báo chí từ Bắc vào Sài Gòn, đưa học sinh từ Sài Gòn ra Hà nội. Đó là con đường xe lửa Việt Nam, tiếng còi tàu, nhà ga, sân ga đã gợi hứng cho bao nhiêu văn sĩ, thi sĩ. Mái trường là do « nhà nước Tây » xây cất với thuế má của dân Việt nhưng tâm tư học trò, màu hoa phượng là Việt Nam. Suốt thời Pháp thuộc, dân Việt đã khôn ngoan và kiên nhẫn chịu đựng, tạo ra một nền văn hóa cao hơn đời vua Tự Đức, bằng có rõ rệt là phong trào Thanh Niên Tiền Phong năm 1945 ở Sài Gòn ồ ạt và có hiệu quả hơn hồi năm 1859, 1861 mặc dầu tướng Nguyễn Tri Phương và binh sĩ triều đình không kém phần dũng cảm. Sài Gòn có không khí riêng. Người Sài Gòn có

tâm hồn cởi mở. Đầu hồi đầu thế kỷ này, một nho sĩ từ miền quê lên Sài Gòn đã làm bài thơ « Chơi Sài Gòn » như sau :

*Nghe miền thiêng thị khác miền quê
Rảnh việc xem chơi dăm mỗi mề.
Lầu dọc lầu ngang, quan lớn, nhỏ
Khách Hồ Khách Hớn, kẻ đi về.
Sống tuôn khói nổi, hơi xả lúp
Xe hét dong đưa, tiếng xúp lè.
Dám nói cơm tiền nghe cũng phải
Ăn rau thăm hồ phận Di, Tề.*

Dưới sông tàu chạy, trên bờ xe lửa chuyển bánh, toa xe dong đưa với tiếng xúp lè (tiếng còi). Du khách nhớ đến Bá Di, Thúc Tề. Nhà Châu đã thàng thế. Nồi gương [Bá Di, Thúc Tề không ăn thóc lúa nhà Châu là chuyện không hợp thời. Cứ đón nhận. Giồng tổ nổi lên, căn nhà nhỏ bé muốn đứng vững thì phải mở cửa trước, mở cửa sau, đóng cửa là nhà sập vì cản gió. Nước lụt dâng lên, ta cứ tỉnh táo mà ứng phó. Rốt cuộc « phũ sa ở lại, rác rến trôi đi ». Đó là chiến lược từ ngàn xưa của dân Việt, giữa hai khối văn hóa Trung Hoa — Ấn Độ, sau này là những khối Tây phương. Riêng về người Sài Gòn, dường như họ thích ăn no, thích nói cho thỏa mãn rồi bỏ qua tất cả. Nhận xét như vậy là đúng. Ăn ngon là hình thức văn hóa cao. Lắm khi phải ăn lớn miếng và thức ăn phải thừa thãi thì mới thấy ngon, như trường hợp ăn cá lóc nướng trui. Nói là hình thức văn nghệ dành cho kẻ ưa đi, vừa đi vừa nói, nói trật thì cứ sửa lại. Ưa đi vì trước mặt còn chân trời mênh mông, nơi ít đồi núi. Muốn viết thì phải ngồi mà suy tư. Nói thì chỉ cần phát biểu một cách hồn nhiên, thấy sao nói vậy. Người miền Nam viết văn không điều luyện bằng người miền Bắc. Đúng lắm. Nói chuyện và viết là hai kỹ thuật khác nhau. Nói dễ nghe. Viết dễ đọc. Khi viết thì phải rút ngắn — theo một kỹ thuật nào đó — những điều mà ta muốn nói vì độc giả có thể đọc thật nhanh, đọc thầm lặng — nhanh hơn là nói chuyện... Người Sài Gòn thích đi, thích nói. Và giấc mơ của họ có lẽ là đi ra vùng Thanh-Nghệ-Tĩnh để viếng làng Tiên

Điền, xem cầu Hàm Rồng, ra Hà nội để ngồi bên bờ Hồ gươm, đến núi Tản, sông Đà để xem « cái điều bay, con cá nhảy », đến Bắc Ninh để nghe hát quan họ. Đi rồi về. Để nói nhiều và đầy đủ hơn.

sơn nam

ĐẶNG TẤN TỚI

cây lá saigon

Đó là thành phố tình nhân đã nhiều năm. Một tình nhân vô vấp, nồng nàn mà cũng rất lạnh lùng, hờ hững. Ở đó. Không. Ở kia. Cũng không hẳn vậy. Là thường ở một nơi nào lá cũng như muốn vút bay, cây như muốn chuyện trò. Mưa ơi! đã bụi mờ đôi mắt. Nắng ơi! đã vàng rực đôi mi. Saigon đẹp lá me, đẹp những ngọn cây hai bờ rìa mép đường dài. Saigon có lá của hoa, cây của cảnh và người của ồn ào, của cơ khí. Saigon của chuyện trò ngồi quán, của tình nhân với café, thuốc lá. Saigon, tôi đã đi và cũng đã trở lại nhiều lần. Saigon có cả một thế giới trên những ngọn cây. Nó âm thầm thanh thoát, nó dịu nhẹ mệnh mang. Tôi thường sống với những lời ru không thành tiếng của lá. Ôi! Saigon đã nhốt tôi trong một nhà tù lớn có những song cây kỳ diệu. Con đường Duy Tân ngày nào còn có thể ngó suốt từ đầu đường này tới thẳng nhà thờ Đức Bà. Sớm tinh sương phóng xe trên đó, con đường nhựa không còn tốt nhưng hai bên là hai hàng cây xao xuyến, cuối đường là cổng vòm xanh biếc ôm nóc tháp chuông thánh đường. Tinh sương nơi đó có cả mối lòng thăm thẳm, những tàn cây thánh nhiễm, một không gian heo hút vô bờ. Có người bạn tôi vẫn nhận rồi mỗi ngày (đang thất nghiệp

nặng) và hẳn tuyên bố thường tìm những con đường đẹp để đi, đi với cây rợp bóng, với lá rợp lòng.

Saigon, ai cũng có thể thấy một Hàm Nghi khác, một Lê Lợi lạ hơn, một Bạch Đằng mù mịt vào những khuya khoắt hazy tình sương. Nó đổi khác đến bàng hoàng, đến tê cóng.

Trong số bao nhiêu tượng được dựng lên ở Saigon, tôi vẫn chỉ thấy đẹp có mỗi một tượng đồng ông Pétrus Ký đứng tẻ lạnh, trầm mặc dưới lá sương, giữa những cây cao thẳng vút hướng trời. Đó là hình ảnh con người Việt Nam ngày trước. Cũng ngay bên cạnh đó, tôi đã thấy (bất ngờ được mục kích một cách lý thú), trong một sớm mờ sương còn vô cùng vắng lặng, một người đàn ông du thực, tứ cố vô thân, vai mang túi, tay cầm nón quơ quơ trên đầu, chân bước quàng xiêng, miệng thì thầm điều gì. Lại thêm hình ảnh một người Việt Nam hiện giờ mà tôi tình cờ bắt gặp, nó thì thắm lăm chằng? Bên công viên một người, trong công viên một tượng, cũng là người. Hai người Việt Nam ở hai thời kỳ, hai cảnh ngộ, hai chỗ đứng đó không nói với nhau được lời nào. Với họ chỉ còn lại có im lặng và chịu đựng.

Tôi ở vào một khu phố đông vui, một con hẻm bề bộn và rộn ràng, một căn gác gỗ đôi lúc lại vô cùng lạnh vắng. Tôi ở Saigon, tôi đi giữa Saigon đã hai năm rồi khởi từ nơi đó. Đã nhiều năm tháng trước kia tôi sống ở một con đường nhỏ trên Phú Nhuận, ấp Bắc ái 10. Gia Định hay Huỳnh Tịnh Của, Tân Định. Nhưng không hiểu sao tôi lại quanh quẩn ở đây lâu hơn. Con đường Phan Đình Phùng một chiều, một giòng xe đồ ập về nhiều ngã. Đôi lúc trong ngày giòng xe đó đùn lại bởi những chuyến tàu hỏa chở hàng bằng ngang. Tiếng động cơ nổ ròn như bốc hơi trong óc, gõ nhịp trong tim, như tiếng máy nổ dưới một hầm sâu bịt bùng.

Con hẻm hiền hòa đó từng khuya vẫn vang dội âm thầm tiếng chân những người về kẻ sát giờ giới nghiêm. Mỗi buổi sáng, những cô gái diêm trang son phấn đi làm buổi chiều tối hôm trước

và lững thững trở về giữa sáng hôm sau. Con hẻm mà sau nhiều chuyến đi xa trở về, tôi vẫn điềm nhiên bước qua những chạng cũ thân quen nhưng không phải hỏi chào.

Khoảng 12 giờ đêm, tôi nằm trên căn gác có thể nghe đều đặn tiếng kêu (hình như) của một con chim cú, buồn bã và ngán ngùng điềm vào không gian cái thời khắc âm u ma quái bao trùm. Điều đặn mỗi đêm khoảng 12 giờ con vật ấy lại kêu lên, không thay điệu. Nhiều đêm ngủ sớm tôi còn nghe được tiếng cú lọt trong cơn mơ hay đôi lúc bàng hoàng tỉnh giấc bởi sự đánh thức của những âm thanh buồn bã đó.

Sau những khoảng thời gian dài hay ngắn xa rời căn gác trọ, trở về tôi bắt gặp con mèo ngủ điềm nhiên giữa giường, gối chần xô lệch. Nơi căn gác đó có tiếng mưa rào rạt huy hoàng làm tôi không lúc nào giữ bình tĩnh được. Mưa đã đổi thay tâm giới tôi, mưa kéo dài vô hạn đến gần, xô dời hữu hạn tôi bay lên, bay bổng qua khỏi chín tầng trời mê hoặc.

Tôi sắp phải xa Sài Gòn sao? Sáng nay còn sớm lắm. Cây đang ngủ, phố còn kín cửa, đường đang trầm tư. Ồi! Cây của tôi còn đứng đó đến bao giờ? Và lá của tôi đã bay về đâu từng tâm sự? Vô cùng tâm sự đã đổ về đây. Một bàn chân ngập ngừng trên hè phố, một bàn tay tìm nhau dưới hiên mưa. Khuôn mặt nào hoảng hốt, trái tim nào kinh hoàng. Năm nay Saigon vẫn còn lá của cây và cây của cảnh, căn gác của tôi và tôi của tiếng mưa. Mưa nước, mưa lá hay mưa tiếng chim? Tất cả như cũng chỉ là mưa thôi. Mưa sao quá cô tịch và vắng tanh?

đặng tần tới

MANG VIÊN LONG

còn một chôn nào

Buổi sáng mưa sương mù cánh đồng, những đợt cau vườn cao bên những lũy tre đen thẫm; phía sau hiện lơ mờ dãy núi không đậm hơn màu xám bầu trời đầy mây. Làn mức dãy núi vẽ nhẹ nhàng dưới khoảng chân trời trông tựa nét vẽ phất bằng chì mỏng. Trong cánh đồng cao gió làm bay bay những tấm áo nylon trắng, xanh, của những hình nộm giữ chim như những người con gái xõa tóc đi dạo chơi ngoài đồng mờ sương của một thời thái bình, hạnh phúc. Lão Năm Lực tự dưng cảm thấy như lòng mình cũng thanh thản dễ chịu, hiểm hoi. Từ cái chòi lá che tạm giữa gò, lão Năm Lực nhìn lơ đãng khắp cánh đồng có ý tìm kiếm thêm những hình nộm. Trông những hình nộm dễ nhớ tưởng tới bóng người đông đảo rộn rịp trong những vụ gặt, những mùa cày cấy, tát nước, đồ phân. Lão nhớ quá chừng những buổi sớm mai mặt trời ửng đỏ bên kia hàng tre chiếu le lói xuống cánh đồng rộn rã tiếng nói cười, hò hát. Ngồi xoay mặt trông cánh đồng từng ngày trống vắng lẻ loi dần dần lão thấy thương cánh đồng như thương cho thân mình. Cánh đồng cũng tro xơ buồn bã với những bàn tay chăm sóc vội vàng, ra đi vội vã. Cánh đồng vì thế cần khô còi cọt như những người đã bỏ nó ra đi, cắt lìa sự sống. Nghĩ thế lão Năm Lực lại nhớ tới lão Mậu hôm trở về thăm làng gặp lão ở giữa nương. Lão đã chẳng nói nhớ thương đồng ruộng

là gì? Lão bảo cực chẳng đã phải bấm bụng mà xa lìa ruộng đất. Sống xa cánh đồng đời như buồn tẻ quá mức. Thiệt lâu không thấy mặt đám ruộng, miếng vườn, tôi bồn chồn lắm. Anh nghĩ coi làm sao không nhớ khi chiều nào cũng đứng đỉnh ra đồng sẫm soi từng gốc lúa? Tôi bây giờ chỉ mong được trở về sống lại với ruộng vườn, mà dễ gì được. Anh tính thử, tôi về thế nào cũng bị chúng kết tội bỏ làng mà đi. Trời ơi, không đi ở nhà chịu bom chịu đạn hả anh?

Lão Năm Lực cúi xuống nhìn điều thuốc bị ướt nước tắt lụi trong tay. Lão móc túi lấy diêm quẹt lửa, đốt lại. Đám khói lơ lửng trước mặt lão rồi bay vượt ra ngoài theo hơi gió thoảng vào, cuốn trôi. Ngoài trời mưa sương vẫn còn giăng mờ cánh đồng. Lão nhìn sững lên màn mưa bụi nghĩ mùa mưa này tới thực chậm. Và êm ả. Bảy mùa, tháng này trời đổ mưa tối tăm mịt mịt. Mưa đen kịt cánh đồng trông không thấy nổi bầy vịt. Trước mắt lão, lúc này điều gì cũng đổi thay chóng mặt khiến lão càng thêm ngơ ngác. Như những bận lão sững sờ giữa những mảnh giấy truyền đơn rải trắng cánh đồng. Trường hợp của lão Cửu bị bắt giam ở quận cũng chỉ vì nhặt những mảnh giấy trắng vô tích sự bỏ rải rác khắp ngõ hẻm khiến lão phân vân, sợ hãi. Sống bám riết vào đàn vịt ở mãi trong xóm này qua bao lần nhìn thấy đã dạy lão một điều: Có miệng như cam, có mắt như mù, có tai như điếc. Lão thường nói với con gái lão, con Lạc, muốn sống được yên lành phải giữ cam cái miệng mày lại. Thời này tao coi như có mắt cũng như mù. Và lão đã sống với nỗi tàn tật chưa tới đó trong mấy năm nay. Lúc đầu lão thấy thật là khó phải sống với nỗi tối tăm bưng bít của đời tàn tật. Lão uất nghẹn ray rức từng ngày với cuộc sống mình. Bà Năm Lực cảm lạnh phiền muộn bên lão bởi nỗi bức dọc của lão thường đồ xuống cho bà và Lạc. Bà chỉ thấy chồng thay đổi kỳ quặt với nỗi trầm ngâm cô quạnh không thốt được nửa lời. Rồi bà cũng không dám tìm biết, bà nghĩ, sợ chỉ khơi dậy những lo lắng buồn bã cho chồng. Một năm trôi qua với nỗi yên lặng cam chịu tàn tật đó đã khiến lão dễ chịu hơn. Thân thể lão như trơn tuột hết mọi vương bận, rã rời hết mọi âu lo. Có lúc lão cười vu vơ với ý nghĩ rằng lão nhẹ nhàng chơi vui lên trên hết mọi sự, lão ung

bụng với ý nghĩ đó. Lão nói thầm: *Đời mình giờ chỉ biết có đàn vịt.*

Nghе tiếng bầy vịt con mới nỡ kêu riu rít phía trong chòi, lão đứng dậy chui sâu vào. Lão bắt bỏ từng con sang một khu lưới khác, đếm lại, chia làm hai. Những con vịt con mịn lông, tơ yếu ớt rút đầu vào nhau kêu rộn ràng. Đôi chân non chưa xuống nước không đỡ nổi thân khi chúng lộn xộn chạy long tong trong khu lưới khiến chúng ngã lặn xuống nền cỏ, rầy kêu ồn ào hơn. Lão nhẹ nhàng chia chúng ra từng khu cho đỡ dẫm vào nhau mà chết. Trông bàn tay lão êm dịu như sợ đụng mạnh vào bộ lông tơ giống người tung tiu những con vịt bằng bông gòn, chừng bán ngoài phố. Với vợ con có nhiều lúc lão cộc cằn, nóng nảy nhưng với bầy vịt, ít khi thấy lão khó chịu bao giờ. Cái tính coi vịt trọng hơn vợ con của lão đã nhiều lần bà Năm Lực phản nản, giảng giải nhưng lão không bỏ. Trong đầu lão, lão nghĩ, chính những con vịt này đã nuôi sống gia đình lão vừa ở nhà giam ra xơ rơ không biết bám vào công việc gì để sống. Bà Năm Lực cũng đã bỏ tay sau gần một năm chạy lo cho lão mà bỏ hết công ăn chuyện làm. Lão ngồi nhà giam nhưng y như cả gia đình đều bị cột chân một chỗ, không yên dạ để làm một việc gì. Chỉ trừ Lạc, nàng còn ngồi đập máy được may và chút đỉnh. Tới lúc làng bị chọn rộn, người dần dần vắng, may và ế ẩm, lão hối Lạc bán chiếc máy để hùn vốn nuôi vịt lại với Gượng. Lúc làm ăn khấm khá, có vịt đàn nọ đàn kia, Gượng phải bỏ con ghe, chiếc sào, rồi bầy vịt để vào lính. Nhờ những bầy vịt của Gượng để lại, lão thêm nghề ấp trứng, bán con; một mình lão làm nuôi vợ con. Chính vì tin vào những bầy vịt, lão nhất quyết không để cho con Lạc lên phố xin làm trong số Mỹ với lũ con Hiệp, con Nhiên. Lão nói với Lạc, tao đã nuôi mày từ lúc chưa biết bò, biết lật; nay nuôi mày thêm năm mười năm nữa cũng không đến nổi. Tao có chết đi, bầy vịt này mày hưởng, nhà cửa này mày ở, còn thằng Nha... Lão bỏ lửng câu nói mỗi khi lỡ nhắc tới tên đứa con đầu đã tập kết ra Bắc mười mấy năm. Lão không dám nhắc tới tên Nha, như sợ nó là mối dây buộc trói lão lúc bị giải lên quận. Tên Nha thành ra một cái tên kiêng cử chính lão đặt mà không dám gọi, nhắc nhở. Từ cái tên đó, khiến lão nhớ miền

man những chuyện đã đi qua đời lão như một con sóng ngầm, có lúc dữ dằn, có lúc âm thầm buồn bã. Sự nhớ tưởng nào cũng gây cho lão nhiều hoang mang, bàng hoàng cay đắng. Sau ngày đình chiến, Nha trở về cao lớn, lạ lùng dưới mắt lão làm lão đâm ngượng ngùng với nhiều lúc nghĩ rằng Nha là một kẻ nào xa lạ, không chút dính dấp tới lão và gia đình. Lão từng sốt xồn xang, còn bà Năm Lực thì mừng rỡ đến chảy nước mắt. Bà ôm Nha như thuở còn nhỏ, như nắm giữ được một vật gì quý giá mà đời bà ít khi ước mong nổi. Được về nhà mấy hôm, Nha lại phải ra đi. Vật quý giá mà bà Năm đã cầm giữ đã vượt khỏi tầm tay, đời mất bà. Hôm lên phố, đứng bên quốc lộ trong đoàn quân trong số đó có Nha đi bộ ra bến tàu, bà ngỡ như một cơn mộng. Vừa êm ái, vừa đau xót. Trông thấy Nha trong đám quân mặc quân phục xám, đeo ba lô, đội nón lưới, tay cầm một thanh tre có cột con chim bằng giấy treo lủng lẳng; bà thẳng thốt gọi con. Bà chảy nước mắt bên lão Năm Lực và con Lạc trong tay. Đoàn quân nối tiếp di chuyển trước mặt bà như con nước chảy, lạnh lùng và ngơ ngác. Bà đứng dõi theo bóng Nha trôi dần cuối phố, thấy giòng nước đã cuốn trôi phăng đi mất một vật quý giá của đời bà. Biết đời nào theo chân dòng nước chảy ra biển cả mà gặp được con? Thôi thì coi như mấy năm kháng chiến nó đã chết, bà nghĩ bụng, rồi dặt tay Lạc rời đám người dọc quốc lộ tới ngồi dưới bóng gốc cây đồng cỏ thụ. Lão Năm Lực đứng yên, tần ngần, khi đám quân đã qua khỏi dãy phố hẹp. Con phố trở lại cái im vắng, dịu hiu, tan vỡ của những năm bị bom đạn tàn phá gần hết nhà cửa. Bóng Nha trôi qua trước mặt bà, giữa lòng phố nhỏ, như con ngựa hoang kham khổ không dừng nghỉ gót chân. Đàn ngựa vẫn miệt mài giữa cảnh trời đất mịt mù, bùng bít. Bà nghĩ thương cho thân con mà khóc...

Bản bật mấy năm những giọt nước mắt của bà Năm Lực đã ngưng chảy, nỗi sưng sốt như mất hẳn trong đôi mắt lão Năm Lực thì đột ngột lão Năm Lực bị xã mời, rồi bị giải lên quận vì có tin Nha đã trở về ở bên kia dãy núi, thỉnh thoảng có mặt trong một xóm phía dưới chân đồi. Thế là bà Năm Lực và lão có dịp nhớ lại buổi đưa tiễn năm nào xa lợ nơi con phố nhỏ một buổi sáng sớm đầu hè. Bà Năm Lực cố hình dung con, nhưng trí nhớ bà đã

phai mờ hình ảnh. Tình yêu thương dạt dào nơi bà không đủ khỏa lấp nỗi trống vắng tình nghĩa giữa bà và Nha. Cuối cùng, bà thất vọng với một niềm an ủi, bà vẫn còn một đứa con ở ngoài Bắc, đứa con lưu lạc giữa đời.

Phần lão Năm Lực sau khi từ quận lên trại giam để chờ một vụ điều tra nào đó theo lời viên quận trưởng, lão càng bơ vơ hơn khi hình ảnh Nha cũng mờ mịt vô tăm trong trí nhớ. Đến khi sợi dây liên hệ tình nghĩa sắp đứt trong nỗi nghĩ ngợi mong manh, thì sợi dây trách nhiệm dai dẳng buộc chặt đôi tay lão tới rướm máu. Sinh con ra không nhờ vả con chút nào, phải khổ vì con từ lúc sống cho tới khi chết. Thằng Quí chết gọn gàng giản dị như mảnh giấy điện tín của đơn vị nó đánh về cho lão, nhưng từng hơi thở, giọt máu của nó là sự sống, và máu đào mà lão đã truyền cho nó bấy lâu. Bồn chồn quẳng hết mọi việc để đi nhận xác con tận một tỉnh lỵ tân lập miền cao nguyên, lão trở về nhìn chiếc hòm kẽm phủ lá cờ lớn, vòng hoa đã héo khô, tấm bảng viết bằng sơn: Binh sĩ quân dịch Nguyễn Văn Quí, số quân 923.081, tử trận ngày 12 tháng 12 năm 68 tại Dakto; thấy lúc này lão mới thực sự được gần con như mơ ước. Lão cũng thường nói với vợ, ước gì mình được sống gần gũi với thằng Nha như sống với thằng Quí. Lão chỉ mong được chôn xác hai anh em nằm gần nhau trên quả gò có dựng chiếc chòi tranh của lão. Sớm tối lão sẽ ghé lại đó thăm, cho chúng đỡ tủi thân, lạnh lẽo. Lúc sống hai anh em xa cách nhau, thù nghịch, bắn giết nhau, chỉ có nỗi chết mới giúp lão đem chúng gần gũi nhau thấm thiết. Mọi con người mỗi khi đã chết rồi đều hiền từ và ngây thơ. Lão tin trong cõi chết âm u, chúng sẽ rủ nhau lên gò bầy én mỗi buổi chiều, nằm co rút trò chuyện bên nhau như những đêm mùa đông rét công. Những ngày ở trong trại giam lão vừa bồn chồn với tin sẽ đi nhận xác Nha về chôn, vừa đau xót với nỗi trông đợi qua từng ngày mỗi mắt.

Suốt mấy đêm liền lão đã nằm mơ thấy cả Nha và Quí dắt tay nhau lên chòi tìm lão, thấp thoáng phía sau là bóng con Lạc và bà Năm. Đã gần mười năm nay, lão chẳng hề nằm thấy gì về Nha. Chỉ một lần trông thấy Quí về nhà thăm trong một cơn mơ nhưng nó khi thì vui vẻ, vồn vã; khi thì nhản nhó, quần quai,

trong một giấc ngủ trưa giữa chòi. Vội rời từ đó trở đi, lão không thấy thêm gì về chúng cả. Đời sống vất vả, tối tăm, bất yên ngày đêm đã không chừa một khe hở nào cho những giấc mơ chen chân vào đời lão. Vào trại gian, lão thấy đời mình như dừng hẳn lại đột ngột từ đây. Xa lạ với kiếp sống cũ. Cũng lạ, chỉ cách cuộc đời phía ngoài bằng một bờ tường cao, những cuộn kẽm gai dày; thế mà lão thấy như cách trở nghìn trùng, tìm gan đứt ruột. Bầu trời trên cao cũng là khung trời khác biệt, tẻ tái. Không ngờ giữa đời, lại có những căn nhà địa ngục chờ đợi con người quá sớm như thế.

Nhờ sống gần gũi với Quí với Nha trong những giấc mơ nên lão Năm Lực đỡ thấy bơ vơ, buồn thảm như những ngày đầu chui vào nằm trong một xó tối. Lão sống như thế gần một năm...

Trời quang đảng hơn ngoài cánh đồng, màu xanh đồng ruộng cỏ cây hiện rõ nét hơn trước mặt lão Năm Lực. Nhưng như còn mưa đầu trong dãy núi mù mờ. Mây sà thấp xuống cúi, màu mây và màu núi không phân biệt được. Cách một khoảng xa, mảnh trời sáng hơn nổi rõ màu núi đem thắm. Lão Năm Lực đưa tay quần lại chiếc khăn lông ôm choàng từ cổ lên đầu. Chiếc áo dạ đen ngán cùn chặt sát vào hai nách lão không che nổi tới bụng. Quẳng màu tàn thuốc ra bờ cỏ đầm giọt mưa, lão sấn cao hai ống quần lên quá gối. Lão quay lại bùng thúng lửa, đi ra phía đàn vịt.

Bầy vịt đang quây quần dưới một thửa ruộng ngập nước rộn rã kêu « cạc cạc » nhìn thấy bóng lão lội xuống nước, chúng đua nhau kêu nhiều hơn « cạc cạc cạc cạc cạc ». Chúng bơi lội như muốn bám lấy lão. Lão Năm Lực đi vòng tròn thấy từng nắm lúa vào giữa bầy vịt. Chúng kêu « cạc cạc cạc cạc cạc cạc », rồi cắm cổ rúc những hạt lúa trên mặt nước. Sau, chúng lặn sâu xuống để rúc những hạt lúa chìm. Lão Năm Lực đã bước lên bờ ngồi vắn thuốc hút. Trông lão cũng thoải mái sung sướng như đàn vịt được ăn no nê. Trước mắt lão, đàn vịt đang lặn lội, tằm rũ lông cánh, tản mác khắp khu ruộng là nguồn hy vọng cuối cho đời lão. Lão nghĩ tới trên một muôn trứng và mỗi cuối tháng, tự dưng mỉm cười, đứng hẳn dậy...

Nhặt hai quả trứng của những con vịt ăn chậm để rót trên bờ ruộng lã đi dọc theo bờ đề cao, trở về chòi.

Từ đầu bờ đề trông xuôi theo con nước dưới mương lã đi nhận ra dáng Lạc với chiếc ghe con rẽ nước hướng về phía lã Thường ngày, Lạc đều chống ghe lên chòi mang cơm nước cho lã. Bà Năm Lực ở nhà trông chừng tử trứng ấp bằng một ngọn đèn vận vừa bốc đủ nhiệt độ đặt phía dưới lưới sắt. Bà chỉ thay cho Lạc khi nàng nhờ vả vì chuyện riêng, ở nhà trông coi thế mẹ.

Lạc ngồi hẳn vào lòng ghe, chèo ghe lướt đi nhẹ nhàng như được gió thổi. Con mương đục nước nguồn ngập phả bờ, có loại thấp đã chảy ào ào vào những đám ruộng thấp phía dưới. Lạc ngược nhìn trời : Mây vẫn còn ấp ủ mặt trời trông như còn sợ lắm. Gió thổi rất xuống mặt nước se sắc tỏa nhiều hơi lạnh lã lã. Lạc vui tay bơi ghe lướt nhanh hơn, thấy bóng lã Năm Lực đứng ở đầu mương cao sừng sững cô đơn như một hình nộm. Với ý nghĩ đó, nhiều bận Lạc thấy xót thương cha nhưng tin thương xót đó không che chở nỗi lã kéo giữ lã phải rời cán đồng, cần chòi tranh chênh vênh lòng lộng gió. Nỗi lo lã của một người con gái còn sống nhờ vào sự nuôi dưỡng làm nàng rí nhiều khi mơ ước riêng rẽ về một dự định thay đổi nào đó nhưng cuối cùng, nàng không thể làm gì hơn ngày hai buổi chèo ghe mang cơm nước lên chòi cho cha. Buổi đầu nghe nàng nói định thay thế cho mẹ, lã Năm Lực cười xa vắng nói lơ lửng bầy không sợ uống nước hay sao ? Lã chèo Lạc yếu tay, chèo chóng dỡ, đã không có cơm mang lên cho lã mà còn khiến lã sợ. Nhất là mùa nước lụt, cánh đồng phủ phè nước lênh láng chả ào ào ra ngã sông, mây chèo ghe dễ chết trôi à ? Lạc vừa nghĩ tới lời trêu đùa của cha, vừa nghĩ tới sự dỡ dang chèo chống củi mình. Ngồi trong ghe do giọng chống có lã nàng cũng đã trù trù không dám, hưởng hồ một mình một ghe giữa bề nước mênh mông. Lạc cười với lã Năm, nói con phải uống nước vài ba bát rồi sẽ chống giỏi, chuyện gì cha sợ dữ vậy ? Để con chống ghe qua sông nước lớn cho cha coi...

Lạc cập ghe vào sát bờ mương, bước xuống ghe lẹ lã. Lã Năm Lực đưa cánh tay xuống, kéo Lạc leo lên bờ đề. Lạc hỏi :

— Cha cho vịt ăn rồi chưa ?

— Rồi...

— Vậy mà con quên không mang thêm bao lã.

— Đề đó đã, chiều nhớ mang lên cũng được. Chà, mùa này chúng ăn dữ quá. Ba hột thóc sau mùa gặt, lã vịt ông Tám vét hết. Trời khiến cũng tức cười, chúng ăn rồi chúng trả chứ bắt mình phải trả thì bản tôi ruộng, tôi nhà, chứ đừng nói tôi heo què trâu bò...

Lạc nhìn cha, cười :

— Chỉ có con ăn mà con không trả thôi...

Đôi mắt lã bỗng sáng lên một chút trong vẻ xúc động hiếm hoi nơi cuộc đời gần xế bóng của lã. Có con trai thì lo sống lo chết, có con gái thì lo hư lo nhục ; lã đã qua được cái lo cho những đứa con trai, còn nỗi lo về Lạc hư đồn, tử nhục thì lã mơ hồ thấy lã cũng đã qua được. Con Lạc có mặt trong từng bữa ăn của lã nơi cần chòi vắng này, lã xui nhỏ bé như những con vịt con không lẽ nào như lã con Nhiên, con Hiệp trau chuốt chưng diện mê tiền theo Mỹ. Lã tin như thế, và thấy đời lã như còn được một chỗ để lã quay về ẩn trú, an ủi tấm thân.

Hai cha con lã Năm Lực đã băng qua đám ruộng ngăn chia bãi gò với con mương đục nước. Bây giờ, họ đang chui vào trong cần chòi thấp mãi tranh còn đọng những giọt mưa và nỗi rét mướt. Chung quanh cần chòi, sự vắng vẻ trống trải tới lạnh người không bao giờ mất. Ngoài xa, một chút ánh nắng đã bắt đầu nhỏ xuống giữa đồng...

Lạc vội vã đi ra mương theo lời hối thúc của lã Năm Lực vì những đám mây sắp mang cơn mưa tới hơn là bóng chiều sắp tắt. Rồi cha vào buổi chiều tối, tự dưng Lạc thấy buồn ngủ như thể đưa cha ra đi một chuyến đi xa. Một chuyến đi vào một cõi nào với vợ hiền muộn, tầm tối gian nguy. Ngó quanh, Lạc chỉ thấy một bóng lã trên gò thăm lã lẽ loi bên khói thuốc. Bỏ sự yên ấm của mái gia đình, lã lên gò sống cạnh người chết cũng chỉ vì sự sống cho Lạc. Sự sống cho bà Năm, và cho chính lã

nữa. Nằm trên những ngôi mộ lắm lúc lão nghĩ lão giống như người chết khi đêm tối về, rồi sống trở lại khi mặt trời rạng đỏ, nghe rõ tiếng gà gáy vắng vắng dưới xóm. Vì thế, nơi gương mặt lão không làm sao xóa hết nỗi lo ngại mất hồn của kẻ từ cõi chết lại. Lão tự khuyên lấy lão : *Hãy gắng với nỗi khổ của sự sống để được nơi nghỉ bù đắp trong năm mộ bình yên.*

Mấy từ đâu tới đây bầu trời thực chóng, như những cơn gió vô tình thoáng chốc thốc qua mặt nước làm chòng chành chiếc ghe Lạc. Nàng lại đều tay chèo ghe xuôi về nhà như chạy trốn những đám mây đen vần vũ đã mờ hơi nước từ góc núi trôi dần lại. Đường như đằng sau đã có mưa mờ, mưa trắng xóa, mưa đen kịt bầu trời. Nàng lại nhanh tay bơi ghe lác lư dồn đuổi trên mặt nước. Gió mơn man hai bên bờ mương, chạy sân xuống thấp thổi tung bay mái tóc dài của Lạc. Nàng vẫn cố sức chèo, chèo...

Gượng len vào vườn cây ra phía sau bờ rào vách trở nhảy qua tới trên bờ mương trông chừng Lạc vì nỗi nóng ruột của mình và của bà Năm Lực khi nhìn thấy cơn mưa như chạy dần mờ mịt trên cánh đồng. Lúc Gượng xoay lưng lại trông ngược lên quả gò nơi lão Năm Lực làm chòi canh giữ vịt thì thấy ngay chiếc ghe của Lạc chẩy nhanh tới. Trong dáng lẻ loi trên mương nước giữa buổi chiều giăng giăng mưa của Lạc, Gượng thấy quả sự nhớ thương của mình không có gì quá đáng hết. Chính những hình bóng cô đơn lủi lủi này của Lạc đã làm cho Gượng khó tưởng nghĩ tới ai tương tự hay vẽ thêm những mơ ước nào riêng biệt mà không có bóng dáng Lạc thấp thoáng, nói cười. Mà không có sự tham dự âm thầm của lão Năm Lực mà không có tiếng nói của bà Năm Lực lẽo đẽo khuyên nhủ con về chuyện tình và chuyện đời. Phải nói là Gượng đã thương thầm nhớ trộm Lạc khi nàng còn ngồi may ở quán nhỏ bên này cầu đúc cạnh khu chợ xéo. Lúc nàng thu dọn quán may đi ngược lên chợ thì Gượng cũng lững thững vác sào trở về. Hình như Lạc vội và ghé vào chợ trước khi chợ tan nên nàng không để ý tới Gượng. Trái lại đôi mắt Gượng không bỏ sót cử chỉ nào của Lạc bởi làm ao lo lắng được khi Gượng đã chuẩn bị rất nhiều cho những

lần gặp gỡ như thế? Với Gượng, nỗi trông đợi buổi chiều trở về sao cho thấy Lạc đã trở thành một thói quen hồi thúc anh như khi nghĩ tới một điều gì quyến rũ làm man man lòng dạ. Làm bồi hồi tim óc. Có thể nói, con gái, đừng có lo mình hiếm muộn ế ẩm, mà phải lo sao cho mình duyên dáng, nét na. Có muôn nghìn cặp mắt như đôi mắt Gượng, sẽ không bỏ sót tí nào về họ. Khi những đôi mắt biết trông chờ rạo rức như đôi mắt Gượng, thì khó tránh nổi một cuộc tình sẽ nở ra. Nở ra tự nhiên như lời thú thực của Gượng với lão Năm Lực: *Bác Năm, bác Năm à, sao cháu ra đi nhưng nhớ thương em Lạc quá.*

Sau lời thưa gửi giản dị như thế, lão Năm Lực đã mặc nhiên coi Gượng như người con rể trong nhà. Bà Năm Lực thì tỏ ra nổi vui mừng hơn ở những lời lẽ ân cần, săn sóc cho Gượng như bất cứ người đàn bà nào sắp gã con có chồng. Ngày anh lên phố tới tiểu khu trình diện, Gượng giao trọn bảy vịt cho lão Năm Lực coi ngó, nhận ít tiền phòng thân, ra đi như còn để lại muôn lời nhắn nhủ, hứa hẹn trở về với bảy vịt thường ngày. Lạc quen mắt trông thấy Gượng bên cha, thiếu Gượng đi nàng thấy cha càng tách biệt, âm thầm. Từ cảm nghĩ mỏng manh này, dần sự thiếu vắng Gượng đã làm cho nàng rời xa những câu chê trách Gượng cũ. Lúc đầu thì Lạc chê Gượng về hình dáng, sau tới tính bài bạc. Câu chuyện do lão Nhẫn kể lại (không rõ có vô tình cố ý chỉ nơi lão Nhẫn) rằng Gượng hồi mới vào nghề nuôi vịt đã mê bài quá chừng. Một lần nào đó tới nhà lão giao tiền đặt cọc lấy vịt, rồi đứng ngày trứng nở, cạp lớn; Gượng mang đôi giò lên thua hết trong sông bạc. Cuối cùng, Gượng phải xin lại tiền cọc với hy vọng gỡ gạc để có tiền nhận vịt. Lão thương tình cho mượn lại, rồi cũng thua hết. Thua liềng xiềng tới đôi giò cũng bán cho lão nữa thì thiệt là trắng quá tay. Lão nói với lão thì vậy chứ như con mẹ Dậm thì đừng có hồng mễ trả lại tiền cọc, để gì mà để mất miếng ăn đã kẻ sát miệng? Sau đó, đàn vịt quá ngày không có mồi bán sợ nó khô chân, chết dần, lão phải làm khổ vợ con mấy ngày chăm sóc ngoài đồng mới bán đồ bán thảo được cho con vợ thắng Lự. Lúc lão Nhẫn chấm dứt câu chuyện, lão kết luận : *Cái thằng mê nhiễm bài bạc kiêu này có ngày nó bán luôn vợ con chứ chẳng chơi đâu.*

Sự xa vắng Gượng bên đàn vịt thường ngày với lão Năm Lực mỗi lúc một ít làm Lạc thấy ghét hững hờ lão Nhân, nhất là khi nghe lời hỏi cưới nàng cho thằng cháu nào đó còn nhỏ tuổi nhưng làm trong sở Mỹ dư đã có thể nuôi nổi hai ba con vợ một lúc. Tiền bạc dễ dàng vợ vét cũng sẽ dễ dàng bay đi. Tới lúc nó bay đi rồi, thì không bao giờ hẹn dịp trở lại. Lúc đó, hai ba con vợ của thằng cháu lão Nhân sẽ vác cây mà đập nó chạy rông điên cuồng như thằng An du côn, thằng Thành giết mướn. Lạc sợ hãi và kinh tởm sự giàu sang do lão Nhân bẽ mếp tởm điếm cho thằng cháu lão quá. Với Gượng, nàng thấy yên ổn như bên đàn vịt thân thiết. Có nỗi hạnh phúc nào êm đềm trong cuộc sống vô vấp, giành giật, tham lam đâu? Lạc quay về dần với tình yêu thương của Gượng sau ngày nhận được thư Gượng gửi về với những lời lẽ nhớ thương tràn ngập đại hải. Sự trống vắng do Gượng để lại đã tởm điếm đậm đà một tình nàng. Và đêm đêm, nàng vẫn nuôi tròn những giấc mộng một ngày nào trở về của Gượng bên đàn vịt.

Và bây giờ Gượng đã trở về dù có hơi mệt mỏi khi những cảnh hoa đã héo dần ánh nắng của một mùa xuân chờ đợi, nhưng mãi mãi vẫn là ước mơ của Lạc nuôi nấng canh cánh bên lòng.

Trông thấy Gượng trong bộ đồ trắng thắm xa lạ từ đầu bờ mương sau vườn, Lạc dừng tay chèo. Chiếc ghe lơ lửng một khúc mương theo nỗi vui mừng chùng xuống trong lòng Lạc. Cho ghe xuôi dòng nước một lúc. Lạc hỏi hả chèo tiếp. Chiếc ghe lại chao đi với vẫy như những bước chân ân cần nồng hậu chào đón. Gượng đi bộ trên bờ mương một quãng về phía Lạc. Buổi chiều không có giờ giấc của mặt trời. Từ buổi sáng sớm, hình như mặt trời còn ngủ sâu trong mây.

Gượng lên tiếng đón Lạc:

— Cô Lạc lúc này chống ghe giỏi dữ hả?

Lạc cười (nụ cười hiếm hoi nở trên hai môi nàng):

— Cái gì tập mãi cũng được chứ? Anh Gượng mới về...

Gượng phân trần (như được sắp sẵn trong ruột từ trước):

— Đáng lý anh về hôm Tết, về không được buồn quá trời.

Mấy ngày đó nằm mãi trong rừng không biết mùi bánh chưng bánh tét.

Lạc bước ra khỏi ghe, ngược lên nhìn Gượng:

— Ở nhà ai cũng nhắc anh hết, có để dành mấy đòn bánh nhưng không chắc anh về, mới lấy ra ăn đây chớ đâu...

Gượng cười:

— Ăn thế anh cũng được, được về là quý rồi. Đi lính mới thấy mấy ngày nghỉ phép là quý, không có chuyện khổ nào khổ hơn làm lính cả.

Cả hai cùng quay lưng bước vào vườn, mưa rác hột reo trên cành lá. Gió thổi bay những cánh lá khô, thỉnh thoảng rơi xuống trước mặt hai người.

Lạc nói:

— Ông trời nổi khùng sao đó, mùa này còn mưa...

— Mùa này mưa trễ, bây giờ mưa thì phải rồi còn trách móc gì nữa.

— Ông trời để dành nước mưa từ mùa đông, hèn gì mùa đông thực ngắn ít mưa như bấy mùa...

Sau lời nói, Lạc nổi lên cười dài. Mưa xào xạc nặng nề trên cành lá. Gượng chợt nắm tay Lạc níu chạy vào nhà...

Bà Năm Lực đã dọn sẵn mâm cơm ngồi chờ Lạc và Gượng về ăn luôn một thể nghe tiếng cười rúc rích của Lạc ở nhà sau mĩm cười quay lưng lại, hỏi:

— Ai như con Lạc ở phía sau há bây?

Lạc dạ một tiếng thực tỉnh táo, nói con chờ ai vô đây nữa. Có tiếng Gượng cười nhẹ phụ họa theo lời Lạc.

Bà Năm Lực lại nói với xuống:

— Hai đứa lên ăn cơm rồi dọn dẹp kéo tới...

Gượng theo lời gọi của bà Năm Lực, bước lên trước. Mâm cơm đã bày giữa nhà, Gượng ngồi xuống trên một cái đòn gỗ để sẵn chờ đợi. Lạc vuốt lại mái tóc, giữ nét mặt thật bình thản sau khi bị Gượng chặn giữ lại ôm hôn nóng nảy.

Bà Năm Lực ngược lên nhìn con, Lạc nói:

— Anh Gượng về muộn quá hết cả bánh trái...

Bà Năm thở dài:

— Thây kệ, mắm muối gì có với nhau là quý rồi.

Gượng tiếp lời:

— Đi lính nhiều bữa ở đói...

Dừng một lát, Gượng cười :

— Nhiều hôm ăn uống không hết thức ăn.

Lạc ngồi xuống cạnh Gượng bới cơm ra chén :

— Làm gì ở trong rừng mà có thức ăn, anh Gượng ?

— Hàng quân đi qua làng nào không có đồng bào, của bên kia kiểm soát, bắt gà...

Bà Năm Lực gát :

— Không có đồng bào sao có được gà, mỳ ?

Gượng phân trần :

— Gà heo của mấy người bên kia bỏ lại, bắt ăn. Mình không ăn thì uổng quá.

Giọng bà Năm Lực lo lắng :

— May liệu hồn, ăn ở sao cho có đức, ăn uống kiểu đó có ngày.

Gượng cười hề hề, nhìn thoáng lên mặt Lạc :

— Nhiều bữa gặp được mấy chum cá trong trại của V.C, bắt ăn không hết. Còn cây trái trong miền Nam ăn đã đời...

Gượng vừa ăn cơm, vừa kể lại những bận hành quân dài mấy chục cây số, qua làng này làng nọ dù mệt cũng tranh nhau leo lên cây bẻ mít, hái dưa, chặt chuối. Những lần gặp phải mìn, lựu đạn làm bấy nhữ của mấy người bên kia, chết và bị thương cũng nhiều. Có hôm đi mãi khát nước, gặp một chum nước mừng rồi tới tranh nhau uống cũng bị mìn nổ. Mọi cách rình mò để giết hại nhau được Gượng kể lại gây thơ rành rọt làm bà Năm Lực ngáy ngáy, khó chịu. Còn Lạc thì áy náy lo lắng cho Gượng nhiều hơn. Ngồi nghe Gượng, Lạc có cảm tưởng như Gượng đã trở về từ một cõi nào xa xăm bừng bừng khói lửa, có muôn nghìn hố chông mìn, đạn chung quanh.

Gượng bỏ đĩa xuống theo bà Năm Lực, nói lơ lửng :

— Ai mà muốn đánh giết nhau làm gì, thiệt khổ...

Trong lặc Lạc lui cui dọn dẹp phía sau, Gượng ngồi ở vồn nói với bà Năm Lực về chuyện vịt, chuyện trứng, chuyện ruộng vườn. Với những lời nói này, bà Năm Lực thấy Gượng không có gì khác lạ cả. Nó vẫn còn nhớ tới bấy vịt, miếng ruộng, khu vườn đó chứ ? Nếu không có đánh nhau, nó không đi lính, nó đâu biết

chuyện súng đạn chém giết như nó kể. Mỗi lúc, bà càng thấy nó tội nghiệp thiệt thà trong những lời lẽ đã nhắc lại. Gượng tiếp tục nói với bà về những mong ước của anh, ước mong nào cũng có sự trở về bên đàn vịt với cảnh gia đình yên ấm. Dường như mỗi khi nói tới chuyện trở về, bà trông thấy nó man mác buồn, nao nao lòng dạ.

Đột nhiên cả hai cùng im lặng, nhìn ra ngoài khung cửa lờ mờ bóng mưa. Ngoài bờ rào, cánh đồng mù mờ trong bóng tối chập choạng tới. Sự vắng lạnh êm ả của cánh đồng len vào ý nghĩ của cả hai người với muôn nỗi khó nói trong lòng.

Bà Năm Lực chợt hỏi :

— Con không về ngoài đó sao ?

Gượng trả lời quả quyết nhưng giọng ngập ngừng :

— Mưa quá, con ở lại một đêm...

Bà Năm Lực uể oải lui vào buồng ngủ thì Lạc cũng đứng dậy đóng kỹ chốt cửa, vặn thấp ngọn đèn dầu. Nàng nói mấy đêm không có anh, cả nhà ngủ sớm lắm ngủ như gà, như vịt vậy. Cả xóm đều ngủ, thức một mình dễ sợ quá. Mấy tháng trước còn đôi ba nhà ở kể cũng vui, nay họ dọn ra ngoài quận, nhà mình còn lại buồn tẻ. Thiệt xuôi cho gia đình bà Hải, vừa bỏ nhà dọn lên quận chưa đầy một tuần, bị pháo kích chết cả. Ở chỗ nào lúc này cũng nghe toàn chết chóc cả há anh ? Lạc tần mẩn nhắc kể lại những đổi thay ở xóm sau ngày Gượng ra đi, câu nhắc kể nào cũng làm Gượng sững sờ tới lạnh hồn. Chưa tròn một năm, sao lại có quá nhiều thay đổi dễ sợ đến vậy ? Dù đã quen với súng đạn và nỗi chết tươi tắn xót xa, Gượng lần này thấy rõ ràng súng đạn thực tàn nhẫn. Nỗi chết thực bầm tím ruột gan. Từng lời nhắc nhở của Lạc như những mũi kim lần hồi châm chích khơi dậy ở lòng Gượng những tưởng nhớ hải hùng của mấy tháng làm lính. Mấy mươi lần sống kề cận nỗi chết lẽ loi trong những đêm đi tiền đồn, nhảy xông vào vùng ngập trời khói lửa mà chẳng có chút hy vọng trở về.

Gượng cố giữ giọng nói tự nhiên khi nắm bàn tay Lạc :

— Nói chuyện khác đi, nghe chuyện chết chóc hoài ớn quá...

Lạc cười:

— Chuyện gì?

— Chuyện gì khác chuyện đó...

— Vậy anh nói đi chứ.

Suy nghĩ một lát, Gượng giật cánh tay Lạc về phía mình:

— Này, chuyện... bây vệt của hai đứa mình.

Lạc cười ngất nghêu, Gượng cười theo nhưng chợt ra dấu chỉ vào buồng bà Năm Lực nói nhỏ, để bà già ngủ, bà dậy bà chửi hết hai đứa cho mà coi. Lạc dừng cười, nhưng nhìn Gượng với đôi mắt còn phảng phất âm thanh. Trong ánh mắt nàng, tuổi dậy thì cũng đã tràn đầy ham muốn, loi lã. Thấy Lạc nhìn mình đăm đăm, Gượng mất hẳn tự nhiên. Dù sao, lần gặp gỡ riêng biệt này với Gượng thật hiếm trước đây. Ít khi Gượng được ngồi nói chuyện bên Lạc mà vắng bà Năm Lực. Sự vắng mặt bà Năm gọi dậy những ước muốn đã có lần sắp đặt, nghĩ tới; nhưng lại khiến Gượng ngỡ ngàng xúc động vì sự điềm nhiên bắt đầu trở dậy những đôi hồi trên ghẹo ở Lạc. Trong lúc Gượng thì lúng túng bờ ngỡ từng tia nhìn khó xử tránh né Lạc, nàng lại cười hồng hai má. Có lẽ Lạc đang thích thú với nỗi tưởng nghĩ ôm ấp bấy lâu trong những ngày vắng bóng Gượng sao đó. Tới lúc con gái gỡ chững thực cũng dễ sợ chứ chẳng chơi...

Gượng rời tay giữ Lạc vịn tắt ngọn đèn dầu. Tiếng gió bên ngoài thổi ào ào qua mái tranh nghe rõ từng cơn. Đêm hoang đã biến biệt nín thở chung quanh. Gượng đứng dậy, bước ra khỏi bàn, kéo tay Lạc lại giở giường trong lúc nàng lại nổi lên tiếng cười cung cúc thật trong trẻo, loi lã?

— Anh làm gì vậy?

Lạc hỏi giọng âu yếm, ranh mãnh; Gượng trả lời, anh có làm gì đâu.

Hình như có tiếng gõ cửa, Gượng nằm im nghe ngóng cố phân biệt với tiếng động của những cơn gió lay chuyển mái hiên nhà. Đúng là tiếng gõ cửa. Gượng ngồi chồm dậy, di chuyển trong tối. Tiếng gõ cửa gấp rút hơn, gay gắt hơn khi Gượng đã ra tới quãng nhà sau. Gượng nghe tiếng Lạc hỏi thẳng thốt trong giấc ngủ đề mè vừa bị lời dậy. Ai đó? Ai gọi cửa? Tiếng trả lời cần nhần thôi thúc, mở cửa không? Lạc quơ cánh tay tìm Gượng,

nàng biết Gượng đã bỏ trốn trước khi nàng thức dậy. Nàng nghe hơi thở dồn dập rung động trong lồng ngực tê lạnh vì đề trần. Lạc mặc vội chiếc áo.

— Sao không mở cửa, cô Lạc?

Lần này Lạc nhận ra tiếng của thằng Sáng, con lão Ba Ưng. Nó đi vắng biệt lâu nay, giờ ở đâu lại trở về? Nàng chợt nhớ tới những lời chọc ghẹo của Sáng lúc trước, vững bụng một chút.

— Làm gì gấp vậy, anh Sáng?

— Mở cửa nhanh lên...

Lạc đứng thẳng dậy, nghe có nhiều tiếng dấu chân người đi động rầm rập trong sân. Lạc nhón gót tháo chốt cửa...

Tiếng hồi ồn ào làm bà Năm Lực thức giấc dậy. Khi bà trở ra Lạc đã thấp sáng ngọn đèn dầu trên bàn. Ngoài sân, loáng thoáng những ánh đèn bin trong màn mưa đục.

Sáng ra dấu cho một gã nông dân lực lưỡng trối cấp ké hai tay mẹ con bà Năm Lực lại, rồi quơ ánh đèn pin dò dẫm từng hóc tối. Lạc thấy thằng Sáng đêm nay không có chút gì giống thằng Sáng mỗi chiều ngoài bờ ruộng tát nước. Giọng nói nó cũng không phảng phất những lời lẽ quê mùa hiền khô năm cũ. Có lẽ nào nó đã đổi khác nhanh chóng như vậy? Ai dạy cho nó những câu nói hằn học, thù hằn, xa lạ như thế kia? Bà Năm Lực sửng sốt, đôi mắt tràn trào ứa đầy nước mắt cay đắng. Những giọt nước mắt mà đã có lần bà khóc khi tiễn Nha xuống tàu, lúc đưa lão Năm Lực lên quận...

Lạc nghe nhiều bước chân chạy dồn đuổi tận phía sau vườn xen với tiếng lá cây lay động trong gió. Một lúc, Gượng được hai người đàn ông để mình trần, quần cụt bắt dẫn vào trước mặt Sáng. Gượng nhận ra Sáng, thằng bạn thân lúc tóc còn đề chớm, định reo lên gọi, nhưng hân đã vẫy tay cho lời Gượng ra ngoài.

Vấn đề nguyên đôi tay của mẹ con bà Năm Lực bị trối cấp ké, Sáng nhíp nhíp khẩu súng:

— Phản động mẹ con bà rồi sẽ bị treo án...

Sáng quay phắt lại, bỏ đi. Gió ủa vào thổi tắt ngọn đèn dầu trên bàn. Phía ngoài không còn nghe tiếng dấu chân, chỉ có tiếng mưa rơi và gió thổi siết. Đêm thanh vắng quái dị. Trong nhà, bóng tối mù lòa nao núng trong đôi mắt mẹ con bà Năm Lực chan

hòa nước mắt. Chợt, một tiếng nổ vang lên từ mé mương sau vườn như mũi kim đâm suốt vào lòng Lạc uất nghẹn, vào lòng bà Năm Lực tê điếng. Lạc nổi khóc to lên và nghe rõ tiếng khóc mình xa lạ, thảm thiết. Bà Năm Lực rời rã ngồi thụt xuống mớ măng nghĩ tới một chốn nào đó không còn nghe tiếng súng...

mang viên long

PHẠM THIÊN THƯ

thơ nhựt

1

mười con nhạn trắng về tha
như lai thường trụ
trên tà áo xuân
vai nghiêng
nghiêng suốt tơ huyền
đôi gò đào nở trên miền
tuyết thơm.

2

con chim về dưới cội hoa
tiếng kêu cũng rưng
sương ngà trên vai
em về
sao nở trên tay
với tà áo nguyệt còn cài
mấy đòng.

3

con khuyển
 nó hát trên bờ
 em thay áo tím hững hồ sông mau
 rằng xưa
 có kẻ trên lầu
 ngày xuân
 gieo nhẹ trái cầu gấm hoa

4

đưa người
 về giữa nội hoa
 chừng nghe chim hát trên tà áo bay
 rừng rằng tay lại cầm tay
 kia em
 khăn lụa chưa đầy lệ thu.

5

con chim
 nào tự xa xưa
 về đây
 rót lại trái mơ cuối rừng
 em từ thừa áo tơ xanh
 về qua đề nhớ
 trong anh mấy mùa.

6

ừ thì em ngại mưa mau
 cũng đưa anh
 đến bên cầu nước xuôi
 sông này

chảy một dòng trôi
 đầu sông
 riêng nhớ một người cuối sông

7

con chim chết dưới cội hoa
 tiếng kêu
 rụng giữa giang hà xanh xao
 mai anh
 chết dưới cội đào
 khóc anh xin
 nhỏ lệ vào thiên thụ.

8

về rồi
 áo trắng mây pha
 trông theo dài một
 nương cà tím trôi
 đành rằng em chẳng yêu tôi
 xin như mây trắng cuối trời
 măng mang.

9

sao em
 bước nhỏ ngập ngừng
 tóc buông
 tơ biếc mấy rừng mạn mơ
 đêm về đốt nến làm thơ
 tiếng chân
 còn vọng hững hồ trong tôi.

10

em nằm giữa nội hoàng hoa
nửa đêm
có mảnh nguyệt tà trên bia
em ơi tỉnh giấc hoa về
nhìn trăng
nở đề câu thề gió bay.

11

xuống non
nhớ suối hoa rừng
vào non nhớ kẻ lưng chừng phố mây
về thành nhớ cánh chim bay
xa thành
thương vóc em gầy dặc hoa.

12

chim xưa cũng bỏ non về
em xưa cũng bỏ câu thề
tuyết bay
nhớ đành biết mấy tầm tay
chim di biên Bắc
hoa gầy bãi Đông.

13

nhớ em
trăng ngổ hoa buồn
vắng em từ thuở theo bướm gió xuôi
thời đành tôi lại là tôi
thì đành chuyện cũ với người
sao hôm,

14

thì thôi phố bụi xe hồng
suối kia nào nhớ đôi dòng
nhạn bay
đưa nhau chén rượu hoá này
mai kia
hạc nội thành ngoài lách hoa.

15

chim nào
rụng giữa thôn hoa
tay nào hong giữa chiều tà tóc bay
lụa nào phơi nắng
sông tây
áo xuân thu
nọ xanh hoài hạ đông.

16

con chim hạ trước
chưa chổng
cũng bay rời rã trong dòng xuân thu
từ em giặt áo xuân tơ
cũng nghe lòng suối
hững hờ còn ngâm.

17

em nằm dưới cội xuân xanh
môi em
đào mạn bên thành dậm tươi
về em vàng phố mây trời

áo bay thành hạc hoa dờn
gót xuân.

18

thì thôi tóc ấy phù vân
thôi thì lệ ấy
còn ngân áo sương
thì thôi mù phố xe đường
thôi thì thôi nhé thì thường thể thôi.

19

gầy em
vóc cổ sương dờn
tay em mai nở chân trời tuyết hoa
ngày thôi ngựa xoải vàng pha
chênh sao
huyết mộ
trắng tà bến sương.

20

xe bay giữa cõi như thường
lao xao vó rưng
trên đường đá tây
cơn mưa nào đó sau ngày
hàng đôi
ngựa bạch kéo dài dặc sương.

phạm thiên thư

những bài thơ về SÀI GÒN và HUẾ

CÁC EM ĐI VỀ MAI SAU

Các em là hoa nở chen khắp ngõ
Cửa dờn rộng mở thơm gót chân xinh

Có từng đêm trắng
Về ngõ một mình
Muốn khóc rưng rưng
Chợt nhìn gác nhỏ
Nhà em đầu phố
Tiếng học bài một sớm tinh sương
Giọng em của thủ đô Hà Nội
Nhiều thương nhớ
Trước tản cư hậu phương
Giờ đi cư vào Nam.

Anh thức trọn đêm mà như sáng dậy
Anh cũng có mấy thằng em

Em là con Hè Len
 Ba người Ma Rốc
 Một đêm uống rượu say mềm
 Đề em lại Việt Nam
 Em không biết bố
 Hết trận giặc Đông Dương
 Đã về Bắc Phi đánh người da đen
 Em theo họ má
 Em đánh văn Việt Nam

Ăn sâu vào ngõ
 Mấy ông trời nhỏ
 Tay làm hàm nhai
 Chia nhau từng khu phố Sài Gòn
 Đánh giầy đưa bảo bán kem
 Dành nhau từng đại lộ
 Đói no đói đại thành khôn
 Tối về tụ cột đèn
 Học Binh dân rồi coi Hoa Sen

Các em đang lớn mạnh
 Quen từ thuở nằm nôi
 Tiếng máy bay sẵn giặc
 Oe oe tiếng khóc chào đời
 Nhỏ chưa từ hơi sữa mẹ
 Lớn khôn nẻo đời sóng gió
 Trưởng thành giữa hàng rào giây thép gai
 Các em vững chắc đi vào ngày mai

Ngày mai mùa xuân ở đầu ngõ hẻm
 Trên gạch ngói Đông Âu
 Trên tháp canh giới tuyến
 Các em đi về mai sau

NGUYỄN ƯỚC

Cho tôi những ngày niên thiếu
 ngõ hẹp
 hai nhà nhìn nhau
 Cho tôi như không bao giờ mất được
 một con đường Dakao
 Cô bé lạc loài không mẹ
 nhìn sao
 một đêm Sài Gòn rất cũ

Cho tôi căn nhà sàn Bến Cỏ
 một người vợ
 một người chồng
 một đứa con
 bên giòng sông
 Hạnh phúc không còn
 khi người đàn ông đi con đường định sẵn
 người đàn bà yếu đuối
 đứa nhỏ thơ ngây
 Tôi nín làm sao được còng sắt lạnh
 Lông cát nước ròng
 Những chân cừ cô quạnh

Cho tôi chiếc hôn mặn chát
 Nước mắt hay nụ cười
 Tình yêu hay tội lỗi
 Nếu có chúa cho tôi quý đêm nay
 Người đàn bà sám hối
 Ai cấm người ta yêu một lần trong đời
 Căn gác thánh đường
 hai tín đồ khóc vì quên cầu nguyện

Cho tôi những song sắt lạnh
màu tro trời hoang đảo
của thằng bạn không cùng niềm tin
chung một tình yêu oan trái
Những xích xiềng có thật
Những xích xiềng không hình

Cho tôi linh ảnh
một hồn người tật nguyên
đi một thân người tàn phế
và đứa trẻ lớn khôn
đi trên xác-tôi-bóng-tối buổi mai

trần lê nguyên

HƯƠNG GIANG DẠ NGUYỆT

Ảo mờ sương bạc gieo mơ mộng
Lấp lánh giòng xanh gây nhớ nhung
Im lìm mặt nước không xao động
Mơ màng sông rộng trải mông lung

Trăng buồn soi nước như rơi lệ
Hương khói mơ màng vắng thổn thức
Ai đẩy thuyền ta lên mãi thế
Cho hồn phiêu lạc giữa không gian

Tiếng chuông muôn thuở hồn Vũ Trụ

Thoảng gọi trần gian đêm đã khuya
Cảnh vật lắng chìm trong giấc ngủ
Riêng còn thao thức ánh sao khuê

Áo mỏng thần tiên trắng phủ xuống
Rèm tơ huyền diệu lớp sương mờ
Bức màn thực tại ai vừa cuốn
Hiện hiện mơ hồ giảng ý thơ

Ai đây giọng hò lên xứ nguyệt
Nghe chừng vương vãi lối không trung
Lung linh ánh sáng làm bất tuyệt
Ta ôm ảo mộng nhập vô cùng.

ĐƯỜNG TỰ DO

Ơ kia nắng trắng nắng xanh nắng vàng
Nắng hát nắng múa nắng cười
Trên thành phố trên vỉa hè
Trên tà áo em tươi
Đường tự do chảy thẳng
Các anh đi về tuổi đứng hai mươi
— Thế hệ mới! mắt sáng ngời tin tưởng
Ta đứng lặng bên góc tường
Một phút lòng say chiêm ngưỡng
Đại lộ dang tay.
Ta nghe :
Xã-hội đi về hát cùng vui sướng
Ai mới nói gì như tiếng yêu đương
Ai mới nhìn gì như muốn trao ít yêu thương

ta thăm nhủ :

Ôi sự sống nơi đây thật vô lường

Và tình thương thật vô lượng

Sài Gòn ơi!

Có ai úp mặt chết giờ này trong bệnh viện

Biết chẳng người

Kìa vạn đóa hoa hương

Đang nở trên thảm cỏ xanh tươi của các học đường

Bao nhiêu em bé nhỏ

Đang cười đùa trong phấn hương

Cái gì đẹp mắt cho bằng

Dân tộc an vui hòa bình thịnh vượng

Ta ngửa mặt ngó trời xanh,

Mây trắng trôi về không vấn vương

Gió thổi.

Cờ bay.

Tự do nhảy múa giữa công trường

quách thoại

SÀI GÒN VÀ ĐIỀU NHẠC TẮT ĐÈN

Trong bóng tối buồn như màu tóc rụng

của điệu-nhạc-tắt-đèn

lần đầu tiên tôi thử

bằng hơi em

lần đầu tiên tôi ngã mình trên những vì sao đã chết

gặp nhau trong vũ phiêu vo tròn

lòng tráo trâng giải rộng

bước chân hút lấy bước chân

theo điệu-nhạc-tắt-đèn

theo tiếng kèn van nài vài ly rượu mạnh

theo tiếng khóc đêm chờ từ đáy phổi rướn lên

người nhạc sĩ oằn mình

nhắm mắt

lần đầu tiên

khắp ngực tôi rộn chảy nhịp tim em

bóng tối nửa vời quay lưng ra ánh sáng

Gặp nhau cho lạnh tê vũng nhạc

cho hàng mi không ngăn nổi mắt nhìn nhau

cho đôi môi gọt mòn từng mức rượu

cho tôi nói

và cho em không hiểu

— hay hiểu rồi nhưng cố ý làm ngờ? —

để tôi chiêm bao ngâm trọn một bài thơ

5000 chữ bằng tên em nói lại

5000 chữ đo 5000 tê đại

tiềm mỗi đêm vào những móng tay cong

Dù ly nước trà đá lạnh

không gạn nổi màu son

nhưng đã mài dần những bài thơ ngàn lần em hẹn viết

(những bài thơ chót biến thành cuộc đời

— cuộc đời mở cõi thơ)

dù vỏ lạc rang

có hợp thành cuồng phong

cũng không sé nổi lớp vải mềm buộc sát lấy mình em

nhưng đã làm đục khàn câu nói : « em yêu anh... »

em không là cô nữ sinh

đọc thư người yêu dấu giữa 2 trang nhật ký

tôi không là học sinh

trọn ngày chờ nhau bên cửa sổ

trọn ngày khao khát em đi ngang

vì
trà đá
và vỏ lạc rang
đã biến tình yêu thành một thứ trò đùa nhộn hoắt

Điệu-nhạc-tắt-đèn
đã thấm vào người tôi
nên tôi nhìn em qua bài blue què quặt
nên tôi nhìn em qua cửa kính vỡ tung
bước chân êm êm slow
nụ cười nghiêng nghiêng slow
nhưng

mắt nhìn : calypso

Chúng mình đã nói với nhau
bằng tiếng nói của sự thực hỗn hào
bằng tiếng nói cõi trường sống sượng
bằng tiếng nói bần nhơ
— tiếng nói không đánh phẩn, thoa son, không đeo mặt nạ
chúng mình đã dùng những lời cồng rãnh
những hình ảnh của xe rác loạn màu
vì em và tôi
vì chúng mình
chỉ xa nhau một chiều dài đường chỉ nhỏ
em cầm một đầu
tôi cầm một đầu
nét chỉ gầy căng thẳng
như những lời chúng mình mở rộng cho nhau xem

Tôi chỉ muốn em cười
sau màu khói thuốc vẩn mình nghiêng ngả
để quanh chúng ta thành hải cảng về khuya
để một giờ lên cạn

tôi tìm em như thuở trước tìm em
(tìm em vì thói quen nghiện ngập)
tuy đã nhàu hy vọng
tuy đã rách chờ trông
tuy biết em đang chết mòn
trong nhà lao ngổ cửa xanh, đỏ, tắt đèn theo điệu nhạc.
tôi vẫn tìm em
để hôm nay em đến tìm tôi
màu khăn san lưới lấy màu tóc lạnh
và nụ cười xanh lóa sáng
sau một lớp sương mềm
và ngọn đèn pha chột mắt
nhìn trộm hai đứa chúng mình hôn nhau!

Tôi đánh lừa tôi
cho trọn bài thơ :
tôi yêu em từ vắn lục bát đầu tay
từ bài thất ngôn vỡ luật
từ bài thơ tôi không biết gửi ai
từ bài thơ tôi đưa nhằm cho một người thiếu nữ
— không thể là em —
từ bài thơ buồn như ánh đèn khuya
júc tôi đưa em về qua trăm phố vắng
vắng như lòng hai đứa ngồi bên nhau

Cho tới khi ngã ngửa ánh đèn xanh
tôi thầm khen em đẹp
tất cả thơ có cỏ mọc chạy hoang
có cầu quay hoeo dĩ
có đường mòn bánh xe
có em (vẫn buồn như tôi yêu)
có bàn tay em gập ghềnh tự ái
tôi bằng ngang niềm vui
cho tới khi thấy điệu-nhạc-tắt-đèn ngăn cách chúng ta
Và bắt ngờ
tôi yêu em qua điệu-nhạc-tắt-đèn ngăn ngủi
khi đưa em về

qua trăm phố vắng
tôi viết vội bài thơ lên những ánh đèn khuya.

hoàng anh tuần

BAO GIỜ

Dù sao mai phòng triển lãm sẽ đóng cửa
(Rồi mở thêm lần nữa
Để làm gì ?)
Vút mẩu thuốc cuối cùng xuống giòng sông
Mà lòng mình phơi trên kè đá
Con thuyền xuôi
Chiều không xanh không tím không hồng
Những ống khói tàu mệt lả

Ai xui rằng mùa măng chưa tới
Mà mùa về măng thối chẳng ngọt
Vườn măng rừng thảng sáu đêm sáu
Muốn làm người học trò mười bảy tuổi
Đạp xe trên đường đồng
Bông mía trắng những căn nhà ngủ dưới cây
Sẽ thăm những bà con thân thuộc
Một người em hay một bà di
Trời xẩm
Như mắt
Như ngõ hoang hồn này
hôm nay
Nghe lời hát quen quen
Người đàn bà ấy mang tên...
Lời từ biệt
Trên một sân ga vắng
Tiếng kèn trầm của một chuyến ô tô ray
Đầy dĩ vãng
Nếu đã đi từ Hà Nội xuống Hải Phòng hay Bắc Ninh
Nếu đã đi từ Sài Gòn xuống Vĩnh Long hay lên Thủ dầu Một

Chuyến xe vẫn chỉ thuộc một mình
Như kẻ say rót rượu lấy mà uống
Cho vui thêm cuộc hành trình
(Đúng rồi những người thù ghét thơ tôi ơi)
Cuộc hành trình hoàn toàn cô độc.

thanh tâm tuyển

SÔNG HƯƠNG

Thuyền ai trên sông Hương
Lòng tôi trên sông Hương
Đầy nửa giòng nắng muộn
Đầy một hồn nhớ thương

Tay ai trên vai cầu
Lòng tôi trên vai cầu
Gió chiều bay tà áo
Tay vịn về đến đầu.

Mây chia trời Vỹ Dạ
Tiếng hát nào dâng buồn
Sương lan rồi mấy ngả
Sầu cũng vẫy đời luôn.

Mấy lần em buộc tóc
Trời rét như chiều này
Vệ đường khô tiếng guốc
Lưng áo chùng heo may.

Cây im nghiêng lòng phố
Chiều mây trôi với người
Mình anh về gác trọ
Mình anh sầu riêng thôi.

trần dạ từ

NG. XUÂN HOÀNG

huê, chào buồn

Thành phố ấy là quê hương của bà tôi, người mẹ không được gia đình thừa nhận của cha tôi, kết quả đẹp đẽ nhưng không mấy khả quan của mối tình lớn nhất của ông tôi. Có gì để tôi phải nhớ tới nó trong một buổi sáng rầy chút sương mù như buổi sáng hôm nay? Ngồi bên cửa sổ trên căn gác thấp ngó mong ra khu nghĩa trang thành phố một buổi sớm mai chưa bị tiếng động cơ của xe cộ và người việc đánh thức, tôi chợt nhớ lại chẳng biết vì sao?

Phải chăng cũng như ông tôi, thành phố ấy là biểu tượng mối tình đầu tiên của tuổi trẻ tôi? Một mối tình nặng nề nhưng bay bổng, say mê mà tình khiết, là me bay tưởng bước chân người, cơn gió động án chừng hơi thở. Phải chăng cũng như ông tôi, một chút gì của đời sống tôi đã đậu lại trên chóp đỉnh những cây phượng buồn thiu trong thành nội đó? Và tôi nhìn thấy lại một cách vô thức, đằng sau lớp sương mù mỏng manh kia, phía trái của tấm kính đục ngầu hiện tại nọ, cái quá khứ đã bị chôn dấu che đậy một người khác: ông tôi. Chẳng phải sao? Khêu động lại dĩ vãng, của mỗi người chính là xé lại một lần nữa vết thương đã mưng mủ của đời sống ta. Hãy tưởng tượng là như thế. Và như thế tôi nhìn thấy lại người đàn bà lạ mặt trong gia đình tôi, người thiếu nữ xinh đẹp lo âu sợ hãi lén lút nhục nhả trong thứ tình yêu của hung bạo của ông tôi, người mẹ không bao giờ được phép nhìn ngó hôn hít đưa con mình dần lớn lên là cha tôi, người bà hoàn toàn xa lạ trong trí tưởng vẽ vời của chính tôi. Người bà ấy đã sống ở một nơi nào đó trong thành nội, dưới những mái nhà quá giống

nhau, những con đường, những bụi cây, những người, những thăm lặng quá giống nhau. Làm sao người ta có thể phân biệt hai chiếc lá trong rừng, những hạt cát dưới biển?

Trong thành phố ấy, nơi người bà tôi đã sống, một Công Tăng Tôn Nữ X... mà tôi không rõ, không biết, không hề được nhìn ngắm chiêm ngưỡng, một khuôn mặt biến đổi không ngừng, đa dạng và kỳ quặc, thấp thoáng hai con mắt đen, mái tóc vấn trần, râu chuối vàng nặng nề trên cổ, đứng xuôi tay mỉm cười bên chậu bông trước sân thềm, đôi lúc bà bỗng già hẳn đi, mái tóc bạc phơ, những đuôi mắt nhăn nheo, túi lệ chảy thông, những đóm tàn nhang trên da mặt héo khô, cúi mình trên những bụi hoa sau vườn, cũng có khi bà hiện nguyên hình dưới khuôn mặt của người con gái tôi yêu, trầm lặng, nghiêm trang, nhỏ nhẹ, và không phải là không có phần buồn thảm.

Đó là thành phố của những ngày tôi đến vội vã, từ Nha trang lúc ba giờ sáng, khi cả nhà, cả thành phố còn say ngủ, chờ đợi lạnh lẽo co ro một mình trên sân ga, thui thủi trong chuyến tàu suốt đầy bụi than đen, đôi toa ở mỗi trạm, sang toa ở mỗi thiếp cầu gãy vì mìn, chen nhau tuôn xuống những con dốc, vượt qua những chiếc xà lan lớt tạt băng qua sông, ngủ đêm trong một khách sạn ở tỉnh lẻ, một căn phòng nhộp nhúa khai ngáy mùi nước tiểu và sát ngay trên đầu giường, những bàn tay vô danh nào đó đã khắc vẽ những hàng chữ tục tĩu trơ tráo; những hình ảnh thô bỉ dơ dáy, tất cả gợi đến sự nhòm tòm buồn mửa, đôi lần vì không tìm đâu ra một hàng quán bán thức ăn giữa đêm, và buổi mai sớm một nhòai thức dậy mua những gói xôi đậu nóng hôi hộc trong lá chuối, nuốt vội vàng trong tiếng còi tàu hụ, nhảy hót hơ hót hải lên con tàu đang bắt đầu chuyển bánh, chen chúc lẫn lộn giữa đám đàn ông, đàn bà lam lũ, trong một toa xe hình như đặc biệt dành cho súc vật, hít ngửi mùi mồ hôi ngai ngái và mùi dầu Nhị-Thiên-Đường nồng nặc..., và Huế hiện ra trong cái vẻ trống trơn, lạnh lẽ, buồn rầu của nó. Huế là đó với những con đường sẫm bụi đầy sỏi đá và bóng nắng, trưa cháy bỏng vắng hoe, không tiếng động cơ và lúc đó tôi có cái cảm tưởng hơi thái quá là không có cả bóng người. Ở thành phố đó, những người và vật sống dù trong nhà như

những trái cây hái vội chưa kịp chín đến, phải hâm nóng trong lu gạo hay treo cao trên gác bếp cho chóng vàng.

Đi tìm kiếm cái bề mặt của đời sống ở thành phố, đặc dị đó thật không phải là một điều dễ dàng gì.

Những ngày ở Huế, những buổi dong chơi một mình như khách nhân du, những bữa cơm nuốt không vô, bao lần lội bộ băng ngang Đập Đá, nhìn thấy sự éo uột nghèo khổ của một vĩ Dạ già nua tàn tạ, khám phá sự run sợ kinh hoàng của người tỉnh, sự nhỏ mọn đáng yêu một cách thâm thúy của tình ái chúng tôi. Và suốt cả buổi chiều, những buổi chiều, ngồi trên băng ghế đá trong vườn bông bên nay thành phố nhìn ngắm con sông Hương chảy lặng lẽ, tôi tưởng nghe được một cái gì khác, hơn là sự hiu quạnh của trời đất mà là cái chết đang gặm nhấm ăn lan trên từng phân li da thịt.

Và cũng như khi đến, tôi ra đi trong vội vàng gấp rút, không lời từ biệt, không chia tay, không hẹn hò, không đưa đón, thui thủi trên sân ga một buổi sáng lạnh buốt, chạy trốn trên nóc những toa tàu, sợ hãi người kiểm soát vì không còn tiền mua vé, đồi toa ở những cây trạm dọc đường, sang xe qua những cây cầu gãy, ngủ đêm trong một khách sạn tỉnh lẻ nhộp nhúa...

Mỗi tình ấy không tiến không lùi, nó không có lý do để chấm dứt nhưng để sống thì nó cũng không còn có lý lẽ nào. Cho đến khi sự chai lì đưa đẩy tôi về một thành phố khác, một thành phố đầy sương mù và gió hú và rừng thông, những tưởng Huế được nhìn thấy trong vội vàng, quen biết trong lén lút kia đã mất theo, đã dứt, đã hết, nhưng không buổi sáng hôm nay, một buổi sáng Saigon tháng chạp, chút sương mù rây trên những ngôi mộ lạnh, Huế chợt hiện đến, ở lại trước khi mặt trời lên chói nắng xuống tháp chuông giáo đường trước mặt nhà.

Hãy bay bổng ra khỏi trí tưởng ta đi hỏi Huế của những ngày trầm lặng buồn thảm và chết chóc.

Hãy vụt thoát ra khỏi đời ta đi hỏi Huế của mỗi tình dị hợm kịch cỡm và ngu muội.

Huế, xin chào buồn và âu yếm.

nguyễn xuân hoàng

THANH TÂM TUYỀN

hư tưởng của một thành phố khác

Đối với tôi Huế không thân mật và gần gũi bằng Saigon hay Hà Nội. Tên thành phố ấy chẳng gây một âm vang, một mơ ước, một luyến tiếc nào, nó lẫn trong những tên gọi những nơi chốn khác như tên một người đàn bà biết đó nhưng không chú ý. Lần đầu tiên đặt chân đến Huế, đã ngoài hai mươi năm tôi chỉ là đứa nhỏ chừng mười tuổi. Chuyển xe hỏa chạy suốt từ Bắc vào Nam ghé một ngày ở Huế, chúng tôi ở ngay khách sạn trước nhà ga trong một gian buồng nhìn chếch xuống giòng nước nhỏ hẹp đục ngầu lặng lẽ, hình như bấy giờ vào mùa khô ráo, tôi lầm tưởng là sông Hương. Đứa nhỏ chưa biết quan sát, nhận xét chỉ biết ghi nhận là thành phố này đông vui hơn — khi buổi trưa đi xe tay qua cầu Trường Tiền vào hiệu ăn trước cửa Thượng Tứ (nhớ thấp thoáng đâu đó một cây cổ thụ nhiều rễ với những người đàn bà mặc áo dài ngồi quanh, qua lại lạ mắt) — những nơi đã nghĩ lại trong những ngày trước là Thanh Hóa và Vinh, nhưng không thể đẹp bằng Hà Nội của nó. Con sông Hương đưa bé nhìn từ cửa sổ khách sạn, hai tay bám lên thành đánh đu như bao nhiêu ngày đứng bám khuôn cửa sổ con tàu vùn vụt ngoài những giấc ngủ mệt, trong buổi trưa nắng tĩnh mịch không thể sánh với con sông Cầu của Bắc Ninh nơi nó vừa rời bỏ, chưa nói đến sông Hồng. Cái cổng thành cũ đến gần tháp bé mất hết vẻ uy nghi huyền hoặc bị phố xá vây